



NGÂN HÀNG VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG (VPBank)

Trụ sở: 89 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

Tel: 024.39288869 | Fax: 024 39288867

Website: www.vpbank.com.vn

Dịch vụ chăm sóc khách hàng:

024 39288880 hoặc 1900545415

VPBank[®] BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VPBANK 2020

STEP UP TOGETHER

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VPBANK 2020



**Vì một Việt Nam
thịnh vượng** 



MỤC LỤC

TOP 10 ĐIỂM SÁNG 2020	04 - 05
THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HĐQT & TGD	06 - 07
BÁO CÁO KQKD 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG 2021	09 - 20
CHỦ ĐỘNG VÀ LINH HOẠT	21 - 27
ĐỒNG HÀNH VÀ GẮN KẾT	29 - 37
NIỀM TIN MỚI - BÌNH THƯỜNG MỚI	39 - 43
NẮM BẮT CƠ HỘI MỚI	45 - 47
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH FE CREDIT	48 - 51
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	53 - 61
CÔNG BẰNG - MINH BẠCH	63 - 67
QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG	69 - 91
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	93 - 173
MẠNG LƯỚI VPBANK	174 - 179

LỜI TỰA



**Muốn đi nhanh hãy đi một mình,
muốn đi xa hãy đi cùng nhau**



Cuộc khủng hoảng Covid-19 làm sâu sắc hơn nữa câu ngạn ngữ ấy. Đường đi bỗng hiểm trở khôn lường. Hơn lúc nào hết, cái nắm tay kịp thời, cam kết mạnh mẽ và tin cậy từ bạn đồng hành tạo thêm sức mạnh cùng vượt thử thách. VPBank chủ động và thành công ở vai trò người bạn đồng hành như vậy trong năm đặc biệt 2020.

Thành công không đến ngẫu nhiên. Trước khi đại dịch ập tới, VPBank đã có một quá trình tích lũy các giá trị nền tảng, chuyển đổi mạnh mẽ và toàn diện, cùng chiến lược hoạt động hợp lý và quản trị rủi ro chặt chẽ để vững vàng thử lửa. Những giá trị đó cộng hưởng và lan tỏa theo những bước chân đồng hành cùng khách hàng và cộng đồng, để các mục tiêu năm qua của chúng tôi hoàn thành ý nghĩa hơn.

Năm 2020, lợi nhuận trước thuế hợp nhất của VPBank đạt hơn 13 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 127,5% kế hoạch đề ra đầu năm, tăng trưởng 26,1% so với năm 2019. Đặc biệt nợ xấu của ngân hàng riêng lẻ giảm xuống dưới 2%. Tỷ lệ chi phí trên thu nhập được tối ưu còn 29,2%, tốt nhất trên thị trường. Các chỉ số an toàn hoạt động cuối năm 2020 đều đạt mức tốt hơn so với các mức quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Những kết quả đó gia tăng động lực để VPBank vững vàng và mạnh mẽ hơn nữa trên hành trình “Stepup Together”, cùng khách hàng và cộng đồng hướng đến những thành công mới và cùng Thịnh Vượng.

TOP 10 ĐIỂM SÁNG 2020

4

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VPBANK 2020

29,2%

Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) giảm xuống dưới mức 30%, mức thấp nhất toàn thị trường



200%

Tăng trưởng số lượng giao dịch qua VPO so với 2019
Lần thứ 3 liên tiếp
VPBank được IDG trao giải "Ngân hàng chuyển đổi số tiêu biểu"



6.000

Số người tham dự giải chạy VPBank Hanoi Marathon ASEAN 2020 khắp thế giới



TOP 20

Doanh nghiệp có chỉ số phát triển bền vững VNSI theo đánh giá của **HOSE**



TOP 300

Brand Finance đánh giá VPBank là 1 trong 300 ngân hàng giá trị nhất toàn cầu



127,5%

Mức hoàn thành kế hoạch năm 2020,
với lợi nhuận trước thuế trên 13.000 tỷ đồng

**19%**

Tăng trưởng tín dụng ấn tượng
với sự bứt phá của các khối
chiến lược vào cuối năm

**0,6%**

Mức chi phí vốn được tối ưu hóa
so với cuối năm 2019



QUẢN TRỊ RỦI RO THANH KHOẢN TỐT NHẤT

Giải thưởng The ASIAN Banker dành
cho VPBank, đưa VPBank sánh ngang
các TCTD hàng đầu Châu Á

**40 TỶ ĐỒNG**

Số tiền mà VPBank đã ủng hộ
công tác phòng chống dịch **Covid-19**
và khắc phục thiên tai



THÔNGIỆP

CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Thân gửi quý Cổ đông, Khách hàng và Đối tác!

Chúng ta vừa trải qua một năm với thử thách vô cùng lớn bởi đại dịch Covid-19. Ngay những tháng đầu năm 2021, một lần nữa Việt Nam tiếp tục dồn mọi nguồn lực với tinh thần cao nhất để ngăn chặn và đẩy lùi làn sóng dịch bùng phát trở lại trong cộng đồng.

Vượt qua những thách thức vô cùng lớn, Việt Nam trở thành điểm sáng của thế giới. Chúng ta thực hiện thành công mục tiêu kép, vừa phòng chống dịch hiệu quả vừa đạt mức tăng trưởng kinh tế ở nhóm cao nhất trên toàn cầu.

Trong bối cảnh đó, VPBank vừa củng cố an toàn hoạt động và tăng trưởng bền vững, vừa chủ động và linh hoạt các giải pháp, tập trung các nguồn lực đồng hành cùng khách hàng, đối tác và cộng đồng vượt qua khó khăn và thử thách.

Tính đến cuối năm 2020, hơn 110 nghìn khách hàng tại VPBank đã được hỗ trợ giảm lãi suất với tổng dư nợ trên 50 nghìn tỷ đồng. Hầu hết các khoản vay bị ảnh hưởng bởi Covid-19 được VPBank hỗ trợ cơ cấu đã trở lại trạng thái bình thường. Ngay khi đại dịch xảy ra, ngân hàng đã vào cuộc nhanh chóng, chung tay cùng cộng đồng thực hiện các hoạt động xã hội với gần 40 tỷ đồng; triển khai chương trình “Học viện tiểu thương” hỗ trợ hơn 12.500 tiểu thương vượt qua khó khăn; phát động phong trào “Vui lên Việt Nam” lan tỏa tinh thần lạc quan trong thời kỳ dịch bệnh; tổ chức thành công Giải chạy “VPBank Hanoi Marathon Asean 2020 – Chào bình thường mới” thể hiện hình ảnh Việt Nam an toàn và năng động.

Với hoạt động kinh doanh, đại dịch Covid-19 được xem như một cơn bão kiểm định sự vững vàng của mỗi chủ thể trong nền kinh tế, kiểm định tính hợp lý và hiệu quả của mỗi mô hình và chiến lược hoạt động. Với VPBank, 2020 là năm thứ ba triển khai lộ trình chiến lược 5 năm giai đoạn 2018 – 2022. Ngân hàng đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch, đặc biệt ở những chuyển biến quan trọng về chất.

Năm 2020, VPBank tiếp tục củng cố vị trí

ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân có doanh thu (TOI) lớn nhất thị trường, đạt hơn 39 nghìn tỷ đồng (trong đó FE Credit đóng góp 18.231 tỷ đồng). Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 13.019 tỷ đồng (trong đó FE Credit đóng góp 3.713 tỷ đồng), hoàn thành 127,5% kế hoạch, tăng trưởng 26,1% so với năm 2019. Các chỉ số hiệu quả tiếp tục ở nhóm dẫn đầu hệ thống các ngân hàng thương mại Việt Nam, với ROA đạt 2,6% và ROE đạt 22%.

Chuyển biến về chất thể hiện rõ với thu nhập ngoài lãi tiếp tục là động lực tăng trưởng doanh thu của ngân hàng mẹ, tăng 27% năm 2020. Tỷ trọng thu nhập ngoài lãi/tổng thu nhập hoạt động theo đó tăng mạnh từ 19,4% của năm 2019 lên 20,7%. Hướng chuyển dịch này tiếp tục củng cố tinh thần bền vững trong thu nhập của ngân hàng, giảm thiểu tác động từ môi trường tín dụng bộc lộ rủi ro bởi dịch Covid-19.

Trong môi trường tiềm ẩn nhiều rủi ro đó, VPBank đã tiếp tục củng cố chất lượng tín dụng, kiểm soát chặt chẽ nợ xấu hợp nhất dưới 3% và đặc biệt tỷ lệ nợ xấu tại ngân hàng riêng lẻ giảm xuống dưới 2%. Cùng đó, tỷ lệ an toàn vốn (CAR) theo tiêu chuẩn Basel II được duy trì ở mức cao, cuối năm 2020 ở mức gần 12%, cao hơn nhiều so với quy định tối thiểu của Ngân hàng Nhà nước (8%).

Song song với đó, công tác quản trị rủi ro tiếp tục được củng cố. Năm vừa qua đánh dấu mốc quan trọng khi VPBank được Ngân hàng Nhà nước công nhận kết quả tuân thủ sớm trụ cột 2 của Basel II. Cùng với việc hoàn thành sớm trụ cột 1 và 3 trong năm 2019, việc hoàn thành trụ cột 2 sớm 1 năm so với yêu cầu của cơ quan quản lý đưa VPBank trở thành một trong ba ngân hàng tiên phong hoàn thành triển khai Basel II theo phương pháp Tiêu chuẩn trên thị trường Việt Nam. Tiên phong trong việc xây dựng hệ thống kiểm soát rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng theo tiêu chuẩn quốc tế, các nỗ lực của VPBank đã đem lại nhiều kết quả tích cực trong quản lý và phòng ngừa rủi ro đối với danh mục đầu tư. Trong năm 2020, VPBank tiếp tục triển khai

chương trình tín dụng xanh để thúc đẩy các hoạt động đầu tư bền vững, các lĩnh vực có đóng góp cho bảo vệ môi trường và chống biến đổi khí hậu.

Những chuyển biến về chất năm qua tại VPBank cũng thể hiện rõ ở các chỉ tiêu quan trọng khác. Trong đó, tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) hợp nhất giảm mạnh còn 29,2% so với 33,9% cuối 2019, đạt mức tốt nhất trong hệ thống các ngân hàng thương mại Việt Nam. Kết quả này đến từ định hướng tiết giảm chi phí hoạt động, thúc đẩy chuyển đổi số để tối ưu hóa quy trình vận hành và nâng cao hiệu quả hoạt động trong năm qua.

Gắn với chiến lược ngân hàng bán lẻ hiện đại, trên cơ sở tệp khách hàng không ngừng mở rộng, năm 2020 VPBank tiếp tục thành công trong việc nâng cao một chỉ tiêu quan trọng là tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA) của ngân hàng mẹ, tăng trưởng khả quan từ mức 13% cuối 2019 lên 15,5%. Kết quả này cho thấy tín hiệu khả quan của chương trình dài hạn củng cố tính hiệu quả và bền vững của nguồn vốn huy động khách hàng, góp phần cải thiện tỷ lệ lãi biên cho ngân hàng năm qua.

Động lực quan trọng cho những chuyển biến về chất nói trên có được từ quá trình chuyển đổi số tiếp tục được chúng tôi đẩy mạnh trong năm 2020. Vị thế dẫn đầu của VPBank tiếp tục nổi bật khi trở thành ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam ứng dụng thành công e-KYC giúp khách hàng mở tài khoản thanh toán 100% trực tuyến. Cùng đó, nhiều dự án số hóa được triển khai như ra mắt website mới với thiết kế thông minh, thân thiện tích hợp trí tuệ nhân tạo; ra mắt ứng dụng VPO do ngân hàng tự phát triển với giao diện và các tính năng hiện đại; xây dựng nền tảng Open Banking toàn diện – một hệ sinh thái các dịch vụ ngân hàng; cải tiến quy trình và tự động hóa nhằm nâng cao năng suất lao động...

Những dự án trên tiếp tục gia tăng tiện ích và trải nghiệm khách hàng, mở rộng các hệ sinh thái ngân hàng giao dịch. Nỗ lực của chúng tôi trong đẩy mạnh chuyển đổi số cũng đã được ghi nhận, được IDG và Hiệp hội Ngân

hàng Việt Nam vinh danh “Ngân hàng chuyển đổi số tiêu biểu” năm thứ ba liên tiếp.

Phản ánh những chuyển biến về chất nói trên, cũng như hiệu quả hoạt động cập nhật qua các kỳ báo cáo tài chính trong năm, giá cổ phiếu VPB của VPBank đã tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2020, được nhà đầu tư đón nhận tích cực với quy mô thanh khoản cao trong rổ VN30 trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE).

Và ngay đầu năm 2021, VPBank đã có bước tăng hạng ấn tượng, tăng thêm 37 bậc để lần đầu tiên lọt danh sách 250 thương hiệu ngân hàng giá trị nhất toàn cầu, đạt vị trí thứ 243, đồng thời giữ vững vị trí ngân hàng tư nhân có giá trị thương hiệu lớn nhất Việt Nam năm thứ 3 liên tiếp, theo bảng xếp hạng của Brand Finance – công ty tư vấn định giá thương hiệu hàng đầu thế giới.

Những ghi nhận cụ thể đó từ thị trường, từ các tổ chức uy tín trong nước và quốc tế là động lực quan trọng để toàn hệ thống VPBank bước vào năm 2021 với tâm thế mạnh mẽ hơn nữa.

Dù diễn biến của dịch Covid-19 vẫn phức tạp, triển vọng phục hồi kinh tế toàn cầu được dự báo sẽ khả quan hơn. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam cũng được dự báo hồi phục mạnh mẽ hơn trong năm 2021. Với triển vọng đó, với sự đồng hành của quý Cổ đông, Đối tác và Khách hàng, chúng ta tin tưởng VPBank sẽ tiếp tục vững vàng vượt qua những thử thách, nối tiếp những thành công mới trong lộ trình thực hiện chiến lược 5 năm giai đoạn 2018 – 2022.

Xin trân trọng cảm ơn!

Vì một Việt Nam
thịnh vượng 

VPBank

**BÁO CÁO KẾT QUẢ
KINH DOANH 2020
ĐỊNH HƯỚNG
2021**

KẾT QUẢ KINH DOANH NỔI BẬT

2020 – VƯỢT QUA THÁCH THỨC & CHIA SẺ VỚI CỘNG ĐỒNG



13.019 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế
đạt 127,5% kế hoạch



29,2% CIR



19,0%

Tăng trưởng tín dụng



↓ 0,6% COF



16 triệu

Khách hàng



2,90%

Tỷ lệ nợ xấu
(NPL - TT02)



2,6%

ROA



6,5 triệu

Thẻ phát hành(*)



22,0%

ROE



x2

Doanh số giao dịch
qua VPBank online



11,7%

CAR



110.000 khách hàng

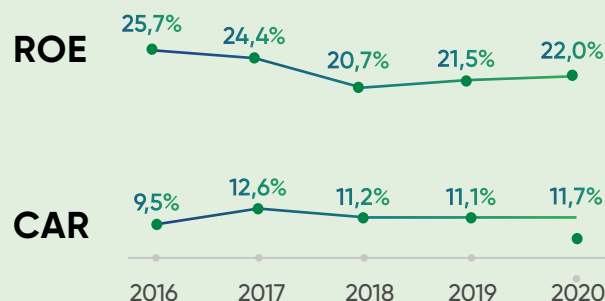
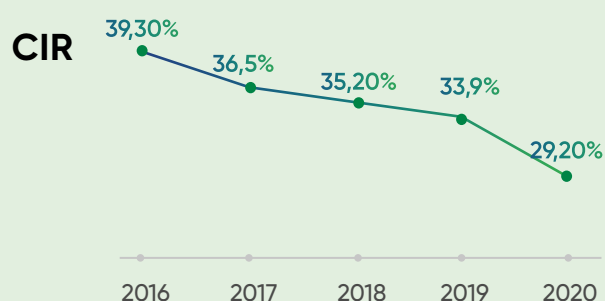
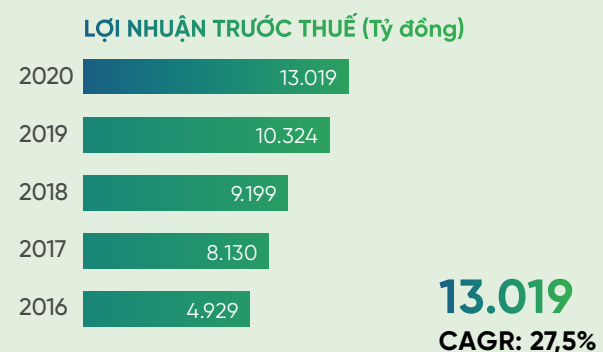
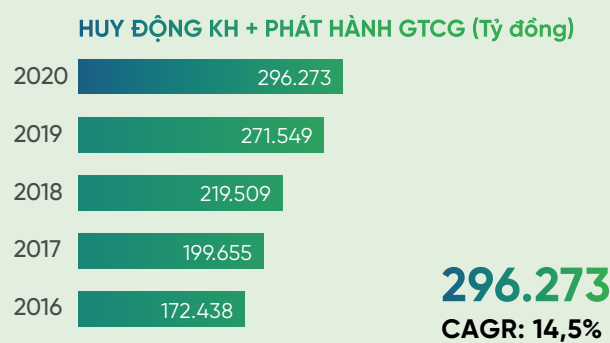
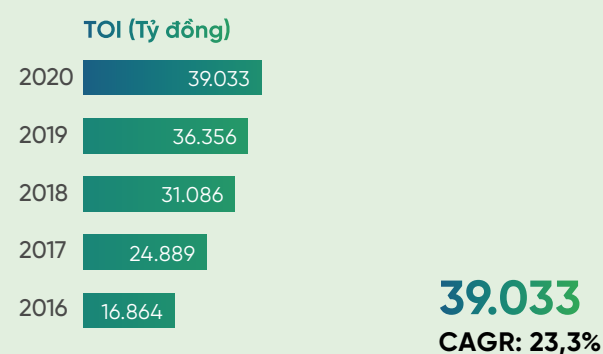
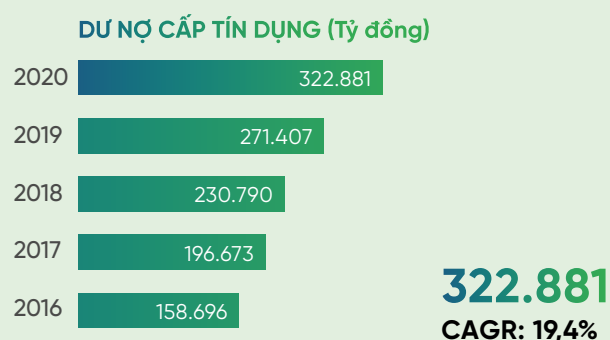
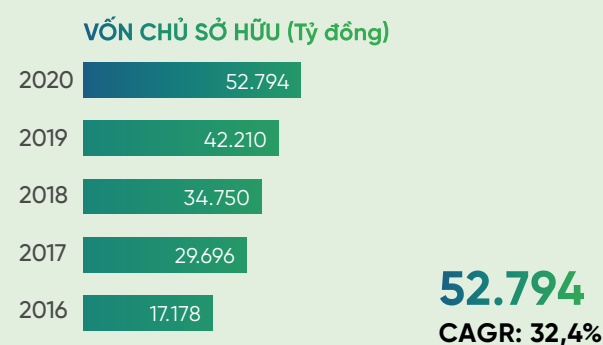
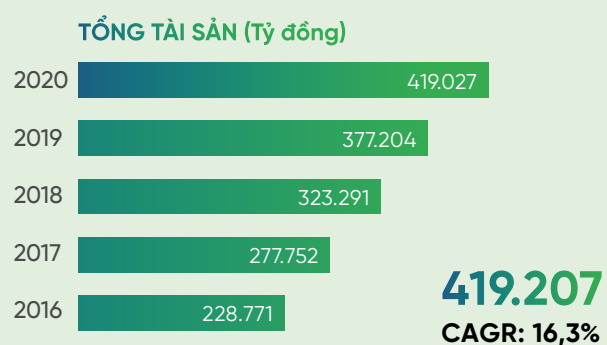
Được hỗ trợ giảm lãi suất
với tổng dư nợ trên
50 nghìn tỷ đồng

(*) bao gồm cả thẻ ghi nợ và thẻ tín dụng

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất & Báo cáo nội bộ ngân hàng 2020

TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG, NÂNG TẦM VỊ THẾ

Các chỉ số tài chính cơ bản giai đoạn 2016 – 2020



(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất 2016 – 2020)

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Kinh tế Việt Nam 2020: Một năm tăng trưởng đầy bản lĩnh

GDP 2020: 2,91%

- Một trong 3 quốc gia châu Á bên cạnh Trung Quốc & Myanmar đạt **mức tăng trưởng dương**
- Các ngành có tỷ trọng đóng góp cao gồm công nghiệp & xây dựng (+3,98%) trong đó sản xuất chế biến tăng 5,82%
- Bán lẻ phục hồi ấn tượng trong 6 tháng cuối năm 2020 (+2,6%)

Điểm nhấn chính sách NHNN năm 2020

- Điều tiết chính sách tiền tệ linh hoạt
- Kiểm soát hạn mức tăng trưởng tín dụng nhằm kịp thời đáp ứng nhu cầu vốn của thị trường
- Chỉ đạo các tổ chức tín dụng triển khai mạnh mẽ chương trình hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn
- Xây dựng và bổ sung hành lang pháp lý cho dịch vụ thanh toán điện tử

CPI: 3,23%

Kiểm soát lạm phát, đạt mục tiêu **dưới 4%**

Thặng dư thương mại đạt mức kỷ lục 19,1 tỷ USD

Duy trì **thặng dư thương mại 5 năm liên tiếp** nhờ tận dụng tốt cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do

Đầu tư công - tỷ lệ giải ngân nhanh nhất trong thập kỷ

Tăng tốc trong 6 tháng cuối năm, đạt 91,1% mục tiêu cả năm với **20,2 tỷ USD (+34,5% yoy)**

Tổng giải ngân FDI: 19,98 tỷ USD

Tỷ lệ tăng trưởng giảm 2% so với cùng kỳ năm ngoái do Covid-19, tuy nhiên triển vọng trung dài hạn vẫn rất hứa hẹn

Chủ động hỗ trợ khách hàng

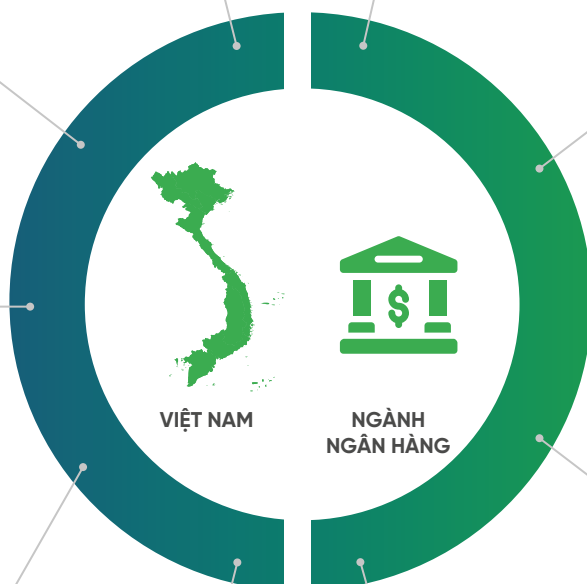
- Tổng dư nợ cơ cấu chiếm **3,6%** tổng danh mục
- Dư nợ được giảm lãi chiếm **10,9%** tổng danh mục

Tăng trưởng tín dụng: 12,13%

Cao hơn so với kỳ vọng trong thời kỳ dịch bệnh

Tỷ lệ nợ xấu: 3%

Tăng từ 1,89% năm 2019



Linh hoạt và chủ động thích ứng, VPBank vững vàng vượt mục tiêu 2020

Năm 2020 là một năm đầy khó khăn và thách thức cho toàn bộ nền kinh tế với những biến động nghiêm trọng nhất trong nhiều thập kỷ do tác động của đại dịch Covid-19. Hiểu rõ vai trò huyết mạch trong nền kinh tế, VPBank đã nỗ lực cùng ngành Ngân hàng đặt mục tiêu hỗ trợ nền kinh tế phục hồi sau dịch Covid-19. Kiên định với chiến lược tăng trưởng bền vững gắn liền với trách nhiệm xã hội, ngân hàng đã nhanh chóng thực hiện theo “mục tiêu kép” của Chính phủ: vừa chủ động ứng phó với dịch bệnh, chung tay với cộng đồng vừa linh hoạt trong chiến lược kinh doanh để đem lại hiệu quả cao. Hàng loạt các biện pháp ứng phó được triển khai mạnh mẽ và kịp thời: kích hoạt kế hoạch kinh doanh liên tục (BCP) và xây dựng các phương án đối phó với các kịch bản của dịch bệnh, thắt chặt các chính sách quản trị rủi ro và duy trì thanh khoản ổn định. Ngân hàng cũng là đơn vị tiên phong trong việc hỗ trợ khách hàng, với nhiều hành động thiết thực và hiệu quả nhằm chia sẻ với các doanh nghiệp, người dân và cộng đồng trước những khó khăn vì đại dịch.

Với sự chỉ đạo kịp thời của Ban lãnh đạo cùng nỗ lực của cả tập thể trong việc triển khai kế hoạch hành động linh hoạt và quyết liệt, VPBank đã có một năm 2020 thành công – hoàn thành xuất sắc các kế hoạch đề ra tại Đại hội đồng cổ đông đầu năm, vững vàng trước thách thức đầy bất ổn của dịch bệnh.

Tín dụng tăng trưởng bền vững

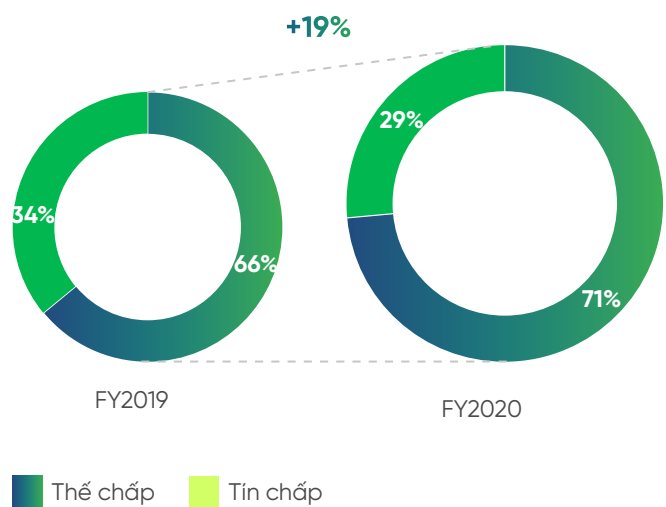
Tăng trưởng tín dụng (gồm trái phiếu doanh nghiệp) đạt 19%, vượt kế hoạch đề ra đầu năm và cao hơn nhiều so với mức tăng trưởng trung bình ngành năm 2019 là 12,13%. Đây là mức tăng trưởng hiệu quả và bền vững trong bối cảnh chung toàn thị trường đang bị tác động bởi dịch Covid-19. Đánh giá những tác động tiềm ẩn từ dịch bệnh, Ban lãnh đạo VPBank đã linh hoạt chủ động điều chỉnh chiến lược tăng trưởng và kiểm soát tín dụng, với các danh mục cho vay dịch chuyển theo hướng thận trọng có chọn lọc, chú trọng vào kiểm soát chất lượng. Việc tập trung củng cố tăng trưởng các phân khúc chiến lược cùng với áp dụng mạnh mẽ các công nghệ hỗ trợ bán hàng đã đem lại một kết quả tích cực, đặc biệt trong nửa sau năm 2020 khi dịch bệnh được kiểm soát, các phân khúc chiến lược lấy lại đà tăng trưởng tốt và tiếp tục giữ vai trò nòng cốt trong sự tăng trưởng của toàn ngân hàng, với mức đóng góp 61% vào dư nợ tín dụng của VPBank.

Đặc biệt, mảng tín dụng tiêu dùng (FE Credit) có tệp khách hàng là các đối tượng bị ảnh hưởng trực tiếp từ đại dịch Covid-19, nhưng FE Credit vẫn bảo vệ tốt vị trí dẫn đầu trên thị trường.

Năm 2020 là một năm kinh doanh hiệu quả của VPBank trong việc sử dụng tối đa hạn mức tín dụng được NHNN giao cùng với việc tập trung công tác thu hồi nợ, kiểm soát tối ưu chi phí vốn và tận dụng các biến động của thị trường giúp tăng lợi tức kinh doanh đầu tư và đa dạng hóa nguồn thu. Bên cạnh đó, việc tiết giảm và tối ưu chi phí hoạt động cũng đã giúp ngân hàng đạt mức tăng trưởng 26% lợi nhuận hợp nhất trước thuế – với hơn 13 nghìn tỷ đồng tương đương 127,5% kế hoạch. Tổng thu nhập hoạt động toàn ngân hàng đạt 39 nghìn tỷ đồng, tiếp tục duy trì vị thế số một trong khối ngân hàng tư nhân về doanh thu. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) nằm trong nhóm dẫn đầu thị trường, đạt 22,0% tại ngân hàng hợp nhất và 24,6% tại ngân hàng riêng lẻ, cho thấy mức độ sinh lời đạt hiệu quả cao của ngân hàng.

Những kết quả trên tiếp tục khẳng định chiến lược đúng đắn và hiệu quả của VPBank trong điều kiện và môi trường kinh doanh nhiều biến động, cũng như khẳng định vị thế hàng đầu của Ngân hàng trên thị trường.

CẤP TÍN DỤNG THEO LOẠI HÌNH

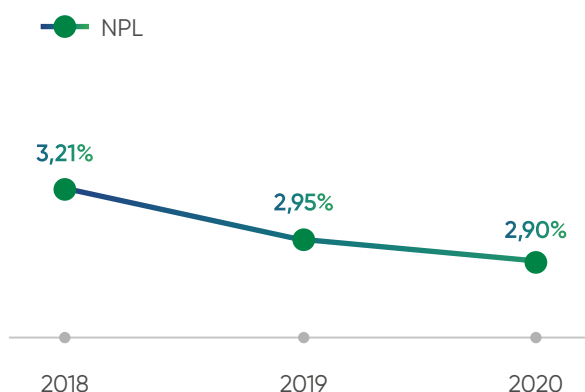


Nguồn: Báo cáo nội bộ ngân hàng 2020

Chất lượng tài sản được kiểm soát tốt

Công tác quản trị rủi ro luôn được VPBank chú trọng, đặc biệt là trong bối cảnh dịch bệnh tiềm ẩn nhiều rủi ro tới nền kinh tế. Tỷ lệ nợ xấu được cải thiện ở cả cấp độ hợp nhất và riêng lẻ, trong đó tại ngân hàng hợp nhất, nợ xấu vẫn được duy trì ở mức dưới 3%, và tại ngân hàng riêng lẻ tỷ lệ nợ xấu xuống dưới 2%. Cùng với đó, ngân hàng đã liên tục đẩy mạnh và củng cố các hệ thống cảnh báo rủi ro cũng như các chính sách theo dõi hỗ trợ khách hàng.

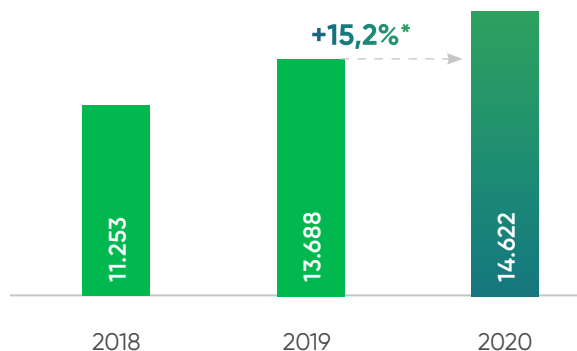
TỶ LỆ NỢ XẤU NPL (TT02) (%)



Nguồn: Báo cáo nội bộ ngân hàng 2020

Song song với nỗ lực kiểm soát nợ xấu, năm 2020 VPBank tiếp tục tăng trưởng chủ động nguồn lực dự phòng. Chi phí dự phòng của cả năm 2020 hợp nhất tăng 15,2% so với năm trước (đã loại trừ khoản chi phí dự phòng cho VAMC của năm 2019). Tại ngân hàng riêng lẻ, chi phí dự phòng tăng 27% cho thấy ngân hàng luôn sẵn sàng với "bộ đệm" dự phòng nợ xấu để ứng phó với các tác động của dịch bệnh.

CHI PHÍ DỰ PHÒNG (TỶ VND, %)



* Không bao gồm chi phí dự phòng cho VAMC
Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất 2020

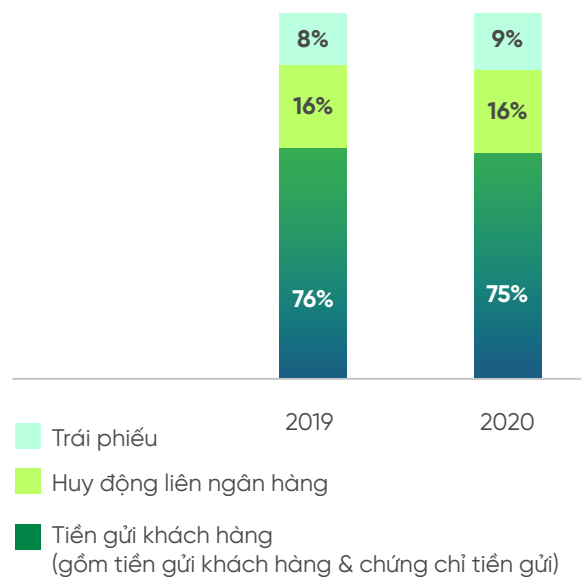
Tối ưu nguồn huy động, chi phí vốn giảm mạnh

Huy động vốn từ tiền gửi khách hàng & phát hành trái phiếu đạt 296.273 tỷ đồng, tăng 9,1% so với năm 2019. Trong đó, huy động từ tiền gửi khách hàng tiếp tục đóng vai trò chủ đạo trong nguồn huy động chất lượng của ngân hàng với tỷ trọng 75% trên tổng huy động.

Song song với nguồn huy động từ dân cư và tổ chức kinh tế, VPBank cũng chủ động đa dạng các nguồn vốn trung dài hạn từ các tổ chức uy tín như Công ty tài chính quốc tế (IFC), Tổ chức tài chính Proparco, Ngân hàng Đầu tư Cơ sở Hạ tầng Châu Á (AIIB) với mức giá hợp lý và giảm bớt phụ thuộc vào nguồn huy động từ thị trường trong nước.

Nắm bắt các cơ hội thanh khoản của thị trường trong năm 2020, Ngân hàng đã linh hoạt điều tiết bảng cân đối và cơ cấu nguồn vốn, giúp VPBank hoàn thành mục tiêu chiến lược giảm chi phí vốn (COF) được đề ra từ đầu năm của Ban lãnh đạo. COF của ngân hàng hợp nhất giảm 0,6% so với năm 2019. Nếu chỉ tính riêng trong tháng 12 thì COF của ngân hàng mẹ giảm 1,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong năm 2020, VPBank cũng đã nỗ lực cải thiện đáng kể tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA). Tại ngân hàng mẹ, tỷ lệ này được nâng lên từ mức 13% vào cuối năm 2019 lên mức 15,5% trong năm 2020.

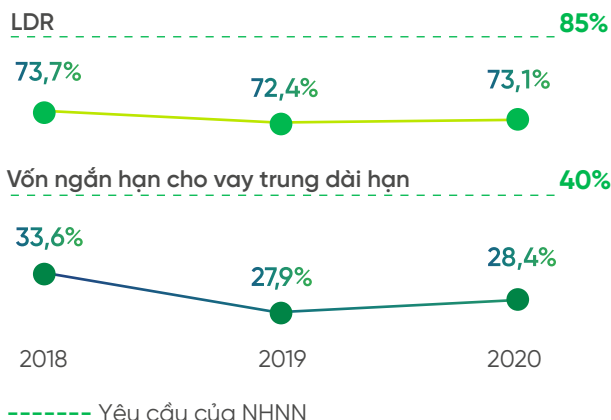
HUY ĐỘNG THEO LOẠI HÌNH (%)



Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất 2020

Các chính sách điều tiết hiệu quả đã giúp VPBank quản lý thanh khoản ở mức tối ưu. Các tỷ lệ an toàn của VPBank vẫn tiếp tục được duy trì ở mức tốt, tuân thủ quy định của NHNN trong đó LDR ở mức 73,1% và tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn được kiểm soát ở mức 28,4%. Đây sẽ là dư địa để VPBank tiếp tục những cơ hội tối ưu bằng cân đối, mang lại hiệu quả trong sử dụng vốn mà vẫn đảm bảo tuân thủ theo các quy định về an toàn.

LDR, VỐN NGẮN HẠN CHO VAY TRUNG DÀI HẠN - YÊU CẦU CỦA NHNN (%)

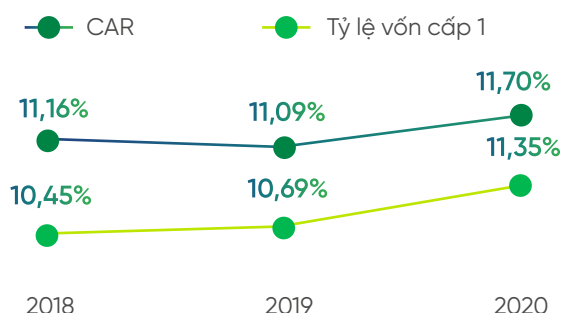


Nguồn: Báo cáo nội bộ ngân hàng 2020

Nền tảng vốn vững chắc, tạo đà cho sự phát triển trong tương lai

Tính đến cuối năm 2020, nguồn vốn chủ sở hữu của VPBank đạt 52.794 tỷ đồng, tăng 25,1% so với năm trước. Tại cuối năm 2020, tỷ lệ an toàn vốn (CAR) theo chuẩn Basel II (TT41) của ngân hàng hợp nhất là 11,7%, cao hơn gần 4% so với mức quy định tối thiểu của NHNN. VPBank cũng tự hào là ngân hàng tiên phong trên thị trường về tuân thủ các chuẩn mực quốc tế, khi là một trong ba ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam hoàn thành áp dụng cả 3 trụ cột Basel II. Nền tảng vốn vững chắc cùng với sự chủ động trong việc quản lý điều hành bảng cân đối sẽ là tiền đề cho VPBank tăng trưởng mạnh mẽ trong giai đoạn sắp tới.

CAR THEO TT 41 (BASEL II,%)



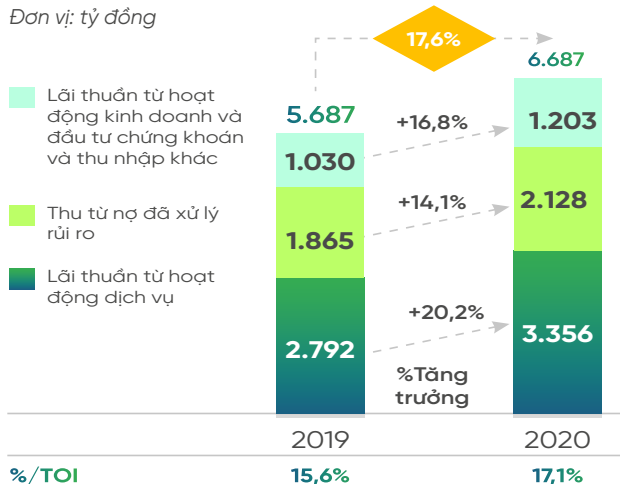
Nguồn: Báo cáo nội bộ ngân hàng

Đa dạng hóa nguồn thu, vững vàng vị trí số một

Trải qua một năm 2020 đầy biến động, tổng thu nhập hoạt động (TOI) hợp nhất của VPBank năm 2020 đạt trên 39 nghìn tỷ đồng, tăng 7,4% so với năm trước trong đó riêng ngân hàng mẹ đạt gần 21 nghìn tỷ, tăng trưởng 18,6%. Kết quả kinh doanh ấn tượng này đã giúp VPBank vững vàng ở vị trí dẫn đầu khối Ngân hàng TMCP tư nhân về Doanh thu trong nhiều năm liên tiếp. Để đạt được kết quả này, Ngân hàng đã chủ động đa dạng hóa các nguồn doanh thu ngoài lãi để giảm thiểu các ảnh hưởng của dịch bệnh và ổn định nguồn thu. Thu nhập lãi thuần vẫn là nguồn thu chính từ hoạt động kinh doanh, chiếm 83% TOI. Thu nhập ngoài lãi đạt hơn 6.600 tỷ đồng, tăng trưởng 17,6% so với năm trước, chiếm 17,1% tỷ trọng của cấu phần TOI.

CƠ CẤU THU NHẬP NGOÀI LÃI

Đơn vị: tỷ đồng

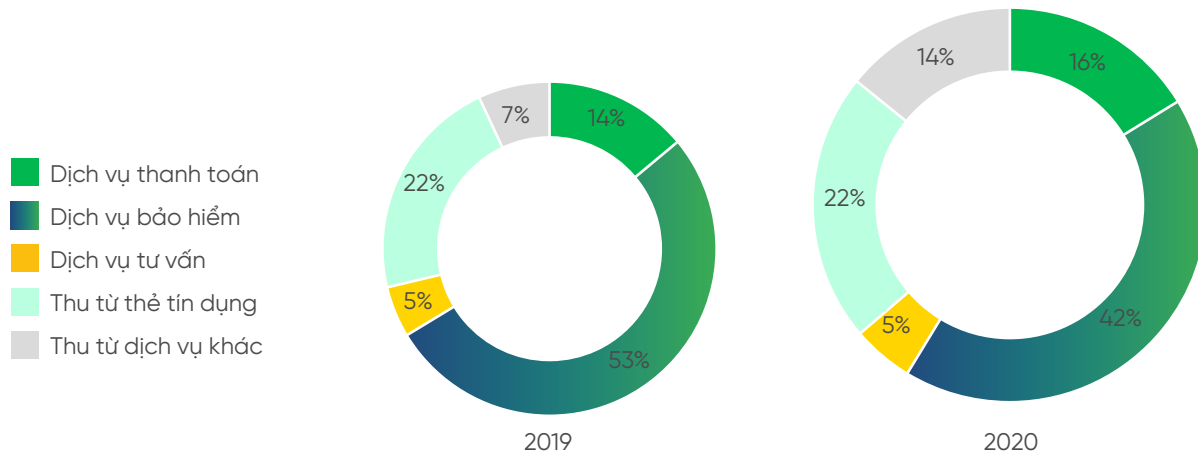


Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất 2020

Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ tiếp tục chứng kiến sự tăng trưởng tích cực đạt 3.356 tỷ đồng, tăng 20,2% so với năm 2019 và đóng góp hơn 50% vào nguồn thu nhập ngoài lãi của Ngân hàng. Kết quả này còn mạnh mẽ hơn tại Ngân hàng mẹ với mức tăng trưởng gần 30%, giúp ngân hàng mẹ tiếp tục dẫn đầu khối Ngân hàng TMCP tư nhân về thu nhập phí. Động lực tăng trưởng chính đến từ việc đẩy mạnh hoạt động phát hành thẻ tín dụng, dịch vụ bảo hiểm và thanh toán của Ngân hàng. Trong năm, ngân hàng đã tích cực đẩy mạnh các hoạt động tài trợ thương mại quốc tế và LC UPAS, thanh toán trong và ngoài nước,

đặc biệt là hoạt động thanh toán qua POS. Theo đó, thu nhập từ các hoạt động thanh toán đạt mức tăng trưởng ấn tượng 76,5%. Doanh thu phí từ thẻ cũng đóng góp tỷ trọng không nhỏ trong thu nhập từ phí. Tính đến cuối năm 2020, số lượng thẻ tín dụng phát hành tại ngân hàng riêng lẻ và FE Credit đạt trên 3,8 triệu thẻ, tăng gần 19% so với năm trước, đóng góp 22% vào tổng thu nhập phí của ngân hàng hợp nhất. Những kết quả này đạt được do Ngân hàng đã không ngừng đầu tư vào chiến lược số hóa, giúp tối ưu hóa vận hành, nâng cao trải nghiệm và gia tăng nền tảng khách hàng.

CẤU TRÚC THU NHẬP PHÍ



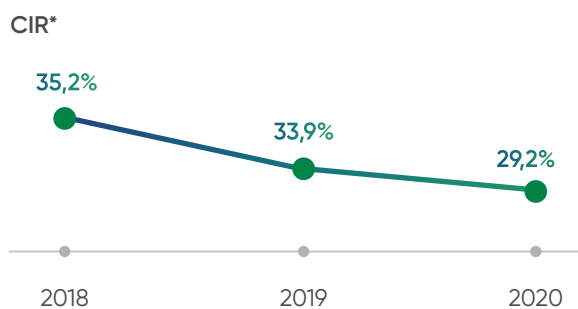
Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất 2020, Báo cáo nội bộ Ngân hàng 2020

Bên cạnh đó, nhờ tận dụng các cơ hội thị trường, hoạt động kinh doanh và đầu tư chứng khoán cũng mang lại gần 1.400 tỷ đồng doanh thu, tăng trưởng ấn tượng hơn 28% so với năm trước.

Mặc dù dịch bệnh Covid cũng tạo ra không ít khó khăn trong công tác thu hồi nợ, tuy nhiên VPBank đã liên tục cải tiến và áp dụng các biện pháp thu nợ tự động, tiên tiến góp phần hỗ trợ kết quả hoạt động Thu từ nợ đã xử rủi ro tăng trưởng 14% so với năm 2019, đạt 2.128 tỷ đồng.

Hiệu quả hoạt động dẫn đầu thị trường

Đối mặt với những thách thức từ đại dịch Covid-19, VPBank đã không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động thông qua quá trình đẩy mạnh số hóa, tối ưu hóa hệ thống quy trình, hoàn thiện bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn hiệu quả và nâng cao năng suất lao động. Chiến lược này đã giúp chi phí hoạt động hợp nhất được kiểm soát giảm 7,7% so với năm 2019. Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) hợp nhất giảm mạnh còn 29,2%, thấp nhất trong hệ thống. Sự tối ưu hóa cũng thể hiện rõ nét ở Ngân hàng mẹ, khi chỉ số CIR giảm từ 38% năm 2019 xuống còn 30,5% vào năm 2020.



* CIR = Tổng chi phí hoạt động / Tổng thu nhập từ hoạt động kinh doanh cốt lõi (không bao gồm hoạt động thu nhập bất thường từ hợp tác bảo hiểm)

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất 2020

Hành trình số hóa đạt nhiều thành tích ấn tượng

Hành trình số hóa tại VPBank tiếp tục được đẩy mạnh trong năm 2020, đưa ngân hàng tới gần hơn mục tiêu trở thành Ngân hàng thân thiện nhất với người dùng nhờ ứng dụng công nghệ vào năm 2022.

Các thành tựu năm 2020 đã củng cố vị thế tiên phong hàng đầu của VPBank trong phát triển nền tảng hệ sinh thái và số hóa. Tại cuối năm 2020, số lượng khách hàng số tại VPBank đạt mức tăng trưởng ấn tượng, tăng 58% so với năm 2019. Cùng với đó, khối lượng giao dịch qua ứng dụng VPBank Online tăng gấp 2 lần và số lượng hợp đồng vay online tăng trưởng 35% so với năm ngoái. Tỷ lệ giao dịch và sử dụng dịch vụ trực tuyến của ngân hàng tiếp tục có sự tăng trưởng trong năm vừa qua khi lượng giao dịch qua các kênh ngân hàng điện tử và ngân hàng tự động đã chiếm trên 97% tổng số giao dịch. Đây là kết quả của việc VPBank liên tục cải thiện độ ổn định của hệ thống ngân hàng điện tử, và tích hợp thêm nhiều tính năng mới nhằm tạo ra một hệ sinh thái ngân hàng số.

VPBank cũng là ngân hàng đầu tiên triển khai eKYC – định danh khách hàng trực tuyến. Giải pháp eKYC do VPBank phát triển cho phép ngân hàng vượt qua mọi rào cản địa lý và thời gian để định danh khách hàng 100% online dựa vào các thông tin sinh trắc học (biometrics) mà không cần gặp mặt trực tiếp như quy trình hiện tại. Nhờ những tiên phong trong ứng dụng công nghệ số, VPBank đã 3 năm liên tiếp nhận được giải thưởng về chuyển đổi số từ Tập đoàn dữ liệu quốc tế (IDG).

Với vị thế công ty tài chính tiêu dùng hàng đầu Việt Nam, FE CREDIT cũng đặc biệt chú trọng đầu tư vào tiến trình số hóa của doanh nghiệp nhằm tối ưu chi phí vận hành và đáp ứng các nhu cầu đa dạng của khách hàng trong bối cảnh thị trường ngày càng thuận lợi cho các giải pháp tài chính số.

Trong những năm trở lại đây, FE CREDIT ngày càng hoàn thiện hệ thống "Dữ liệu lớn" (Big Data), là hệ thống cơ sở dữ liệu toàn diện bởi việc tích hợp nhiều nguồn dữ liệu khác nhau, có độ tin cậy cao nhằm hỗ trợ phê duyệt hợp đồng tự động, giảm đáng kể thủ

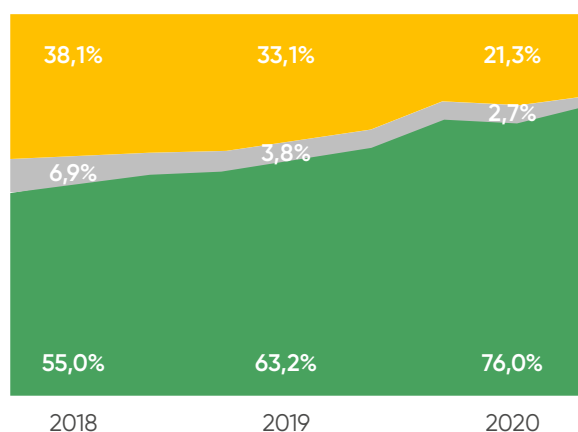
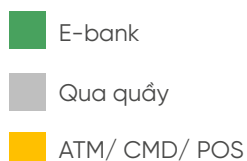


tục vay vốn cho khách hàng. Ngoài ra, FE CREDIT liên tục thực hiện những bước cải tiến đột phá về công nghệ nhằm nâng cao trải nghiệm của khách hàng thông qua ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI conversation) trên Chatbot, Chữ ký điện tử,...

Thành quả cho những nỗ lực trên là sự ra đời của ứng dụng duyệt vay tự động \$NAP (2018) rút ngắn thời gian duyệt vay xuống còn chỉ còn 15 phút hay ứng dụng đăng ký và bồi thường bảo hiểm tự động \$HIELD, giúp khách hàng có thể tiếp cận được các gói bảo hiểm giá rẻ chỉ trong vài phút.

Bên cạnh việc tập trung khai thác sâu tập khách hàng cá nhân hiện hữu, FE CREDIT cũng đang tăng tốc mở rộng hệ sinh thái tài chính của mình thông qua các sản phẩm, dịch vụ tài chính đa dạng như UBank, SmartPay hay \$HIELD, để tiếp cận gần hơn với tập khách hàng trung cấp và cận cao cấp. Tất cả những bước chuyển mình trên con đường số hóa của FE CREDIT không chỉ nâng cao hiệu quả hoạt động mà còn gia tăng trải nghiệm và giá trị lâu dài cho khách hàng.

TỶ LỆ THÂM NHẬP GIAO DỊCH
(% theo tổng số lượng giao dịch)

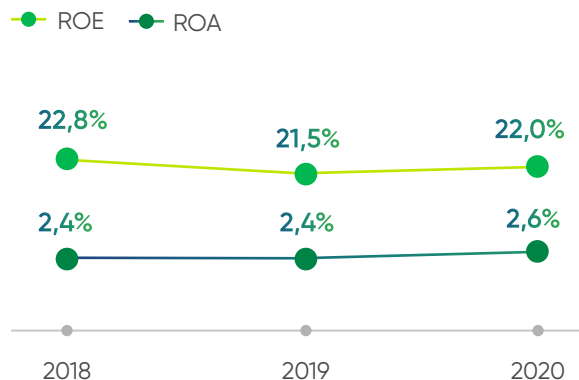


Nguồn: Báo cáo nội bộ ngân hàng

Lợi nhuận tăng trưởng bền vững

Kết thúc năm 2020, lợi nhuận trước thuế (LNTT) của VPBank đạt trên 13 nghìn tỷ đồng, đạt 127,5% kế hoạch đề ra tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, và tăng trưởng 26% so với năm trước, mặc dù chịu các tác động từ đại dịch Covid-19. Kết quả trên có sự đóng góp không nhỏ của Ngân hàng riêng lẻ, bên cạnh mảng kinh doanh tài chính tiêu dùng vốn được coi là lợi thế cạnh tranh của Ngân hàng. LNTT năm 2020 của Ngân hàng riêng lẻ chứng kiến mức tăng trưởng ấn tượng gần 60% so với năm trước, đạt 9.308 tỷ đồng, đóng góp 71% vào lợi nhuận hợp nhất.

Hướng tới mục tiêu tăng trưởng bền vững và hiệu quả, VPBank thành công trong việc duy trì tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) trên 20% trong 6 năm liên tiếp. Năm 2020, tỷ suất ROE và tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) của Ngân hàng đạt lần lượt là 22,0% và 2,6%, nằm trong nhóm hiệu quả hàng đầu thị trường.



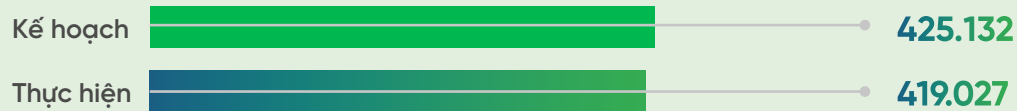
Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất 2020



Đơn vị: tỷ đồng

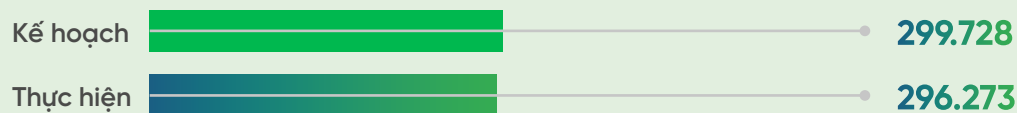
TỔNG TÀI SẢN

▲ Hoàn thành 99%



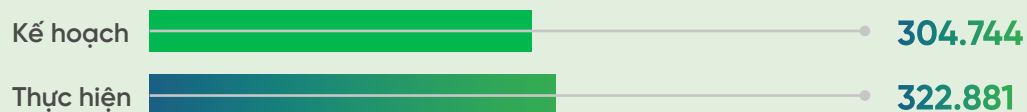
HUY ĐỘNG KHÁCH HÀNG VÀ GIẤY TỜ CÓ GIÁ

▲ Hoàn thành 99%



DƯ NỢ CẤP TÍN DỤNG

▲ Hoàn thành 106%



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

▲ Hoàn thành 127,5%



ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021

Trải qua một năm 2020 đầy khó khăn, nền kinh tế toàn cầu bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19. Năm 2021, nền kinh tế thế giới được các tổ chức dự báo sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức. Sự phục hồi tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ phụ thuộc nhiều vào việc triển khai thành công các chương trình tiêm chủng vaccine phòng Covid-19, tinh thần hợp tác và đồng thuận của các quốc gia. Điểm sáng sẽ nằm ở các nền kinh tế mới nổi và các nước Châu Á đã xử lý tốt dịch bệnh.

Nền kinh tế Việt Nam được kỳ vọng sẽ hồi phục theo hình chữ V trong năm 2021. Các tổ chức quốc tế đều đưa dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam sẽ đạt mức 6,5%-7%, lạm phát được kiểm chế dưới mức 4%. Việt Nam là một trong số ít các quốc gia trên thế giới đã kiểm soát tốt được dịch bệnh, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế. Động lực tăng trưởng chính nằm ở sự phục hồi của tiêu dùng trong nước, tăng trưởng xuất khẩu nhờ tham gia các hiệp định FTA, hưởng lợi từ sự dịch chuyển của các chuỗi cung ứng và các chính sách hỗ trợ linh hoạt từ chính phủ. Tuy nhiên, những thách thức vẫn sẽ còn hiện hữu trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh cũng như tình hình kinh tế, chính trị trên thế giới.

Ngành ngân hàng được kỳ vọng sẽ có nhiều cơ hội để tăng trưởng trong năm 2021 dưới sự phục hồi của nền kinh tế. Các chuyên gia kinh tế dự báo môi trường lãi suất thấp sẽ tiếp tục được duy trì trong năm 2021 thúc đẩy nhu cầu tín dụng từ phía doanh nghiệp. NHNN đã đưa ra mục tiêu tăng trưởng tín dụng là 12% trong năm 2021, tuy nhiên, mục tiêu này sẽ được điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế. NHNN sẽ chỉ đạo thực hiện tạo điều kiện để cho khách hàng vay mới phục hồi sản xuất kinh doanh, nhưng vẫn đảm bảo chất lượng và an toàn tín dụng, duy trì hoạt động lành mạnh của hệ thống.

Chủ động và linh hoạt với môi trường mới, điều kiện mới

Đại dịch Covid-19 dự báo tiếp tục gây ảnh hưởng tiêu cực đối với nền kinh tế, các thị trường tiềm ẩn những biến động lớn. Toàn hệ thống VPBank chủ động và linh hoạt trong các giải pháp ứng phó, củng cố nền tảng và an toàn hoạt động. Sẵn sàng các nguồn lực và giải pháp để đồng hành và hỗ trợ khách hàng. Đẩy mạnh các hoạt động cộng đồng, an sinh xã hội và phát triển bền vững.

Tăng trưởng bền vững, nắm bắt cơ hội kinh tế phục hồi

Để chủ động ứng phó với những bất định và thách thức của môi trường kinh doanh cũng như nắm bắt tốt hơn các cơ hội từ sự tăng trưởng tích cực của nền kinh tế Việt Nam, năm 2021, Ban Lãnh Đạo VPBank đề ra các mục tiêu cơ bản sau:

- ▶ Xác định và tận dụng mạnh mẽ các cơ hội kinh doanh mới, song song với việc đảm bảo an toàn hệ thống và phát triển bền vững cho ngân hàng, góp phần nâng tầm vị thế của VPBank trong tổng thể chiến lược cạnh tranh với các ngân hàng đối thủ.

- ▶ Tiếp tục và ưu tiên đầu tư vào các sáng kiến chiến lược quan trọng về công nghệ nhằm chuẩn bị cho sự hòa nhập mạnh mẽ của ngân hàng trong kỷ nguyên số, làm tiền đề cho sự tiên phong của VPBank trong các ứng dụng công nghệ quan trọng, có tác dụng trực tiếp tạo ra sự tăng trưởng trong hoạt động kinh doanh và hiệu quả hoạt động của ngân hàng, nâng cao trải nghiệm khách hàng và mở rộng các hệ sinh thái ngân hàng giao dịch.
- ▶ Tiếp tục duy trì tăng trưởng hợp lý ở tất cả các khối kinh doanh; Quản trị chặt chẽ các rủi ro tiềm ẩn; Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng; Tích lũy các nguồn lực để sẵn sàng sức bật cho giai đoạn phát triển tiếp theo.
- ▶ Nắm bắt điều kiện thị trường để tối ưu hóa nguồn vốn. Đẩy mạnh các hoạt động cho vay, bán hàng để cùng khách hàng nắm cơ hội phục hồi của nền kinh tế. Tiếp tục nâng cao tỷ trọng nguồn thu phi tín dụng, củng cố cơ cấu lợi nhuận tăng trưởng bền vững.



CHỦ ĐỘNG & LINH HOẠT

Vì một Việt Nam
thịnh vượng 🌱

MÔI TRƯỜNG THAY ĐỔI ỨNG PHÓ KỊP THỜI

Trong nhiều hoạt động, VPBank đã sớm có những bước đi tiên phong trên thị trường. Đi trước không chỉ để nắm ưu thế, mà còn tích lũy và có sự chuẩn bị kỹ lưỡng. Với vị thế đó, VP Bank đã có sự chủ động và linh hoạt để ứng phó kịp thời khi cuộc khủng hoảng Covid-19 ập tới ngay đầu năm 2020.

Kinh tế toàn cầu suy giảm ít nhất 4% trong năm qua, theo nhận định của Ngân hàng Thế giới (WB). Cũng theo WB đúc kết trong báo cáo “Điểm lại” phát hành tháng 12/2020: “Bài học đầu tiên từ Covid-19 là để đối phó tốt nhất với cú sốc từ bên ngoài, cần có sự chuẩn bị sẵn sàng từ trước, và phải hành động sớm và mạnh dạn”.

Với VPBank, chúng tôi đã chuẩn bị từ trước, sẵn sàng từ trước, để hành động sớm trước thử thách lớn và bất thường là Covid-19.

TẠO THỂ CHỦ ĐỘNG

Đó là sự chuẩn bị đã tích lũy từ những bước chân đầu tiên khai mở lĩnh vực ngân hàng bán lẻ, để đến nay khẳng định năng lực quản trị rủi ro ở cả phân khúc dễ bị tổn thương bởi đại dịch. Sự chuẩn bị có ở vị thế đi đầu chuyển đổi số từ những năm 2015-2016, để nay tạo thể chủ động vô cùng quan trọng khi đại dịch xảy ra, cho ngân hàng và cả khách hàng. Sự chuẩn bị ở nỗ lực trở thành một trong ba ngân hàng đầu tiên của Việt Nam hoàn thành áp dụng cả ba trụ cột Basel II trước thời hạn quy định, để sớm tạo “bộ đệm” dày dặn, củng cố an toàn hoạt động khi môi trường thay đổi bất lợi.

Chủ động từ trước và sẵn sàng đối phó, ngay khi Covid-19 có diễn biến phức tạp, VPBank đã linh hoạt xác định mục tiêu củng cố an toàn hoạt động và tăng trưởng bền vững, hành động sớm và nhanh với hàng loạt biện pháp trên toàn hệ thống.

Từ tháng 2/2020, chúng tôi đã thành lập Ban chỉ đạo ứng phó dịch bệnh và kích hoạt Kế hoạch kinh doanh liên tục (BCP); xây dựng các phương án đối phó với các kịch bản của dịch bệnh; rà soát và đánh giá ảnh hưởng đối với các cá nhân, khách hàng và khu vực kinh tế để từ đó có các chính sách và phương án kinh doanh phù hợp; thúc đẩy các chương trình củng cố và tăng cường thanh khoản đảm bảo an toàn hoạt động; tiến hành kiểm tra sức chịu đựng (stress testing) trong các tình huống căng thẳng (stressed scenarios); rà soát các giải pháp tối ưu hóa chi phí, giảm và hoãn các dự án, công việc chưa thiết yếu nhằm tập trung giảm chi phí vận hành; thắt chặt các chính sách kiểm soát rủi ro, đặc biệt là rủi ro tín dụng; tăng cường các hoạt động thu hồi nợ và cấu trúc nợ.





ĐÁP ỨNG TỐT NHẤT

Song song với củng cố an toàn hoạt động khi đại dịch xảy ra, VPBank đã thực hiện các hoạt động chia sẻ trách nhiệm xã hội; triển khai các gói tín dụng ưu đãi, giảm lãi suất cho vay, miễn và giảm phí dịch vụ.

Hơn thế nữa, khách hàng cần các giải pháp thích ứng nhanh chóng với tác động của đại dịch, chúng tôi chủ động và linh hoạt trong tư vấn, đáp ứng tốt những giải pháp đó.

Đặc biệt, về nguồn vốn, bất chấp đại dịch ảnh hưởng nặng nề trên thế giới, VPBank vẫn huy động được nguồn nước ngoài góp phần giảm chi phí vốn và đa dạng nguồn hỗ trợ khách hàng. Năm qua, chúng tôi đã huy động và tập trung giải ngân các nguồn quốc tế như 200 triệu USD từ Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) cho dự án xanh, 230 triệu USD từ Ngân hàng Đầu tư Cơ sở hạ tầng châu Á (AIIB) và IFC cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi Covid-19, 50 triệu USD cho dự án xanh và khách hàng SME.



Khi đại dịch xảy đến, điều lo lắng đầu tiên là nợ xấu tăng cao và kết quả kinh doanh không được như kỳ vọng. Tuy nhiên, vượt lên những lo lắng và thách thức từ thị trường và các yếu tố thay đổi khác, chúng tôi đã đồng tâm, đồng lòng trong điều chỉnh hoạt động kinh doanh để có thể đạt được những kết quả tốt hơn dự kiến. Đây là điều mà chúng tôi rất vui và tự hào.



ÔNG NGUYỄN HUY PHÁCH

Giám đốc khối Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) VPBank.



2020 là một năm khó khăn đối với doanh nghiệp toàn cầu và khách hàng của VPBank không phải ngoại lệ. Trước hết, chúng tôi vào cuộc thực hiện ngay chính sách cơ cấu lại nợ cho các khách hàng trong diện được hỗ trợ theo Thông tư 01 của Ngân hàng Nhà nước. Cùng đó, nhận thấy chuyển đổi số là xu hướng tất yếu, đặc biệt trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết trong diễn biến dịch Covid-19 khó lường, chúng tôi đẩy mạnh tư vấn khách hàng sử dụng giải pháp thanh toán số của VPBank. Những giải pháp đó và tư vấn hợp lý giúp họ tiết kiệm được nhiều thời gian và nguồn lực.



BÀ DƯƠNG THỊ THU THỦY

Phó Tổng giám đốc,
Giám đốc khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn và Đầu tư (CIB) VPBank.

ĐIỂM TỰA QUẢN TRỊ RỦI RO

Ảnh hưởng là chưa đủ, cuộc khủng hoảng Covid-19 gây thiệt hại trực tiếp và nặng nề đối với nền kinh tế. Công tác quản trị rủi ro là điểm tựa đầu tiên với bất cứ tổ chức nào trong bối cảnh đó. VPBank cũng vậy.

KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ HÀNG ĐẦU

Việc hoàn thành Basel II sớm 1 năm so với yêu cầu của NHNN, để trở thành một trong ba ngân hàng tiên phong trong việc hoàn thành triển khai Basel II theo phương pháp Tiêu chuẩn (Standardized Approach) trên thị trường Việt Nam khẳng định khả năng, tiềm lực của VPBank đối với công tác quản trị rủi ro cũng như cho thấy khả năng tiệm cận tiêu chuẩn quốc tế của ngân hàng. Không chỉ dừng lại ở đó, chúng tôi tiếp tục từng bước thực hiện mục tiêu tiếp cận những chuẩn mực quản trị rủi ro quốc tế toàn diện hơn, bao gồm Basel II IRB (Hệ thống xếp hạng nội bộ), chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS 9 và Basel III để nâng cao năng lực quản trị rủi ro nội bộ, sẵn sàng tuân thủ các yêu cầu của NHNN trong tương lai, đồng thời khẳng định vị thế là một trong những ngân hàng quản trị rủi ro hàng đầu Việt Nam.

Với riêng kết quả triển khai sớm ICAAP trong năm 2020, công tác quản trị rủi ro tại VPBank tiếp tục có những bước tiến cụ thể. Đó là việc tăng cường nhận thức về quản trị rủi ro trong toàn bộ cán bộ nhân viên và các cấp lãnh đạo; Đảm bảo mức độ phù hợp giữa chiến lược rủi ro và kế hoạch kinh doanh; Đo lường hiệu quả hơn mức độ nhạy cảm về rủi ro của Ngân hàng đối với điều kiện kinh tế vĩ mô như lãi suất, tỷ giá, lạm phát, GDP, biến động giá bất động sản; Tận dụng nguồn vốn một cách hiệu quả thông qua việc phân bổ vốn cho từng rủi ro trọng yếu và đơn vị kinh doanh, đồng thời lồng ghép trong quá trình đánh giá hiệu quả kinh doanh và thiết lập KPI cho từng vị trí trong ngân hàng.

CỦNG CỐ CÁC CHỈ TIÊU AN TOÀN

Những bước tiến chủ động trên củng cố thêm năng lực quản trị rủi ro của VPBank trong bối cảnh đại dịch Covid-19, dù yếu tố tác động này không nằm trong kế hoạch và thậm chí chưa từng có trong cả trăm năm qua.

Việc thành lập Ban Chỉ đạo với các kế hoạch ứng phó cụ thể sẵn sàng kích hoạt Kế hoạch kinh doanh liên tục (BCP) theo chuẩn quốc tế nhằm chủ động giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực hoặc tổn thất bất ngờ tới hoạt động của toàn ngân hàng, củng cố các chỉ tiêu an toàn đã cho thấy sự sẵn sàng vào cuộc kịp thời của cả một hệ thống đã được chuẩn bị từ rất lâu trước đó.

Tại thời điểm cuối năm 2020, hệ số tỷ lệ an toàn vốn (CAR) hợp nhất của ngân hàng hợp nhất theo Thông tư 41 là 11,7%, cao hơn nhiều so với mức quy định tối thiểu của NHNN là 8%. Định kỳ hàng quý, chúng tôi công bố thông tin về tỷ lệ an toàn vốn trên trang thông tin điện tử chính thức, cung cấp góc nhìn toàn diện về tỷ lệ an toàn vốn và khung quản trị rủi ro của mình, cũng như minh bạch về hồ sơ rủi ro với công chúng.

Quản trị rủi ro hiệu quả cũng chính là điểm tựa để VPBank đi ngược xu hướng chung trước tác động của đại dịch. Tỷ lệ nợ xấu toàn ngành tăng lên năm 2020, nhưng tỷ lệ nợ xấu hợp nhất của VPBank (theo Thông tư 02) vẫn kiểm soát ở 2,9%, đặc biệt tại ngân hàng riêng lẻ được quản lý ở mức dưới 2%. Cùng với đó, chúng tôi tiếp tục chủ động tăng cường nguồn lực dự phòng. Chi phí dự phòng hợp nhất năm 2020 tăng 15,2% so với năm 2019 (đã loại trừ khoản chi phí dự phòng cho VAMC của năm 2019); tại ngân hàng riêng lẻ, tăng trưởng chi phí dự phòng đạt 27%.

Cũng trong năm qua, Tạp chí The Asian Banker (Singapore) công bố VPBank là Ngân hàng có quản trị rủi ro thành khoản tốt nhất (The Achievement in Liquidity Risk Management), đưa VPBank lần đầu tiên sánh ngang với các tổ chức tín dụng lớn hàng đầu khu vực Châu Á trong lĩnh vực quản trị rủi ro như China Merchants Bank (Trung Quốc), OCBC Bank (Singapore), Maybank (Malaysia)...

CHỦ ĐỘNG ÁP DỤNG IFRS 9

Ngày 16/3/2020, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 345/QĐ-BTC Phê duyệt Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) tại Việt Nam. Lộ trình áp dụng này gồm 3 giai đoạn: Giai đoạn chuẩn bị từ năm 2020 đến hết 2021, Giai đoạn áp dụng tự nguyện từ 2022 đến hết năm 2025, Giai đoạn bắt buộc áp dụng từ sau năm 2025.

IFRS 9 là chuẩn mực mới được ban hành và áp dụng vài năm gần đây, hiện là một trong những thách thức lớn nhất đối với các ngân hàng thương mại Việt Nam. Tại VPBank, chúng tôi xác định triển khai IFRS 9 từ giữa quý 2/2019 đến cuối năm 2020, sớm hơn rất nhiều so với lộ trình mà Bộ Tài chính dự kiến nói trên.

Kết quả triển khai IFRS 9 tại VPBank:

Từ cuối năm 2018, VPBank và công ty con (FECredit) đã thực hiện Dự án phân tích khoảng cách của việc áp dụng IFRS 9 đối với thực tế Ngân hàng trên các phương diện kế toán, các quy trình kinh doanh và quản trị rủi ro, con người và hệ thống. Lộ trình triển khai IFRS 9 tại VPBank và các công ty con sẽ áp dụng lần đầu từ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Song song với Dự án triển khai IFRS 9, Ngân hàng đã triển khai Dự án Treasury nhằm áp dụng IFRS từ cấp độ giao dịch với các sản phẩm trên hệ thống Treasury từ cuối năm 2019.

Năm 2021, VPBank sẽ tiếp tục hoàn thiện công cụ tính toán tổn thất tín dụng dự kiến (ECL - Expected Credit Loss), giải quyết các vấn đề về mặt dữ liệu phục vụ việc tính toán theo IFRS 9, tinh chỉnh các mô hình xác suất vỡ nợ (PD - Probability of Default) hiện có và phát triển các mô hình khác nhằm tiệm cận với các thông lệ quốc tế tốt nhất.



“

Kết quả hoàn thành sớm cả ba trụ cột Basel II đạt được là nhờ những nỗ lực hết sức nghiêm túc mà đội ngũ ban lãnh đạo ngân hàng cũng như đội ngũ cán bộ chuyên trách đã đặt ra, nhằm giúp VPBank có được tiếng nói có trọng lượng hơn với cộng đồng đầu tư nước ngoài cũng như với các tổ chức đánh giá tín nhiệm.

Việc hoàn thành triển khai cả 3 trụ cột Basel II trước thời hạn so với yêu cầu của NHNN chính là điểm tựa cho phép VPBank tiếp tục đi trước trên thị trường trong việc đáp ứng với những tiêu chuẩn quốc tế cao nhất.

”

ÔNG DMYTRO KOLECHKO,
Giám đốc khối Quản trị rủi ro VPBank

ĐỘNG LỰC CHUYỂN ĐỔI SỐ

“Đại dịch có thể đã tăng tốc sự chuyển đổi của nền kinh tế theo hướng số hóa. Đầu tư kỹ thuật số sẽ cho phép tài chính hệ thống cắt giảm chi phí và mở rộng tiếp cận tới các nhóm dân cư chưa sử dụng dịch vụ, từ đó nâng cao tài chính toàn diện.”

- Báo cáo của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), tháng 11/2020.

VPBank đã sớm đi đầu trong xu hướng tăng tốc chuyển đổi số. Từ nhiều năm trước, hàng loạt dự án số hóa quy trình vận hành, ứng dụng công nghệ phát triển sản phẩm dịch vụ đã được chúng tôi triển khai cho đến nay. Hiệu quả được cụ thể hóa và lượng hóa trong quá trình hoạt động, cũng như tạo ưu thế cạnh tranh vượt trội trên thị trường.

Nhưng hơn hết, trong năm 2020, những giá trị đó đã chuyển hóa thành động lực chuyển đổi cho chính khách hàng của chúng tôi, để cùng chủ động và sẵn sàng thích ứng với những điều kiện sản xuất, kinh doanh, giao thương thay đổi bởi đại dịch.

GIA TĂNG TIỆN ÍCH VÀ TRẢI NGHIỆM KHÁCH HÀNG

Đến cuối năm 2020, VPBank đã tự động hóa 37 quy trình nghiệp vụ. Đây là những quy trình có mức độ tương tác cao với khách hàng trong lĩnh vực thẻ, tra soát giao dịch, đăng ký và xử lý hồ sơ tín dụng... Thời gian xử lý theo đó được rút ngắn, gia tăng mức độ hài lòng của khách hàng trong trải nghiệm dịch vụ. Điển hình như các ứng dụng trên thiết bị di động đã rút ngắn đáng kể thời gian phát hành thẻ và thời gian giải ngân khoản vay cho khách hàng tới 30-40%, chỉ còn 1-2 ngày đối với thẻ tín dụng, 2-3 ngày đối với cho vay tiêu dùng; thời gian phản hồi tra

soát của khách hàng giảm 50%. Đặc biệt, tiếp tục đi đầu trong cung cấp những giải pháp mới, tiện ích mới và tăng cường trải nghiệm cho khách hàng, VPBank đã trở thành ngân hàng đầu tiên trên thị trường Việt Nam ứng dụng thành công eKYC (định danh điện tử khách hàng), giúp khách hàng chủ động mở tài khoản trực tuyến 100%. Đồng thời, VPBank cũng đã tích hợp trí thông minh nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (big data) để hỗ trợ khách hàng thông qua kênh kết nối là website mới được thiết kế thông minh.

VPBank đã tự chủ trong việc phát triển ngân hàng điện tử VPBank Online (VPO), cũng như dẫn định hình Open Banking - nền tảng toàn diện cung cấp một hệ sinh thái các dịch vụ ngân hàng từ cơ bản tới nâng cao cho khách hàng. Đây là định hướng trọng tâm trong mở rộng tiện ích và nâng cao trải nghiệm khách hàng những năm tiếp theo.

TỐI ƯU HÓA VẬN HÀNH

Một trong những kết quả nổi bật năm qua của VPBank là giảm được tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) xuống còn 29,2% - mức thấp nhất trong hệ thống các ngân hàng thương mại Việt Nam. Quá trình chuyển đổi số, tối ưu hóa vận hành đã góp phần quan trọng trong kết quả này.

Bên cạnh giá trị gia tăng trải nghiệm khách hàng, việc số hóa các kênh giao dịch và quy trình nghiệp vụ đã giúp ngân hàng giảm thiểu thời gian, chi phí và nhân lực, qua đó tối

ưu hóa các quy trình vận hành và góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động ngân hàng. Năm qua, VPBank tiếp tục triển khai thành công nhiều dự án mới để thúc đẩy quá trình tối ưu này.

- Dự án số hóa quy trình bán hàng với sản phẩm tín chấp/thế chấp của khách hàng cá nhân
- Dự án eKYC - Biometrics: Ứng dụng công nghệ sinh trắc học để thực hiện nhận biết khách hàng thay thế cho phương thức nhận biết truyền thống
- Xây dựng giải pháp đa kênh tích hợp (Omni-Channel) tại kênh Tổng đài chăm sóc khách hàng 24/7
- Dự án RPA: Tự động hóa thành công 100% các quy trình giảm hàm lượng công việc thủ công đơn giản tại các đơn vị nghiệp vụ khối vận hành
- Cấp thấu chi cho khách hàng SME trên landing page
- Chuyển đổi số hóa các chức năng của thẻ

Các dự án trên đã góp phần giúp ngân hàng giảm được 35 - 40% thời gian hoàn thành xử lý mỗi yêu cầu đưa ra, cũng như giảm thiểu chi phí và nguồn nhân lực. Đặc biệt, việc phát triển khách hàng qua kênh eKYC mang lại nhiều hiệu quả trong giảm chi phí vận hành, với tăng trưởng số lượng khách hàng ấn tượng. Chi phí vận hành 01 tài khoản mở theo kênh eKYC giảm 39% so với kênh truyền thống, trong khi tăng trưởng tài khoản thanh toán qua eKYC dự kiến tăng 70%/ năm.

MỞ RỘNG HỆ SINH THÁI SỐ

Từ nền tảng các mô hình và phương thức truyền thống, hoạt động sản xuất kinh doanh, giao dịch và quản lý tài chính của khách hàng cùng VPBank chuyển đổi bằng những dịch vụ công nghệ số hiện đại, bằng những dịch vụ tài chính với các hệ thống tự phát triển và mở rộng các hệ sinh thái tương tác.

Điển hình như ứng dụng VPO mới do ngân hàng phát triển (trên nền tảng mobile và web) với hơn 2 triệu lượt đăng ký mới trong năm 2020. Nền tảng Open Banking/Open API và Kiến trúc Microservices đẩy nhanh quá trình tích hợp với các đối tác hệ sinh thái mới, rút ngắn thời gian xuống còn 2 tuần để đối tác có thể bắt đầu kết nối với các dịch vụ ngân hàng của VPBank - điểm vượt trội cho cả VPBank và các đối tác so với kiến trúc nguyên khối độc quyền mà VPBank sử dụng trong những năm trước đây.

Hiện hệ sinh thái kết nối công nghệ của VPBank đã phát triển đa dạng với nhiều lĩnh vực, kết nối dịch vụ ngân hàng với ứng dụng gọi xe, đối tác thanh toán, dịch vụ tài chính tiêu dùng, dịch vụ bảo hiểm đầu tư, dịch vụ bất động sản với 100% số hóa trải nghiệm khách hàng. Điển hình trong hướng kết nối này, VPBank đã hợp tác cùng Be Group (đơn vị sở hữu và phát triển ứng dụng gọi xe Be) ra mắt ngân hàng số Cake - hệ thống giải pháp ngân hàng điện tử. Đây là lần đầu tiên tại Việt Nam một ngân hàng số được kết nối để hiển thị trên nền tảng ứng dụng gọi xe.

Cũng trong năm 2020, chúng tôi đã kết nối thành công với hệ thống Kho bạc Nhà nước, cùng với hệ thống thuế và hải quan trước đó, góp phần số hóa giao dịch thanh toán trong lĩnh vực dịch vụ công. Đặc biệt, ngân hàng đã mở rộng hệ sinh thái chuyển đổi và kết nối thành công với hệ thống thu học phí trong nước và quốc tế cho gần 600 trường học năm 2020 và dự kiến 1.000 trường học từ năm 2021.

Với các hệ sinh thái số không ngừng mở rộng và gia tăng tương tác, tổng số giao dịch trên các kênh số hóa của VPBank năm qua đã đạt 97%, trong đó số lượng giao dịch trên VPO tăng gần gấp đôi so với 2019. Lượng khách hàng hoạt động (active) trên nền tảng số tăng 58% trong năm 2020. Những con số này thể hiện bước đi đúng hướng của VPBank trong triển khai chiến lược số hóa những năm qua.

KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ

Tiền phong và không ngừng nghỉ, thành quả chuyển đổi số của VPBank tiếp tục được các tổ chức uy tín trong và ngoài nước ghi nhận.

2020 là năm thứ ba liên tiếp chúng tôi giành giải thưởng "Ngân hàng chuyển đổi số tiêu biểu" từ Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế (IDG) và Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (VNBA).

Cuối năm 2020, VPBank đã chính thức được tổ chức chứng nhận quốc tế DAS hàng đầu của Vương Quốc Anh trao chứng chỉ đạt yêu cầu về An toàn thông tin theo tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 27001:2013 đối với hệ thống Quản lý An toàn thông tin (ISMS).



Vì một Việt Nam
thịnh vượng 

ĐỒNG HÀNH & GẮN KẾT

ĐỒNG HÀNH ĐỂ CHIA SẺ

"VPBank tin tưởng rằng dưới sự lãnh đạo của Chính phủ, sự đồng lòng và quyết tâm vượt qua khó khăn của toàn thể doanh nghiệp và người dân, Việt Nam vẫn là một trong những quốc gia có triển vọng tích cực để thu hút đầu tư. Về phía VPBank, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành sẵn sàng chung tay cùng cộng đồng, hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn và điều hành Ngân hàng vượt qua đại dịch một cách an toàn."

Thông điệp trên của VPBank nhấn mạnh ngay những ngày đầu cả nước thực hiện giãn cách xã hội vào tháng 4/2020. Cả hệ thống vào cuộc nhanh, các chương trình đồng hành được triển khai đồng loạt và kịp thời.

VÌ MỘT VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Tháng 11/2020, HĐQT VPBank phê duyệt Chương trình an sinh xã hội mang tên "Vì một Việt Nam thịnh vượng" trị giá 300 tỷ đồng, triển khai trong 05 năm, tập trung ở hai lĩnh vực giáo dục và y tế.

Đối tượng chương trình hướng tới là những người yếu thế trong xã hội cần sự hỗ trợ, giúp đỡ để vươn lên làm chủ cuộc sống, làm chủ tương lai, từ đó tạo ra sự thịnh vượng cho chính mình và xã hội.

Ở lĩnh vực giáo dục, VPBank định hướng tổ chức chuỗi chương trình đào tạo tài chính thông minh cho thanh thiếu niên, những chủ nhân tương lai của đất nước.

Với lĩnh vực y tế, VPBank sẽ phối hợp với các tổ chức y tế trong nước vào quốc tế để triển khai những hoạt động khám chữa bệnh miễn phí, tăng cường sức khỏe cho cộng đồng.

Năm 2020, VPBank được xếp hạng là thương hiệu ngân hàng tư nhân mạnh nhất Việt Nam, lọt vào top 250 thương hiệu ngân hàng giá trị nhất toàn cầu. VPBank ghi tên vào TOP4 Ngân hàng hiệu quả nhất Việt Nam với các chỉ số tài chính nổi bật và

bền vững. Nhưng điều chúng tôi cũng luôn muốn hướng đến là một Ngân hàng có nhiều hoạt động hỗ trợ cộng đồng một cách thiết thực và có ý nghĩa.

Trong bối cảnh kinh tế - xã hội cả nước gặp khó khăn vì COVID-19, VPBank đã triển khai nhiều chương trình an sinh xã hội có ý nghĩa thiết thực và kịp thời như trao tặng gần 20 tỷ đồng ủng hộ Chính phủ phòng chống dịch bệnh và khắc phục hạn mặn tại Đồng bằng sông Cửu Long; ủng hộ gần 20 tỷ đồng cho các tỉnh miền Trung khắc phục hậu quả lũ lụt; tặng 1.000 suất quà cho các chiến sỹ biên phòng Cao Bằng tại biên giới; tặng 02 xe cứu thương cho bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa... Ngoài ra, Ngân hàng cũng tổ chức các hoạt động thể thao - văn hóa lớn nhằm khích lệ tinh thần của người dân Việt Nam như giải chạy VPBank Hanoi Marathon ASEAN 2020, tiệc âm nhạc "Vườn Thịnh Vượng", chương trình "Tết cách ly - Không cách lòng" hợp tác với Đài Truyền hình Việt Nam, giải chạy VPBank Bắc Giang Marathon - Gieo mầm thịnh vượng" tài trợ hoạt động y tế - giáo dục trên địa bàn...

Sự ra đời của chương trình "Vì một Việt Nam thịnh vượng" một lần nữa thể hiện trách nhiệm xã hội của VPBank với cộng đồng một cách lâu dài, đồng thời khẳng định sứ mệnh góp phần mang lại sự thịnh vượng toàn diện cho người Việt, bao gồm cả thịnh vượng về tài chính, thịnh vượng về thể chất, thịnh vượng về tinh thần và thịnh vượng cộng đồng.





Chương trình Vì một Việt Nam thịnh vượng

300 tỷ VNĐ dành cho cộng đồng trong 5 năm.
Tập trung 2 mảng trọng yếu: **Y tế** và **Giáo dục**

VÀO CUỘC NHANH CHÓNG

Thực hiện theo Thông tư 01 của NHNN, nhằm tháo gỡ khó khăn đối với khách hàng bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, VPBank đã giảm lãi suất cho gần 110 nghìn khách hàng với tổng dư nợ gần 52 nghìn tỷ đồng, trong đó mức lãi suất hỗ trợ giảm từ 0,05% tới 4,7%.

Đặc biệt, ngay trong giai đoạn đầu Covid-19 bùng phát, VPBank đã linh hoạt, sáng tạo trong quy trình phân loại, xử lý hồ sơ, ứng dụng hỗ trợ tự động để là một trong những NHTM đầu tiên nhanh chóng rút ngắn quy trình hỗ trợ khách hàng cơ cấu nợ, giãn nợ và giảm lãi suất, từ bình quân 4 ngày trước Covid-19 xuống chỉ còn 4 tiếng đồng hồ.

Đẩy mạnh các hoạt động an sinh xã hội, năm 2020 toàn hệ thống VPBank đã nhanh chóng đồng hành cùng Chính phủ, NHNN, Bộ Y tế, UBMTTQ ủng hộ công tác phòng chống dịch Covid-19, ủng hộ đồng bào miền Trung bị bão lũ... với gần 40 tỷ đồng.

HÀNH ĐỘNG CỤ THỂ

Cùng với các chính sách hỗ trợ chung, ngay giai đoạn đầu Covid-19 bùng phát, VPBank đã triển khai các chương trình cụ thể, được xây dựng chuyên biệt để đồng hành với khách hàng vượt qua đại dịch.

Bắt đầu từ ngày 14/4/2020, VPBank triển khai chương trình "Học viện Tiểu thương" trên toàn quốc, gồm những khóa đào tạo online và nhân sự hỗ trợ trực tiếp tại địa điểm kinh doanh, nhằm giúp tiểu thương chuyển đổi mô hình bán hàng từ truyền thống sang online, qua đó có thể duy trì kinh doanh trong mùa dịch. Chương trình hỗ trợ này hoàn toàn miễn phí và hơn 12.500 tiểu thương khắp cả nước đã cùng chúng tôi thực hiện chuyển đổi.

Vào tháng 10/2020, với mong muốn tiếp sức tài chính cho các doanh nghiệp nữ làm chủ đi tới thịnh vượng và thành công, VPBank cùng CARE, Mastercard, WISE và Canal Circle chính thức công bố Sáng kiến Thắp lửa (IGNITE) tại Việt Nam hướng tới mục tiêu nâng quyền của các nữ chủ doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ. Hợp tác đa phương này hỗ trợ sự phát triển của các doanh nghiệp trọng yếu trong nền kinh tế, đồng thời thúc đẩy an ninh tài chính và tăng trưởng bao trùm thông qua các can thiệp ưu tiên giúp các nữ doanh nhân phát triển.

Ngày 22/12/2020, VPBank đã ký kết Hiệp định Dự án với Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trong khuôn khổ Hiệp định Viện trợ cho Dự án viện trợ không hoàn lại "Hỗ trợ giảm thiểu tác động của đại dịch Covid-19 cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ". Đây là Hiệp định trị giá 5 triệu USD từ Quỹ Sáng kiến Tài chính dành cho Nữ doanh nhân (We-Fi) ủy thác cho ADB trực tiếp quản lý. Dự án này sẽ mở ra thêm nhiều cơ hội hiện thực hóa các ý tưởng, dự án sản xuất kinh doanh cho các

doanh nghiệp có phụ nữ làm chủ và VPBank cam kết chuẩn bị những điều kiện thuận lợi nhất để triển khai hiệu quả.

KẾT QUẢ TÍCH CỰC

Một trong những kết quả nổi bật của quá trình đồng hành và hỗ trợ kịp thời, cũng như từ sự tư vấn và cung cấp các giải pháp hợp lý, là hơn 95% các khoản nợ bị ảnh hưởng bởi Covid-19 mà VPBank hỗ trợ cơ cấu đến cuối năm 2020 đã trở lại trạng thái bình thường.

Đặc biệt trong môi trường dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp và kéo dài, VPBank đã chủ động số hóa giao dịch cho khách hàng của mình với đầy đủ tính năng và giải pháp cần thiết, giảm thiểu các tác động của con người để thích ứng với môi trường mới, bắt nhịp với thay đổi mới trong hoạt động sản xuất kinh doanh và giao thương.

Về phía ngân hàng, sự gắn kết và đồng hành với khách hàng năm qua đã tiếp thúc đẩy kết quả hoạt động ở hầu hết các phân khúc. VPBank tích lũy thêm nền tảng khách hàng, phát triển mạnh các sản phẩm dịch vụ, hiệu quả hoạt động tiếp tục được nâng cao theo mục tiêu tăng trưởng bền vững.



Bên cạnh các chính sách giảm lãi suất, giãn nợ, cơ cấu nợ theo Thông tư 01, một trong những hướng mà VPBank tập trung đồng hành là tham gia phát triển hệ sinh thái của khách hàng với các sản phẩm tài trợ chuỗi, bao thanh toán..., qua đó vừa giúp khách hàng quản lý tốt công nợ phải thu, vừa giảm thiểu chi phí tài chính so với lãi vay, vừa cùng phát triển bền vững trong tổng thể hệ sinh thái của mình.



ÔNG ĐÌNH VĂN NHÔ

Phó Tổng giám đốc

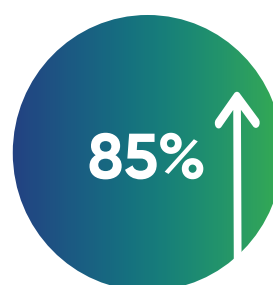
Giám đốc khối Khách hàng Doanh nghiệp (CMB) VPBank.

GẮN KẾT ĐỂ CÙNG GIA TĂNG GIÁ TRỊ

Bối cảnh năm 2020 đầy khó khăn nhưng cũng thúc đẩy những cơ hội. VPBank sẵn sàng, chủ động và có ưu thế vượt trội trên thị trường để nắm bắt cơ hội mở rộng gắn kết với khách hàng để cùng gia tăng giá trị.



SỐ TÀI KHOẢN KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN
MỞ MỚI NĂM 2020



TỶ LỆ TĂNG TRƯỞNG
SỐ LƯỢNG KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN NĂM 2020

Cuộc khủng hoảng Covid-19 đã thay đổi thói quen và phương thức giao dịch truyền thống, kích thích mạnh mẽ nhu cầu sử dụng các dịch vụ tài chính tiện ích. Với thế mạnh chuyển đổi số, VPBank tiếp tục xây dựng và phát triển những sản phẩm, dịch vụ mới để cộng hưởng xu hướng này trong năm qua. Ngược lại, các sản phẩm, dịch vụ tiện ích của VPBank mang lại giải pháp hỗ trợ khách hàng thích ứng với những thay đổi, củng cố và gia tăng hiệu quả trong hoạt động của mình.

Như ở phân khúc khách hàng SME, chúng tôi đã ra mắt giải pháp thanh toán Ecompay và Simplify, giúp các doanh nghiệp kinh doanh thương mại điện tử từ quy mô nhỏ tới lớn có thể hoàn thiện hệ sinh thái dịch vụ cho khách hàng mua hàng, tối ưu hóa dòng tiền hiệu quả, chính xác và tiết kiệm chi phí, hỗ trợ các doanh nghiệp mở thêm kênh kinh doanh ngoài kênh truyền thống. Số hóa hành trình Onboarding doanh nghiệp mở tài khoản tại VPBank, tiếp đó là hành trình cho vay thấu chi các doanh nghiệp hiện hữu, thiết kế công cụ chẩn đoán sức khỏe cho doanh nghiệp.

Nhờ đó, trong năm 2020, riêng ở phân khúc SME chúng tôi đã tăng được 5.000 khách hàng I2B doanh nghiệp mới; số lượng giao dịch trực tuyến tăng 125% và doanh số giao dịch trực tuyến tăng 163% so với năm 2019.

Hay ở phân khúc khách hàng cá nhân, trong năm 2020 VPBank đã ra mắt thương hiệu phân khúc khách hàng trung lưu MAF đầu tiên ở Việt Nam, sau thành công ở phân khúc khách hàng đặc biệt VPBank Diamond triển khai từ năm 2018. Cùng đó, chúng tôi triển khai các giải pháp nâng cao trải nghiệm của khách hàng qua kênh Digital như E - payroll, eKYC; phát triển các tính năng giúp khách hàng quản lý tài chính, dễ dàng kết nối thông qua hệ sinh thái VPBank.

Theo đó, năm 2020 VPBank tiếp tục thu hút thêm 514.076 tài khoản khách hàng cá nhân mở mới, tăng 85% so với năm 2019; số lượng giao dịch đạt trên 65 triệu giao dịch, bằng 165% so với năm 2019, và 239% so với năm 2018; giá trị giao dịch qua VPBank Online đạt gần 850 nghìn tỷ, tương đương 130% so với 2019 và 210% so với 2018.

Với mục tiêu trở thành ngân hàng thân thiện với người dùng thông qua công nghệ, nhiều dự án nền tảng được triển khai song song với việc số hóa, tự động hóa, nâng cao trải nghiệm khách hàng đã đem lại nhiều kết quả rất ấn tượng. Tại ngân hàng riêng lẻ, số lượng khách hàng số (digital user) đến cuối năm 2020 đã tăng trưởng tới 58% so với cuối năm 2019. Doanh số giao dịch qua các kênh số chiếm 97% tổng số lượng giao dịch tài chính.

CHIẾN LƯỢC BÁN LẺ PHÁT HUY HIỆU QUẢ

Số lượng khách hàng phát triển mới, doanh số tăng trưởng ở hầu hết các phân khúc tiếp tục khẳng định chiến lược và vị thế bán lẻ hàng đầu của VPBank trên thị trường trong năm qua. Chiến lược này giúp ngân hàng tiếp tục sở hữu một cơ cấu thu nhập hiệu quả và bền vững.

34



Theo Chiến lược phát triển ngành ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 mà Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 8/8/2018, đến cuối năm 2020 các ngân hàng thương mại phần đầu tăng tỷ trọng thu nhập từ hoạt động dịch vụ phi tín dụng trong tổng thu nhập của các ngân hàng thương mại lên khoảng 12 – 13%.



ĐỘNG LỰC TĂNG DOANH THU CẢI THIỆN TỶ LỆ CASA

Trong năm 2020, thu nhập ngoài lãi (bao gồm thu nhập từ hoạt động dịch vụ và kinh doanh ngoại hối, chứng khoán) tiếp tục là động lực tăng trưởng doanh thu của ngân hàng mẹ khi tăng trưởng đạt 27%; tỷ trọng thu nhập ngoài lãi/tổng thu nhập hoạt động theo đó tăng từ 19% của năm 2019 lên 21%.

Cơ cấu thu nhập này cụ thể hóa mục tiêu tăng trưởng bền vững của VPBank khi giảm dần tỷ trọng thu từ tín dụng, đặc biệt là trong môi trường tiềm ẩn gia tăng nợ xấu trước tác động của dịch Covid-19. Trong đó, bán lẻ là khối mang lại lợi nhuận lớn nhất trong năm qua, không kể FE Credit.

Cùng với thúc đẩy cơ cấu thu nhập từ dịch vụ, chiến lược bán lẻ cũng chính là động lực nâng cao một chỉ tiêu quan trọng cho ngân hàng năm qua là tỷ trọng tiền gửi không kỳ hạn (CASA) và tăng trưởng nguồn thu từ phí dịch vụ. Động lực từ khối khách hàng cá nhân ghi nhận mức tăng trưởng CASA lên tới 55% so với cùng kỳ năm trước.

Trong khi đó, khối khách hàng doanh nghiệp SME tiếp tục đạt lợi nhuận tăng trưởng ấn tượng và vượt kế hoạch năm qua. Đặc biệt, thu nhập từ phí của khối khách hàng SME vượt 132% so với kế hoạch và tăng trưởng 39% so với 2019 nhờ sự đóng góp từ CPOS, Banca, và thương mại.

Cộng hưởng từ động lực chuyển đổi số trong phát triển dịch vụ và mở rộng tệp khách hàng, khối khách hàng cá nhân và khối khách hàng SME đã cùng tạo lực đẩy quan trọng nâng cao tỷ lệ CASA của ngân hàng mẹ lên 15,5% trong năm 2020, từ mức 13% tại cuối năm 2019. Kết quả này cũng cho thấy tín hiệu khả quan của chương trình dài hạn củng cố tính hiệu quả và bền vững của nguồn vốn huy động khách hàng, góp phần tiếp tục cải thiện tỷ lệ lãi biên cho ngân hàng năm qua.

Tại VPBank, chúng tôi đã sớm vượt xa mục tiêu này bằng động lực chính từ chiến lược đẩy mạnh ngân hàng bán lẻ.



CÂN BẰNG DANH MỤC PHÂN TÁN RỦI RO

Trong hoạt động cho vay, chiến lược bán lẻ của VPBank phân bổ đều ở các phân khúc và nhóm nhu cầu. Danh mục của chúng tôi cân bằng ở tỷ trọng cho vay mua nhà chiếm 30%, cho vay tín chấp hơn 20%, cho vay mua ô tô gần 20%. Tỷ trọng tín dụng bán lẻ bao gồm cho vay khách hàng cá nhân và khối SME đã chiếm phần lớn với 51% tại thời điểm cuối năm 2020.

Việc phân bổ các tỷ trọng như trên giúp ngân hàng tránh lệ thuộc vào một phân khúc, một nhóm thị trường, qua đó giảm thiểu rủi ro tập trung trong quá trình hoạt động. Cùng đó, chiến lược cho vay bán lẻ mở rộng hơn ở nhóm khách hàng cá nhân, các hộ gia đình và khối doanh nghiệp SME giúp phân tán rủi ro theo số lượng khoản vay, với khách hàng đa dạng ở các ngành nghề và lĩnh vực trong nền kinh tế.

Bên cạnh đóng góp vào kỷ lục lợi nhuận năm qua, chiến lược bán lẻ đã giúp ngân hàng kiểm soát tốt chất lượng tín dụng, phân tán và giảm thiểu rủi ro trong môi trường bất lợi bởi Covid-19. Năm 2020, nợ xấu ngân hàng riêng lẻ đã giảm xuống dưới 2%.

↓ 2%

DỊCH VỤ THẺ VÀ BẢO HIỂM KHẢ QUAN TRƯỚC TRỞ NGẠI

Môi trường dịch Covid-19 gây trở ngại nổi bật đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm và dịch vụ thẻ – hai mảng có đặc thù triển khai tư vấn và tiếp xúc trực tiếp với khách hàng nhiều hơn. Tuy vậy, cả mảng kinh doanh bảo hiểm và dịch vụ thẻ của VPBank đều đạt kết quả khả quan năm qua.

Một trong những cột mốc đáng ghi nhận nhất của hoạt động quản lý danh mục và sản phẩm thẻ VPBank trong

năm 2020 là lợi nhuận đạt mức tăng trưởng ấn tượng, từ mức 85 tỷ đồng năm 2019 lên 484 tỷ đồng năm 2020, tăng 5,7 lần.

Bên cạnh đó, hành trình 100% kỹ thuật số thu hút và onboard khách hàng – mang lại trải nghiệm dễ dàng và thuận tiện trong việc đăng ký mở thẻ – đã góp phần quan trọng trong việc tăng trưởng danh mục và cải thiện chất lượng thu nhập.

Một số sản phẩm mới và dự án điển hình trong lĩnh vực thẻ VPBank triển khai năm 2020

► Sản phẩm mới: Thẻ thương hiệu Shopee

Shopee là một trong những nền tảng thương mại điện tử lớn nhất trong các nước Đông Nam Á (ASEAN). Năm 2020, VPBank được chính Shopee vinh danh là “Đối tác ấn tượng nhất năm 2020”. Điều này đã tạo tiền đề cho VPBank phát triển quan hệ đối tác số hóa với các hệ sinh thái khác.

► Dự án số hóa: Thẻ ảo dùng cho tất cả các dòng thẻ tín dụng VPBank hiện nay

- Bảo mật – Thẻ ảo tách biệt với thẻ vật lý (số thẻ khác nhau).
- Tính linh hoạt – Thẻ ảo hoạt động chính xác như một thẻ vật lý với tính năng kỹ thuật số thân thiện hơn với người dùng, đặc biệt là tính năng thay đổi hạn mức trực tuyến.
- Đa dạng – Thẻ ảo VPBank có thể sử dụng tại bất kỳ đơn vị chấp nhận thẻ nào.

Những hoạt động nổi bật trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm của VPBank năm 2020

Năm 2020, dịch Covid-19 xảy ra đã thúc đẩy khách hàng có thái độ tích cực hơn về bảo hiểm. Tuy nhiên, đại dịch này cũng gây ra nhiều khó khăn đối với lĩnh vực này. Khách hàng ngại đến điểm giao dịch hơn trong khi đặc thù của sản phẩm bảo hiểm là tư vấn trực tiếp. Cùng đó, tài chính của khách hàng bị ảnh hưởng so với tiềm năng trước đó.

Vượt qua những trở ngại đó, doanh số phí bảo hiểm năm qua của VPBank tiếp tục tăng trưởng khả quan, đạt 1.288 tỷ đồng, tăng trưởng 35% so với năm 2019.

► Bảo hiểm nhân thọ:

- Triển khai các gói Combo sản phẩm kết hợp Banca với sản phẩm khác của ngân hàng để tạo ra gói sản phẩm ưu đãi hơn cho khách hàng.
- Trong đợt cao điểm chống dịch Covid-19 và giãn cách xã hội, VPBank phối hợp với đối tác AIA triển khai hình thức khách hàng ký xác nhận thông qua công nghệ Zoom tạo điều kiện cho khách hàng ký xác nhận mà không cần gặp trực tiếp.

► Bảo hiểm phi nhân thọ:

- Là ngân hàng đầu tiên triển khai bảo hiểm kèm thẻ tín dụng giúp khách hàng bảo vệ dư nợ thẻ với mức phí thấp, trả phí theo tháng.
- Cải thiện quy trình Cấp giấy chứng nhận với các hình thức cấp đơn online, khách hàng nhận giấy chứng nhận bảo hiểm qua email.
- Từng bước số hóa đối với các sản phẩm hiện hữu và sản phẩm mới thông qua việc đưa một số sản phẩm phi nhân thọ lên kênh Digital: bảo hiểm nhà, bảo hiểm trẻ chuyển bay, bảo hiểm thẻ.

5,7 lần

MỨC TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN HOẠT ĐỘNG
QUẢN LÝ DANH MỤC VÀ SẢN PHẨM THẺ
CỦA NĂM 2020 SO VỚI NĂM 2019

1.288
tỷ đồng

DOANH SỐ PHÍ BẢO HIỂM ĐẠT ĐƯỢC NĂM
2020, TĂNG TRƯỞNG 35% SO VỚI NĂM 2019

PHÁT TRIỂN CÁC PHÂN KHÚC KHÁCH HÀNG CHUYÊN BIỆT

Ra mắt thị trường từ tháng 6/2018, dịch vụ VPBank Diamond đã nhanh chóng khẳng định thành công của ngân hàng trong hướng đi xây dựng, phát triển những phân khúc khách hàng chuyên biệt.

Đây là dịch vụ dành cho phân khúc khách hàng cao cấp của VPBank, kết hợp giữa các giải pháp tài chính đã được thiết kế phù hợp với nhu cầu khách hàng, như ưu đãi lãi suất tiết kiệm, cho vay, các sản phẩm đầu tư và bảo hiểm, với những sản phẩm cũng như dịch vụ cao cấp được thiết kế riêng biệt.

Năm 2020, VPBank Diamond tiếp tục phát huy vị thế một thương hiệu mạnh dành cho khách hàng

ưu tiên trong hệ thống ngân hàng Việt Nam, tạo động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng của VPBank ở nhiều chỉ tiêu trong chiến lược phát triển ngân hàng bán lẻ.

Nổi tiếp thành công, năm qua VPBank tiếp tục xây dựng và trở thành ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam ra mắt thương hiệu phân khúc khách hàng trung lưu (MAF).

Việc phát triển các phân khúc chuyên biệt này vừa tạo lợi thế cạnh tranh, nền tảng khách hàng đa dạng cho ngân hàng, vừa gia tăng chất lượng trải nghiệm cho khách hàng trong sử dụng các sản phẩm và dịch vụ VPBank.

37

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VPBANK 2020

“ Cuộc khủng hoảng Covid-19 đã thay đổi thói quen và phương thức giao dịch truyền thống, đặc biệt với khách hàng cá nhân. Chủ động chuyển đổi số và không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, chúng tôi mang đến trải nghiệm ngày càng tốt hơn. Điển hình như năm qua, VPBank đã đi đầu trong phát triển eKYC và trở thành giải pháp rất phù hợp với bối cảnh đại dịch... Nhờ đó, tệp khách hàng của VPBank không ngừng mở rộng, góp phần nâng cao CASA cũng như ở hiệu quả kinh doanh chung của ngân hàng.

”

ÔNG PHÙNG DUY KHƯƠNG

Phó Tổng giám đốc,
Giám đốc khối Khách hàng Cá nhân VPBank

Vì một Việt Nam
thịnh vượng 

NIỀM TIN MỚI BÌNH THƯỜNG MỚI

ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ XUẤT SẮC

“Thành công không chỉ được đo bằng những gì đạt được mà còn bởi những trở ngại đã vượt qua.”

Với VPBank, năm 2020 trở nên thành công hơn nữa khi nhìn theo câu ngạn ngữ này.

Để vượt qua thử thách vô cùng lớn và bất thường bởi Covid-19 trong năm qua, VPBank dựa trên một nền tảng tài chính vững mạnh, chiến lược hoạt động đúng đắn, chủ động và linh hoạt trong bối cảnh bình thường mới. Và hơn hết, chúng tôi xây dựng được một đội ngũ nhân sự xuất sắc, cùng gắn kết bởi niềm tin và tự hào chung trên toàn hệ thống.

Năm 2020, VPBank lập những kỷ lục mới trong lịch sử hoạt động: tổng tài sản hợp nhất đạt 419.027 tỷ đồng, lợi nhuận hợp nhất đạt 13.019 tỷ đồng. Trong khi đó, nhân sự của ngân hàng và các công ty con tại ngày 31/12/2020 là 20.991 nhân viên, giảm 22% so với 31/12/2019. Những cân đối này cho thấy sức nâng hiệu quả của một đội ngũ nhân sự xuất sắc, cũng như cho thấy hiệu suất lao động tiếp tục được tối ưu. Điều này cũng góp phần lý giải vì sao VPBank sở hữu được một chỉ số chi phí trên thu nhập (CIR) ở mức tốt nhất trong hệ thống các ngân hàng thương mại Việt Nam năm qua, giảm mạnh từ 33,9% cuối năm trước xuống còn 29,2%.

Góp phần quan trọng cho thành công đó, việc chuyển đổi số mạnh mẽ đã giúp ngân hàng giảm thiểu quy trình và chi phí vận hành, tạo điều kiện để đầu tư hơn nữa cho chất lượng nhân sự và tinh chỉnh cấu trúc hoạt động.

Từ năm 2019 VPBank đã thực hiện tái cấu trúc và sắp xếp lại nguồn nhân lực tại nhiều đơn vị. Đây là một phần trong mục tiêu tối ưu hóa và nâng cao hiệu quả hoạt động của chương trình BE FIT. Ngân hàng cũng đã đưa ra những giải pháp chuyển đổi tích cực trong hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng. Chương trình lãnh đạo VPBank 2019 – 2022 (ILEAD) tiếp tục thể hiện sự quyết liệt và cam kết mạnh mẽ của Ban Lãnh đạo ngân hàng trong việc đầu tư và phát triển đội ngũ lãnh đạo hệ thống. Những dự án trọng tâm này tiếp tục phát huy hiệu quả trong xây dựng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho VPBank năm qua.

Lửa thử vàng, gian nan thử sức. Những kết quả đạt được trong một năm thị trường đặc biệt khó khăn càng khẳng định sức mạnh đội ngũ nhân sự của VPBank. Bối cảnh khó khăn chung của năm 2020 cũng chính là môi trường để

mỗi CBNV ngân hàng thể hiện, phát huy và khẳng định năng lực của mình. Hàng loạt chương trình lớn đã được triển khai thành công trong năm 2020 như Chương trình Critical Roles 2020 (xác định các vị trí chủ chốt của Ngân hàng và triển khai chính sách đãi ngộ đặc biệt), Chương trình Kế hoạch kế nhiệm Succession Planning 2020 trên phạm vi toàn hàng, Chương trình Nhà quản lý tiềm năng – Gennext VPG – sẵn sàng triển khai trong năm 2021. Chúng tôi xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp cùng các chính sách đãi ngộ cạnh tranh, lộ trình phát triển sự nghiệp rõ ràng và công bằng. Đây là động lực, niềm tin và tự hào của mỗi thành viên trong hệ thống VPBank, cũng là vị thế của chúng tôi trên thị trường.

Chúng tôi trân quý những con người làm nên giá trị VPBank, bởi vậy chúng tôi luôn chú trọng tới công tác phát triển, gìn giữ nhân tài và thường xuyên triển khai các chương trình đào tạo trọng tâm, thu hút sự tham gia của rất đông CBNV.

Nâng cao chế độ đãi ngộ với nhân viên thông qua điều chỉnh lương toàn hàng và các chế độ đãi ngộ đặc biệt cho Critical Role, phê duyệt quỹ thưởng 2020 cao hơn, cùng với đó 17 triệu cổ phiếu ESOP 2020 được phát hành tới CBNV, rà soát đãi ngộ tổng thể để luôn bám sát và vượt trội thị trường. Tất cả thể hiện cam kết đầu tư vào con người – tài sản quý giá nhất của VPBank.





*Tại VPBank, chúng tôi tạo mọi điều kiện để
mỗi cá nhân phát huy năng lực và sáng tạo.*

TINH THẦN LẠC QUAN LAN TỎA

Nhân sự xuất sắc, tập thể gắn kết, toàn hệ thống VPBank năm qua còn thể hiện đậm nét tinh thần lạc quan bằng nhiều hoạt động ý nghĩa trong cộng đồng. Đây là nét văn hóa xuyên suốt quá trình hoạt động của ngân hàng.

Diễn hình như ngay trong giai đoạn cao điểm đầu tiên cả nước chống dịch Covid-19, ý tưởng tiếp sức tinh thần đã được chúng tôi xây dựng và nhanh chóng triển khai. Chương trình "Vui lên Việt Nam" được phát động và nhanh chóng góp phần

lan tỏa tinh thần lạc quan trong cộng đồng.

"Vui lên Việt Nam" là một chiến dịch tổng thể được VPBank phát động, gồm ba chuỗi hoạt động liên hoàn:



Ủng hộ 15 tỷ đồng tiền mặt cho các đơn vị chống dịch, dành tặng 1.000 gói bảo hiểm y tế cho các y bác sĩ và các lực lượng đang thực hiện công tác chống dịch ở tuyến đầu



Xây dựng các sản phẩm - giao dịch tài chính an toàn cũng như hỗ trợ người dân, doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi Covid-19



Ra mắt Digital Music Show series trên kênh VTV6

DẤU ẤN VPBANK HANOI MARATHON ASEAN 2020

Từ thành công trong kiểm soát dịch Covid-19, Việt Nam thiết lập trạng thái bình thường mới. VPBank nhanh chóng triển khai một sự kiện lớn để lại nhiều dấu ấn sâu sắc trong năm qua, có tính tiêu biểu cho điểm sáng đất nước Việt Nam trong mắt cộng đồng quốc tế.

Với khẩu hiệu "Đón bình minh - Chào bình thường mới", VPBank Hanoi Marathon ASEAN 2020 (VPHM) tổ chức vào tháng 10/2020 chính thức trở thành sự kiện của năm Việt Nam đảm nhận vai trò Chủ tịch ASEAN 2020. Đồng thời, đây là hoạt động cộng đồng quy mô lớn đầu tiên đánh dấu thời kỳ mới, cuộc sống bình thường mới tại Việt Nam và toàn khối ASEAN.

Được tổ chức ngay sau khi Việt Nam quay trở lại trạng thái bình thường mới, VPHM là sự kiện có ý nghĩa rất lớn cả về chính trị, ngoại giao, văn hóa lẫn ý nghĩa cộng đồng không chỉ của Thủ đô Hà Nội mà còn của cả nước.

Thông qua nền tảng trực tuyến, VPHM đã thu hút hơn 5.000 vận động viên từ khắp các châu lục tham gia một trải nghiệm đặc biệt: lần đầu tiên có giải chạy quy mô lớn xuất phát từ 0h00, giữa phố phường Hà Nội để cùng đón bình minh ngày mới. Sự kiện này phát đi thông điệp sống động về một Việt Nam - điểm đến an toàn, về một niềm tin mạnh mẽ trước thử thách. Điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với hình ảnh quốc gia, với ngành du lịch trong bối cảnh khó khăn do đại dịch.



43

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VPBANK 2020

“

Văn hóa doanh nghiệp và trách nhiệm cộng đồng trở thành nguồn lực quan trọng góp phần thúc đẩy VPBank vượt qua năm khó khăn chung 2020. Chúng ta thấy, nhiều chương trình, hoạt động xã hội và cộng đồng mà VPBank thực hiện đã lan tỏa và truyền cảm hứng mạnh mẽ như Chương trình “Vui lên Việt Nam”, hay VPBank Hanoi Marathon ASEAN 2020 (VPHM) với khẩu hiệu “Đón bình minh – Chào bình thường mới”... Tinh thần VPBank, văn hóa VPBank, con người VPBank luôn đầy năng lượng tích cực như vậy, càng mạnh mẽ hơn trong bối cảnh đặc biệt như năm vừa qua.

”

BÀ LƯU THỊ THẢO

Phó Tổng giám đốc cao cấp VPBank



Vì một Việt Nam
thịnh vượng 🌱

NẮM BẮT CƠ HỘI MỚI

Khó khăn và thử thách chưa dừng lại. Một lần nữa, làn sóng Covid-19 trong cộng đồng lại xảy ra tại Việt Nam đầu năm 2021. Nhưng cũng một lần nữa, VPBank tự tin đồng hành với khách hàng và cộng đồng cùng vượt qua trở ngại, cùng nắm bắt những cơ hội trong năm mới.

Đại dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp với các biến thể virus chủng mới, cản trở quá trình phục hồi kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, tiến trình phát triển và phân phối vaccine đang thấp lên hy vọng về khả năng đẩy lùi sớm dịch bệnh này. Cùng đó, nhiều quốc gia tiếp tục thúc đẩy các gói hỗ trợ tài khóa và tiền tệ cho nền kinh tế.

Trong báo cáo cập nhật tháng 01/2021, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã điều chỉnh nâng dự báo GDP toàn cầu, với triển vọng có thể tăng 5,5% năm 2021 và tăng 4,2% vào năm 2022. Tuy nhiên, quá trình phục hồi này sẽ diễn ra với sự khác biệt đáng kể giữa các quốc gia và khu vực.

Với Việt Nam, động lực phục hồi năm 2021 được kỳ vọng mạnh hơn từ kết quả kiểm soát thành công dịch Covid-19 và điểm sáng tăng trưởng kinh tế trong năm 2020.

Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Quốc hội cũng đặt mục tiêu đưa tăng trưởng GDP năm 2021 hồi phục trở lại với khoảng 6%; lạm phát tiếp tục gần mục tiêu kiểm soát khoảng 4%. Những chỉ tiêu này được xây dựng trên cơ sở đã tính toán, cân đối các nguồn lực gắn với bối cảnh dự báo cho năm 2021, nhất là tình hình Covid-19 trong nước và thế giới.

Theo đánh giá của Chính phủ, mặc dù để đạt được mục tiêu trên là rất thách thức, nhưng với quyết tâm chính trị cao, Chính phủ đặt mục tiêu phấn đấu trong điều hành GDP năm 2021 thêm ít nhất 0,5 điểm phần trăm, lên mức 6,5% và đặt quyết tâm cao hơn cho các chỉ tiêu kinh tế - xã hội khác.

Trong triển vọng đó VPBank đang bước vào những năm cuối của chiến lược 5 năm giai đoạn 2018- 2022. Chủ động và linh hoạt với bối cảnh và điều kiện kinh doanh mới, chúng tôi tiếp tục kiên định với mục tiêu chiến lược đã đề ra, tập trung các nguồn lực, phát huy sáng tạo, nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm và dịch vụ để thực hiện thành công kế hoạch của cả giai đoạn.



CÁC MỤC TIÊU TRỌNG ĐIỂM VPBANK CẦN THỨC ĐẨY MẠNH MỀ TRONG NĂM 2021



Tối ưu hóa hạn mức tín dụng

- Tăng trưởng mạnh mẽ cho vay KHCN & SME
- Khai thác hiệu quả khách hàng trong các hệ sinh thái cho vay doanh nghiệp và mở rộng cơ hội tăng trưởng vào các ngành nghề phát triển bền vững



Đa dạng hóa nguồn vốn & tối ưu hóa bảng cân đối

- Tối ưu hóa chi phí vốn
- Thúc đẩy tăng trưởng CASA



Nâng cao chất lượng tài sản & quản trị rủi ro tích hợp

- Theo dõi chặt chẽ & cung cấp các biện pháp hỗ trợ khách hàng
- Triển khai chiến lược thu hồi nợ nhằm nâng cao hiệu quả



Đầu tư vào cơ sở hạ tầng công nghệ nhằm theo đuổi chiến lược số

- Ưu tiên các sáng kiến công nghệ giúp ngân hàng dẫn đầu kỷ nguyên số
- Tự động hóa và số hóa tối đa các công việc vận hành nhằm cải thiện 20-30% năng suất lao động



Tái định vị thương hiệu

- Thay đổi nhận diện thương hiệu
- Cải tiến vận hành và ra mắt sản phẩm, phân khúc mới
- Gia tăng triển khai các hoạt động vì cộng đồng

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH FE CREDIT 2020

48

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VPBANK 2020

" Năm 2020 là một năm đáng nhớ đánh dấu chặng đường 10 năm hình thành và phát triển Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân Hàng Việt Nam Thịnh Vượng (Thương hiệu: FE CREDIT). Trong suốt 10 năm qua, FE CREDIT liên tục giữ vững vị trí số Một uy tín trong ngành tài chính tiêu dùng tại Việt Nam với hơn 50% thị phần, cùng một lộ trình phát triển bền vững và khả năng thích ứng linh hoạt trước các biến động của thị trường, đặc biệt là với ảnh hưởng mang tính toàn cầu của dịch bệnh Covid-19."





ĐIỂM SÁNG

- ▶ Công ty đã có sự chuẩn bị kỹ càng để thích ứng tốt trước ảnh hưởng bất ngờ của dịch bệnh, từ đó, đưa ra nhiều kịch bản ứng phó giúp cho hoạt động kinh doanh không bị ảnh hưởng mà còn tạo nền tảng cho doanh nghiệp tăng trưởng ổn định trong thời kỳ khó khăn.
- ▶ Tăng tốc ứng dụng các công nghệ tiên tiến như Chữ ký điện tử, Trí tuệ nhân tạo (AI) và Dữ liệu lớn (Big Data) giúp hoàn thiện hơn các nền tảng tài chính của công ty.
- ▶ Chuyển đổi mô hình bán hàng truyền thống tại các điểm giới thiệu dịch vụ (POS) sang mô hình bán hàng đa nhiệm, giúp giảm thiểu chi phí nhân lực và nâng cao chất lượng kinh doanh từ nhân sự của đối tác.
- ▶ Duy trì tỉ lệ an toàn vốn (CAR) ở mức 19,1%, vượt xa mức yêu cầu tối thiểu (9%).
- ▶ Lọt Top 20 Doanh Nghiệp Tư Nhân Lợi Nhuận Tốt Nhất Việt Nam và Top 100 Doanh Nghiệp Nộp Thuế Thu Nhập Lớn Nhất Việt Nam Năm 2020.
- ▶ Bên cạnh lĩnh vực kinh doanh, năm 2020 cũng ghi dấu hàng loạt những đóng góp vì cộng đồng của FE CREDIT thông qua các hoạt động trách nhiệm xã hội (CSR) đối với các khách hàng bị ảnh hưởng do đại dịch Covid-19 và người dân miền Trung chịu ảnh hưởng bởi thiên tai.

BẢN LĨNH VÀ Ý CHÍ KIÊN ĐỊNH CỦA NGƯỜI DẪN ĐẦU

- ▶ Trước những thách thức trong năm 2020, FE CREDIT đã nhanh chóng thực hiện điều chỉnh danh mục rủi ro và tái tập trung nguồn lực vào công tác thu hồi nợ để tăng hiệu quả và giảm thiểu rủi ro.
- ▶ Công ty cũng đẩy mạnh chiến lược bán chéo, tập trung vào nhóm khách hàng hiện hữu để giảm thiểu rủi ro và bảo toàn danh mục đầu tư trong thời gian biến động vì dịch bệnh. Kết quả của những nỗ lực này được ghi nhận khi tổ chức xếp hạng tín dụng uy tín Moody's tái khẳng định mức độ tín nhiệm B2 (mức ổn định) dành cho FE CREDIT.
- ▶ Trong bối cảnh giãn cách xã hội, những nỗ lực số hóa của FE CREDIT đã cho thấy sự hiệu quả khi trải nghiệm dịch vụ khách hàng được đảm bảo liên mạch thông qua các ứng dụng công nghệ Đàm thoại thông minh (AI Conversation). Công ty cũng cho ra mắt các phương tiện dịch vụ khách hàng tự trải nghiệm như Trợ lý ảo (Chatbot) trên Zalo, website, Tư vấn viên trực tuyến qua ứng dụng FE CREDIT Mobile, tính năng MyCase để theo dõi khiếu nại, thắc mắc.
- ▶ Mô hình bán hàng đa nhiệm mới triển khai tại hơn 20.000 điểm giới thiệu dịch vụ đã mang lại thành công nhất định khi đạt mục tiêu doanh số với chi phí nhân sự thấp hơn. Kênh phân phối bảo hiểm liên kết cũng đạt được con số ấn tượng với hơn 70.000 bảo hiểm được bán ra thông qua mô hình trên.

MỘT THẬP KỶ DẪN ĐẦU

- ▶ Mạng lưới phân phối rộng khắp cả nước với hơn 9.500 đối tác chiến lược tại gần 22.000 điểm giới thiệu dịch vụ, FE CREDIT cho đến nay vẫn tiếp tục là công ty lớn nhất trên thị trường tài chính tiêu dùng tại Việt Nam.
- ▶ Mạng lưới phân phối này đã và đang mang lại con số kinh doanh ấn tượng với gần 250.000 khoản vay mới mỗi tháng. Sau hơn 10 năm, công ty đã phục vụ hơn 14 triệu khách hàng với các sản phẩm tài chính đa dạng cùng dịch vụ khách hàng cao cấp.
- ▶ Đội ngũ nhân viên với gần 17.000 nhân tài kết hợp giữa nhân lực trong nước và kinh nghiệm của nhân sự nước ngoài, tạo nên một môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp và bổ ích.
- ▶ Tiên phong trong chuyển đổi kỹ thuật số với các ứng dụng di động như \$NAP, \$HIELD. FE CREDIT cũng mở rộng hệ sinh thái tài chính của mình thông qua các nhà cung cấp sản phẩm và dịch vụ tài chính đa dạng như UBank, SmartNet... để tiếp cận gần hơn với tầng lớp trung và cận cao cấp.
- ▶ Giá trị thương hiệu của FE CREDIT còn được công nhận bởi các tổ chức đánh giá uy tín như lọt Top 20 Công Ty Tư Nhân Có Lợi Nhuận Tốt Nhất Năm 2020. Công ty còn được vinh danh trong danh sách VNR500 và PROFIT500 trong 3 năm liên tiếp do Vietnam Report bình chọn.

CHUYỂN ĐỔI KỸ THUẬT SỐ

- ▶ Không ngừng hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu Big Data, tích hợp nhiều nguồn dữ liệu khác nhau, có độ tin cậy cao để hỗ trợ quy trình tự động, rút ngắn và đơn giản hóa quy trình vay của khách hàng.
- ▶ Chiến lược bán chéo và phân tích khách hàng hiện hữu cũng được nâng cao và triển khai trên các ứng dụng di động.
- ▶ 100% khách hàng mới được triển khai ký hợp đồng điện tử trên ứng dụng.
- ▶ Đẩy mạnh số hóa dịch vụ chăm sóc khách hàng thông qua các kênh tự phục vụ được áp dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo để đảm bảo trải nghiệm xuyên suốt cho khách hàng.
- ▶ Hợp tác với nhiều công ty fintech hàng đầu thế giới và các đối tác chiến lược trong hệ sinh thái tài chính để triển khai các công nghệ mới nhất nhằm cung cấp các sản phẩm tín dụng một cách dễ dàng và sẵn có trong tầm tay khách hàng.
- ▶ Mở rộng quan hệ đối tác với các nền tảng cho vay, thanh toán và quản lý tài sản khác để gia tăng sự hiện diện tại các điểm tiếp xúc khách hàng, nhằm thúc đẩy hành vi tín dụng của khách hàng trên nền tảng kỹ thuật số.

10 NĂM KIÊN ĐỊNH VỚI SỨ MỆNH HIỆN THỰC HÓA HÀNG TRIỆU ƯỚC MƠ



**ĐẠI DỊCH COVID-19
XẢY RA, FE CREDIT ĐÃ HỖ
TRỢ CƠ CẤU KHOẢN VAY**

Tất toán trước hạn, miễn phí trả chậm, giãn nợ cho 200.000 khách hàng bị thiệt hại do ảnh hưởng của đại dịch, với tổng giá trị khoản vay lên đến **4.000 tỷ đồng**.



**TRONG ĐỢT BẢO LŨ
HOÀNH HÀNH TẠI
MIỀN TRUNG, FE CREDIT
CŨNG CHIA SẺ NHIỀU
PHẦN QUÀ VÀ TIỀN
THIỆT THỰC**

Mỗi phần quà trị giá hơn 2 triệu đồng mỗi phần để giúp người dân khắc phục hậu quả thiên tai và từng bước xây dựng lại cuộc sống.



**TRAO TẶNG 10 CĂN
NHÀ TÌNH THƯƠNG
CHO NGƯỜI NGHÈO,
GIÚP BÀ CON AN CƯ
LẠC NGHIỆP.**

Các chương trình này được thực hiện với mong muốn mang đến lợi ích cho khách hàng và sẻ chia những khó khăn mà tất cả khách hàng đã trải qua.

FE CREDIT



Vì một Việt Nam
thịnh vượng 🌱

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Phát triển bền vững (PTBV) là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa 3 mặt của sự phát triển, gồm: phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Các Mục tiêu Phát triển Bền vững đã được Liên Hợp Quốc thông qua để kêu gọi hành động toàn cầu nhằm xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường và khí hậu trái đất, đảm bảo mọi người ở khắp mọi nơi có thể tận hưởng hòa bình và thịnh vượng. Trong kế hoạch hành động của Chính phủ, ngành Tài chính là một đòn bẩy cốt lõi để tác động đến chiến lược kinh doanh và các chuỗi cung ứng nhằm giảm các mối đe dọa của chúng đối với thế giới tự nhiên và cung cấp các cơ chế tài chính bảo vệ và khuyến khích các hệ sinh thái bền vững.

Nhận thức được vai trò và tầm ảnh hưởng đến các ngành kinh

tế trong việc đạt được các mục tiêu bền vững, nhiều năm qua VPBank đã lồng ghép tinh bền vững vào chiến lược và tầm nhìn dài hạn của ngân hàng. Bên cạnh chiến lược về quản trị bền vững, VPBank chú trọng xây dựng các chính sách, chương trình hành động nhằm từng bước giải quyết các thách thức xã hội, môi trường và khí hậu. Hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội (MTXH) được xây dựng và triển khai từ năm 2016 là nền tảng vững chắc để VPBank có thể kiểm soát tốt hơn các rủi ro MTXH trong danh mục đầu tư của mình cũng như khám phá các cơ hội kinh doanh mới. Trong năm 2020 VPBank tiếp tục triển khai Chương trình tín dụng xanh với nguồn vốn sẵn sàng lên tới hàng nghìn tỷ đồng để hỗ trợ thúc đẩy các dự án năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, dự án thân thiện – thích ứng với môi trường và khí

hậu. Bên cạnh đó, các chương trình hỗ trợ nhóm khách hàng dễ bị tổn thương cũng đã được triển khai đồng thời nhằm cung cấp giải pháp tài chính toàn diện tạo ra các giá trị xã hội tích cực, thúc đẩy phục hồi kinh tế một cách toàn diện và công bằng hơn.

Trong những năm qua, các nỗ lực của VPBank trong vai trò đồng hành cùng Chính phủ nhằm giải quyết các vấn đề cấp bách của Trái đất đã được nhiều tổ chức ghi nhận và đánh giá cao, góp phần tạo lập uy tín và lòng tin vững chắc trong lòng khách hàng và các nhà đầu tư. VPBank thường xuyên là thành viên tích cực tham gia các sáng kiến, chương trình đánh giá và hội thảo bền vững được tổ chức bởi Ngân hàng nhà nước, các Bộ ban ngành, các tổ chức trong nước và quốc tế.



ĐÁNH GIÁ NGÂN HÀNG BỀN VỮNG

(THỰC HIỆN BỞI WORLD WILDLIFE FUND)

VPBank được đánh giá là ngân hàng duy nhất duy trì hoặc cải thiện đáng kể về chỉ số môi trường, xã hội và quản trị, không có tiêu chí nào bị đánh giá là sụt giảm so với năm trước.



ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

(THỰC HIỆN BỞI SỞ GDCK HCM)

VPBank duy trì vị thế là một trong 20 công ty có cổ phiếu trong danh mục Chỉ số Phát triển Bền vững (VNSI) cao nhất thị trường trong kỳ đánh giá năm 2020.

Ngân hàng dựa trên niềm tin mà khách hàng, đối tác và xã hội giao phó để phục vụ cho các lợi ích tốt nhất của họ và hành động có trách nhiệm. Thành công của VPBank thực chất phụ thuộc vào sự thịnh vượng lâu dài của xã hội mà chúng tôi phục vụ. Chỉ trong một xã hội toàn diện, nơi tăng trưởng kinh tế cùng nhịp với tiến bộ xã hội và thiên nhiên bền vững thì hoạt động kinh doanh của chúng tôi mới có thể phát triển.

Do đó, VPBank mong muốn tiếp tục đóng vai trò mắt xích thông qua việc sử dụng các sản phẩm, dịch vụ và mối quan hệ của mình để hỗ trợ thúc đẩy những thay đổi cơ bản trong nền kinh tế nhằm đạt được sự thịnh vượng chung cho cả thế hệ hiện tại và tương lai.

Nội dung báo cáo và phạm vi chủ đề

Khi lựa chọn nội dung để đưa vào báo cáo thường niên năm 2020, VPBank đã sử dụng các nguyên tắc báo cáo của Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI).

Chúng tôi thực hiện rà soát những nội dung chủ đề công bố trong báo cáo nhằm đảm bảo tính minh bạch. Phân tích tính trọng yếu là một quá trình tiếp theo sau hoạt động rà soát, nhằm xác định các chủ đề bền vững quan trọng nhất, các cơ hội và rủi ro chính yếu thông qua hai yếu tố: (i) Tầm quan trọng đối với các bên liên quan và (ii) Tác động đối với hoạt động kinh doanh. Tổng Giám đốc trực tiếp rà soát và phê duyệt chính thức báo cáo phát triển bền vững của ngân hàng và đảm bảo rằng tất cả các chủ đề trọng yếu được đề cập.



1. Đảm bảo sự tham gia của các bên liên quan



2. Tính trọng yếu



3. Bối cảnh Phát triển bền vững



4. Tính đầy đủ

Các bên liên quan

Trong năm báo cáo, VPBank cũng đã tích cực mở rộng tham gia với nhiều nhóm bên liên quan về các chủ đề môi trường, xã hội và quản trị, chẳng hạn như hiệp hội, nhà tài trợ, đối tác, tổ chức phi lợi nhuận, các sáng kiến thông qua tương tác cá nhân, dự án hoặc nền tảng chung, tăng cường liên hệ hiện có và bắt đầu sự hợp tác.

Cổ đông/Nhà đầu tư



Cơ quan quản lý nhà nước



Cộng đồng



Đối tác



Khách hàng



Nhà cung ứng dịch vụ



Cơ quan truyền thông



Người lao động



Trình bày thông tin

Thông tin trong báo cáo năm 2020 được trình bày dựa trên việc tham khảo theo bộ tiêu chuẩn GRI nhằm tạo ra một tiếng nói chung cho các tổ chức và các bên liên quan, để truyền đạt và được hiểu rõ các tác động về kinh tế, môi trường và xã hội theo một tiêu chuẩn được chấp nhận toàn cầu.

Các thay đổi trong báo cáo

So với báo cáo thường niên các năm trước, báo cáo năm 2020 công bố rộng rãi, chi tiết và minh bạch những đóng góp của VPBank cho mục tiêu phát triển bền vững và giải quyết các vấn đề cấp bách liên quan đến chủ đề xã hội, môi trường và khí hậu.

Tiêu chuẩn áp dụng

Báo cáo này đã được lập dựa trên việc tham khảo theo Tiêu chuẩn GRI: **tùy chọn 'Cốt lõi'**.

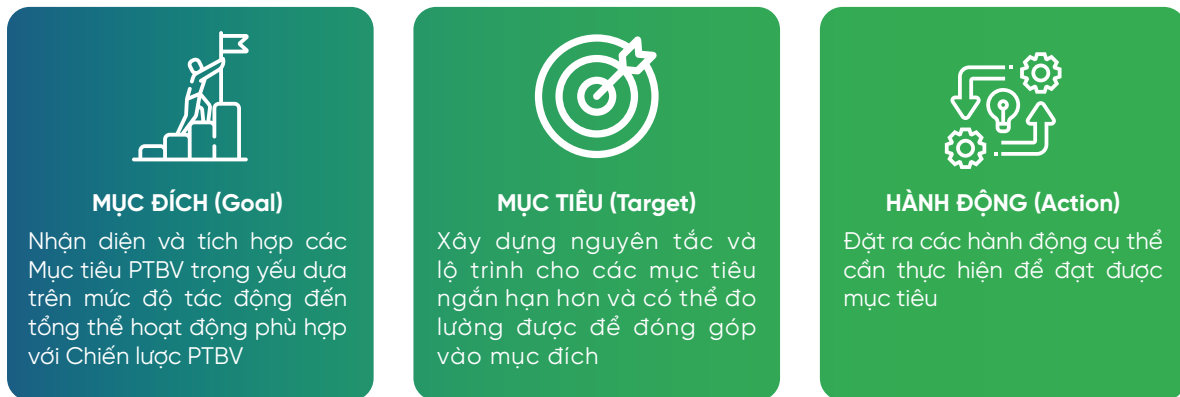
Thông lệ báo cáo

Kỳ báo cáo:
01/01/2020–31/12/2020
Ngày của báo cáo gần nhất: 31/03/2020
Chu kỳ báo cáo:
Thường niên

QUẢN LÝ RỦI RO VÀ CÁC ĐÓNG GÓP MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ KHÍ HẬU

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC PTBV



CÁC PHƯƠNG DIỆN PTBV



GẮN KẾT CHIẾN LƯỢC VỚI CÁC MỤC TIÊU PTBV



QUẢN LÝ RỦI RO MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Phân cấp quản lý các chủ đề môi trường, xã hội

Ban Lãnh đạo ngân hàng đã chỉ đạo thành lập Phòng chuyên môn và phân công trách nhiệm cho các cấp quản lý để xây dựng hệ thống, chính sách quản trị về MTXH. Hiện tại, Phó TGD – Giám đốc Khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ được Tổng Giám đốc ủy quyền thực hiện vai trò Quản lý cao cấp về MTXH, là đại diện của VPBank quyết định các vấn đề liên quan đến quản lý rủi ro MTXH.

Hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội

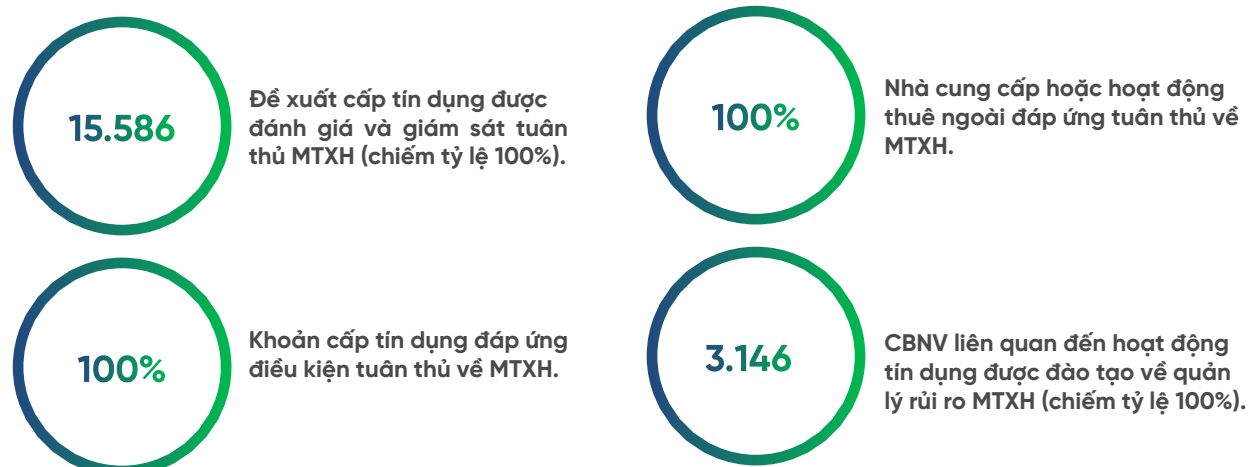
Hệ thống quản lý rủi ro MTXH trong hoạt động cấp tín dụng của VPBank vận hành trên cơ sở tuân thủ theo luật pháp quốc gia, Tiêu chuẩn Hoạt động Môi trường và Xã hội do IFC ban hành (IFC Performance Standards

on Environmental and Social Sustainability). Các dự án tiếp cận nguồn vốn của ngân hàng được thẩm định theo một quy trình nghiêm ngặt nhằm nhận diện và phân loại mức độ rủi ro về MTXH, từ đó xác định các ứng xử theo nguyên tắc nhất quán, bao gồm yêu cầu khách hàng thực hiện biện pháp hiệu quả nhằm loại bỏ/giảm thiểu rủi ro MTXH hoặc từ chối cấp tín dụng đối với các dự án có rủi ro nghiêm trọng. Cam kết tuân thủ MTXH của khách hàng được ghi nhận trong hợp đồng tín dụng hoặc thỏa thuận hợp tác như là một điều kiện để duy trì vốn vay. Đối với nhà cung cấp và các hoạt động thuê ngoài, VPBank đã xây dựng chính sách quản trị rủi ro trong đó lồng ghép các tiêu chí về MTXH để loại trừ tác động môi trường tiêu cực trong chuỗi cung ứng. Quy trình thẩm định rủi ro MTXH, quy trình giám sát tuân thủ MTXH sau cấp tín dụng và Kênh tiếp nhận ý kiến về MTXH được VPBank công bố trên website chính thức.

TIÊU CHUẨN HOẠT ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (IFC PERFORMANCE STANDARDS ON ENVIRONMENTAL AND SOCIAL SUSTAINABILITY)



KẾT QUẢ QUẢN LÝ RỦI RO MTXH ĐẠT ĐƯỢC



TÍN DỤNG XANH

Chương trình tín dụng xanh

Trong năm 2020 VPBank đã hợp tác với các đối tác quốc tế để xây dựng và triển khai Chương trình hỗ trợ Tín dụng xanh với nguồn vốn sẵn sàng lên đến 212,5 triệu USD để khuyến khích Khách hàng đầu tư nhiều hơn vào các dự án thuộc lĩnh vực xanh. Khung chính sách của Chương trình Tín dụng xanh do VPBank phát triển đã được Sustainalytics công nhận phù hợp với khuôn khổ Nguyên tắc Tín dụng xanh 2020 (Green Loan Principles, 2020) do Hiệp hội thị trường Tín dụng (Loan Market Association - "LMA") ban hành và phù hợp với các Mục tiêu Phát triển Bền vững số 6, 7, 11, 12, 14 và 15 của Liên hợp quốc.

Kết quả triển khai Chương trình Tín dụng xanh

Trong năm 2020, VPBank đã giải ngân trên 1.500 tỷ đồng cho các dự án xanh thuộc lĩnh vực Năng lượng tái tạo, Sản phẩm và công nghệ sản xuất thích ứng với nền kinh tế tuần hoàn, Giao thông sạch, Quản lý nước bền vững và xử lý nước thải, Phòng chống ô nhiễm và Nông lâm nghiệp bền vững.

58

CÁC ĐÓNG GÓP ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ KHÍ HẬU

NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

- ▶ **Điện mặt trời:** Góp phần chuyển đổi năng lượng truyền thống không bền vững (điện than, thủy điện lớn) sang năng lượng tái tạo. Tổng sản lượng điện hàng năm dự kiến đạt 85.338 MW, đóng góp cắt giảm khí nhà kính quy đổi tương đương 32.850 tấn CO₂/năm.
- ▶ **Sản xuất viên nén gỗ:** Sản phẩm viên nén gỗ là một dạng năng lượng tái tạo có thể thay thế cho các nhiên liệu kém bền vững như than và nhiên liệu hóa thạch. Tổng sản lượng viên nén gỗ dự kiến đạt 300.000 tấn/năm. Mang lại hiệu quả cắt giảm 4.883 tấn CO₂/năm và 531.304 tấn SO₂/năm khi so sánh với mức sử dụng tương đương của dầu DO.
- ▶ **Cung cấp hơi công nghiệp bền vững:** Lò hơi công nghiệp vận hành bằng nhiên liệu sinh khối thay thế cho nhiên liệu hóa thạch truyền thống, Tổng lượng viên nén gỗ sử dụng là 400.000 tấn/năm để thay thế cho dầu DO, tương đương cắt giảm 6.510 tấn CO₂ và 708.405 tấn SO₂ hàng năm.

GIAO THÔNG SẠCH

- ▶ **Sản xuất xe điện:** Sản xuất xe máy điện với sản lượng dự kiến 30.000 xe/năm, ước tính dự án góp phần cắt giảm 240 tấn Hydrocarbon, 600 tấn CO, 45 tấn NO_x và 18.000 tấn CO₂ khi đưa vào vận hành để thay thế cho phương tiện xe máy động cơ xăng theo tiêu chuẩn khí thải Euro 3.

KINH TẾ TUẦN HOÀN

- ▶ **Tái chế phế phẩm kim loại:** Tổng lượng kim loại tái chế đạt 250.000 tấn/năm. Giảm thiểu tác động gây cạn kiệt tài nguyên, giảm phát thải các chất độc hại và áp lực tái thu hồi đất từ hoạt động khai thác quặng.
- ▶ **Tái chế phế phẩm thủy sản:** Tổng lượng tái chế đạt 25.550 tấn/năm. Các dự án góp phần giảm thiểu ô nhiễm hữu cơ phát sinh từ hoạt động của ngành chế biến thủy sản.

QUẢN LÝ NƯỚC BỀN VỮNG VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

- ▶ **Cấp nước sạch:** Các dự án nước sạch được cấp tín dụng xanh với tổng công suất gần 500.000 m³/ngày giúp tăng tỷ lệ sử dụng nước hợp vệ sinh tại các khu vực nông thôn, giảm lượng nước ngầm khai thác và tăng khả năng thích ứng của người dân dễ bị tổn thương tại các khu vực khan hiếm nước hoặc nơi nguồn nước bị ô nhiễm nghiêm trọng.
- ▶ **Xử lý nước thải:** Các dự án đầu tư mở rộng, nâng cấp hạ tầng thu gom và xử lý nước thải giúp giảm thiểu tỷ lệ nước thải chưa qua xử lý đạt chuẩn tại các khu công nghiệp tập trung và khu dân cư.

NÔNG LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG

- ▶ **Lâm sản có chứng chỉ bền vững:** Thúc đẩy các dự án lâm nghiệp và sản xuất thủ công, mỹ nghệ có chứng chỉ bền vững quốc tế đối với nguồn cung ứng vật liệu.

PHÒNG CHỐNG Ô NHIỄM

- ▶ **Xử lý rác thải:** Các dự án phân loại, xử lý và tái chế chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp với tổng công suất lên tới hàng nghìn tấn/năm, giúp giảm thiểu các áp lực tới môi trường. Ngoài ra, trong nhóm này còn bao gồm các hoạt động tư vấn, chuyển giao công nghệ về môi trường và xử lý ô nhiễm.

QUẢN LÝ CHẤT THẢI VÀ NĂNG LƯỢNG

QUẢN LÝ CHẤT THẢI

VPBank tuân thủ các quy định của pháp luật và nguyên tắc quản lý tổng hợp trong quản lý chất thải. VPBank ưu tiên các giải pháp tiết kiệm, tuần hoàn nhằm hạn chế tối đa lượng chất thải phát sinh trước khi thải bỏ. Tại mỗi khu vực đều được trang bị đầy đủ các phương tiện để thu gom và phân loại chất thải. VPBank đồng thời triển khai các quy định nội bộ, truyền thông về vệ sinh lao động và ý thức tiết kiệm, khuyến khích xanh hoá văn phòng. Thông qua hoạt động giám sát và cải tiến theo nguyên tắc 5S, các khu vực nơi làm việc luôn được các CBNV giữ gìn mỹ quan, gọn gàng, sạch đẹp.

QUẢN LÝ NĂNG LƯỢNG

Năm 2020 chi phí tiêu thụ điện và sử dụng nước trên toàn hệ thống của VPBank tiếp tục giảm so với các năm trước đó, cụ thể: chi phí tiêu thụ điện giảm 2,7% so với năm 2018 và giảm 7,0% so với năm 2019, chi phí sử dụng nước giảm 15,2% so với năm 2018 và 14,2% so với năm 2019. Mức năng lượng cắt giảm đã phản ánh hiệu quả tích cực từ việc triển khai các giải pháp nâng cao ý thức tiết kiệm, chống lãng phí và bảo vệ môi trường cho CBNV tại ngân hàng.

CHÚNG TÔI ĐÃ LÀM GÌ ĐỂ NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG



TUYÊN TRUYỀN

Phổ biến các quy định về tiết kiệm và chống lãng phí thông qua các hình thức: ban hành quy định nội bộ, truyền thông bằng email, đưa nội dung về thực hành tiết kiệm vào chương trình đào tạo nội bộ, dán các thông báo, khẩu hiệu, bản tin tuyên truyền về tiết kiệm năng lượng.



THEO DÕI

Quản lý chặt chẽ chi phí sử dụng năng lượng theo định mức kế hoạch hàng năm và thực hiện giải trình khi có sự biến động về chi phí.



THƯỜNG XUYÊN KIỂM TRA

Bảo dưỡng, thay thế các thiết bị điện, nước để hạn chế các trường hợp rò rỉ, thất thoát. Thay thế các thiết bị điện hiệu suất kém bằng các thiết bị hiệu suất cao và thân thiện môi trường. Sử dụng hệ thống điều hòa hợp lý.



GIÁM SÁT TUÂN THỦ

Giám sát và áp dụng các chế tài kỷ luật đối với các trường hợp gây lãng phí năng lượng như không tắt các thiết bị điện khi ra về, sử dụng lãng phí giấy, văn phòng phẩm, nước uống.

HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NỮ CHỦ

Từ năm 2017 VPBank đã bắt đầu nghiên cứu phân khúc Doanh nghiệp vừa và nhỏ có phụ nữ làm chủ và hiện là ngân hàng tiên phong cung cấp giải pháp tài chính toàn diện cho đối tượng này. Đặc biệt trong bối cảnh dịch Covid-19 bùng phát khiến các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ do nữ làm chủ dễ bị tổn thương trên phương diện tài chính, doanh thu sụt giảm, VPBank là 1 trong 5 ngân hàng quốc nội tham gia vào Dự án viện trợ không hoàn lại "Hỗ trợ giảm thiểu tác động của đại dịch COVID-19 cho các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ" với trị giá 5 triệu USD từ Quỹ Sáng kiến Tài chính dành cho Nữ doanh nhân (We-Fi) ủy thác cho Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) trực tiếp quản lý. Ngoài các hỗ trợ về tài chính, VPBank còn xây dựng các chương trình hỗ trợ đem tới các giá trị phi tài chính nhằm đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu của các doanh nghiệp nữ chủ, giúp xây dựng khả năng tự vững của doanh nghiệp, từ đó thúc đẩy phục hồi kinh tế một cách toàn diện và công bằng hơn.

CÁC GIÁ TRỊ TÀI CHÍNH VPBANK ĐEM LẠI CHO DOANH NGHIỆP NỮ CHỦ

Năm 2020, Doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ chiếm 18,2% tổng danh mục doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) của ngân hàng, tập trung nhiều nhất tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Trong số này, 82% thuộc nhóm doanh nghiệp siêu nhỏ. Đáng lưu ý, Doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ chiếm tỷ lệ lên tới 26,9% trong danh mục Doanh nghiệp lần đầu được giải ngân tại VPBank. Tỷ lệ nắm giữ sản phẩm và thu nhập hoạt động thuần bình quân của Doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ cao hơn nhóm doanh nghiệp còn lại tại phân khúc SME.

CÁC SỐ LIỆU TÀI CHÍNH VỀ DOANH NGHIỆP NỮ CHỦ

8.004
Tỷ đồng

Dư nợ cuối kỳ của KH
doanh nghiệp nữ chủ
(chiếm 24,5% SME)

73
Khách hàng

Số lượng KH doanh nghiệp
nữ chủ giải ngân lần đầu
(chiếm 26,9% SME)



CÁC GIÁ TRỊ PHI TÀI CHÍNH VPBANK ĐEM LẠI CHO DOANH NGHIỆP NỮ CHỦ

Công cụ chẩn đoán sức khỏe doanh nghiệp

Xuất phát từ việc nhiều doanh nghiệp nữ chủ gặp khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn vay của các Tổ chức tài chính bởi các yếu tố rào cản về quản trị, VPBank đã thiết kế Công cụ chẩn đoán sức khỏe doanh nghiệp để đem đến sự hỗ trợ tốt nhất cho các doanh nghiệp nữ chủ. Các Doanh nghiệp nữ chủ sẽ nhận được một bản báo cáo toàn diện về sức khỏe của doanh nghiệp mình dựa trên 6 yếu tố và các gợi ý các lĩnh vực trọng tâm cần cải thiện. Báo cáo này gắn liền với các khóa học mà VPBank đã thiết kế miễn phí cho các Doanh nghiệp nữ chủ đăng ký thông tin với VPBank, cũng như các nguồn tư liệu trong và ngoài nước để doanh nghiệp có thể tự học hỏi và hoàn thiện.



Mô hình kinh doanh



Sale – marketing



Vận hành



Quản trị tài chính



Năng lực lãnh đạo



Quản trị nhân lực

Các khóa học quản trị thiết kế riêng

Các khóa học do VPBank thiết kế về lập kế hoạch kinh doanh, điều chỉnh chiến lược, mô hình kinh doanh nhằm phù hợp với giai đoạn mới khi dịch Covid đến và tác động tới các nền kinh tế đã thu hút được sự quan tâm của hàng trăm doanh nghiệp nữ chủ. Chương trình Giải mã nữ Doanh nhân hạnh phúc trên nền tảng trực tuyến đã thu hút 14.779 lượt tiếp cận và hơn 1.300 lượt tương tác.

Hỗ trợ kết nối kinh doanh

Doanh nghiệp nữ chủ có cơ hội được tham gia toàn bộ các sự kiện VPBank tổ chức để mở rộng quan hệ hợp tác kinh doanh và nâng cao kiến thức quản trị. Chương trình kết nối tài chính thông qua dự án She Trades Invest đã thu hút 120 Doanh nghiệp nữ chủ tham gia.



Vì một Việt Nam
thịnh vượng 

CÔNG BẰNG

MINH BẠCH

CHUẨN MỰC CỦA HÀNH VI VÀ VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

VPBank đã xây dựng Bộ quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp dựa trên 6 giá trị cốt lõi nhằm giúp CBNV luôn ứng xử phù hợp và định hướng cho các quyết định của mỗi CBNV VPBank. Việc tuân thủ các chuẩn mực quy định trong Bộ quy tắc này là trách nhiệm của mỗi cán bộ nhân viên VPBank, nhằm góp phần bảo vệ danh tiếng và uy tín của Ngân hàng. Bộ quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp của VPBank gồm 20 quy tắc quy định rõ các Trách nhiệm với VPBank, Trách nhiệm với đồng nghiệp, Trách nhiệm đối với khách hàng, đối tác, nhà cung cấp, và các bên liên quan khác và Trách

nhệm đối với cơ quan quản lý nhà nước và pháp luật và Trách nhiệm với Cộng đồng. Nguyên tắc cơ bản về các hành vi ứng xử và đạo đức nghề nghiệp mà mọi cán bộ nhân viên VPBank phải tuân thủ là: **Không một cán bộ, nhân viên nào tại VPBank sẽ đánh đổi danh tiếng và uy tín của VPBank để nhận lấy một quyền lợi cá nhân hay một lợi ích nào khác ngay cả đối với chính ngân hàng.** VPBank xử lý nghiêm khắc bất cứ hành vi nào đi ngược lại với những chuẩn mực quy định trong Bộ quy tắc này.

6 GIÁ TRỊ CỐT LÕI



Khách hàng là trọng tâm



Hiệu quả



Tham vọng



Phát triển con người



Tin cậy



Tạo sự khác biệt

BỔ NHIỆM VÀ ĐÁNH GIÁ CÁN BỘ QUẢN LÝ

VPBank xây dựng quy trình bổ nhiệm và lựa chọn cấp quản lý cao cấp nhất tuân thủ theo quy định liên quan của Ngân hàng nhà nước và pháp luật, đảm bảo các tiêu chí về tính đa dạng, tính độc lập, trình độ chuyên môn và kinh nghiệm liên quan đến các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội. Hiệu quả hoạt động của cấp quản lý cao nhất được đánh giá định kỳ 6 tháng theo quy trình tự đánh giá và được đánh giá lại và phê duyệt bởi Ủy ban Nhân sự để đảm bảo tính độc lập. Nếu hiệu quả không đạt, cán bộ được đánh giá thực hiện xây dựng kế hoạch cải thiện với các hành động nhằm nâng cao kết quả.

XÁC ĐỊNH MỨC THÙ LAO

VPBank áp dụng chính sách chi trả thù lao cạnh tranh với thị trường theo nhóm tính chất công việc, cấp bậc, hiệu quả làm việc và năng lực của cán bộ nhân viên. VPBank tuân thủ các quy định pháp luật về mức lương tối thiểu theo vùng địa lý được quy định bởi Chính phủ căn cứ trên chỉ số giá tiêu dùng tại mỗi thời kỳ, đồng thời tham gia và mua kết quả khảo sát lương của thị trường Việt Nam để sử dụng tham khảo trong quá trình rà soát và quyết định thù lao, đãi ngộ. Cán bộ nhân viên nam và nữ được VPBank áp dụng chính sách đãi ngộ tương tự nhau.

CÁC THỎA ƯỚC THƯƠNG LƯỢNG TẬP THỂ

Thông qua việc lấy ý kiến của 100% cán bộ nhân viên, Tổ chức đại diện người lao động của VPBank là đại diện tham gia xây dựng và thông qua Nội dung Thỏa ước lao động tập thể.

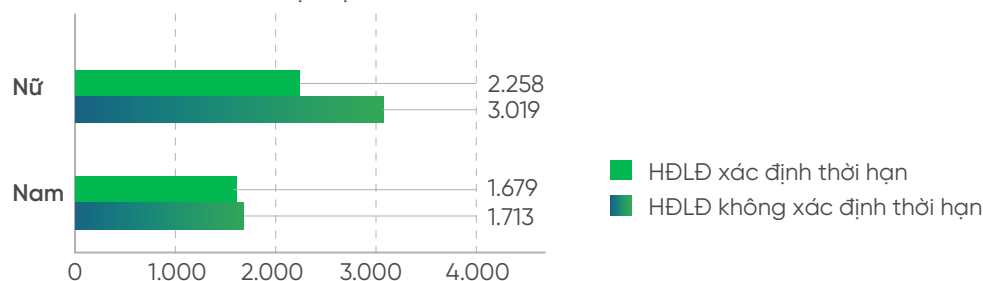
CÁC NGHĨA VỤ THEO CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI ĐÃ QUY ĐỊNH VÀ CÁC CHẾ ĐỘ HƯU TRÍ KHÁC

Chế độ phúc lợi cho người lao động bao gồm: Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp theo quy định của nhà nước; Bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tai nạn; Quyền sở hữu cổ phiếu; Vay gắn kết; Mua nhà; Phúc lợi khác. VPBank tuân thủ các nghĩa vụ theo đúng quy định của Nhà nước về việc trích nộp Bảo hiểm Xã hội/Y tế/Thất nghiệp và Công đoàn phí theo quy định của Nhà nước.

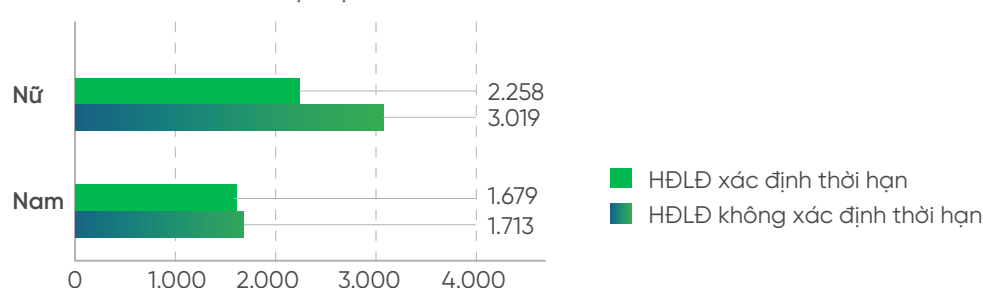
Lao động nữ được đảm bảo nghỉ thai sản theo đúng quy định của Pháp luật. Chương trình bảo hiểm sức khỏe VPBank Care đem đến thêm nhiều quyền lợi cộng thêm cho nhân viên nữ trong thời gian mang thai và nghỉ thai sản. 100% CBNV quay lại làm việc và được giữ lại sau khi kết thúc nghỉ thai sản.

THÔNG TIN VỀ NHÂN SỰ VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG KHÁC

A. TỔNG SỐ NHÂN VIÊN THEO LOẠI HỢP ĐỒNG VÀ THEO VÙNG



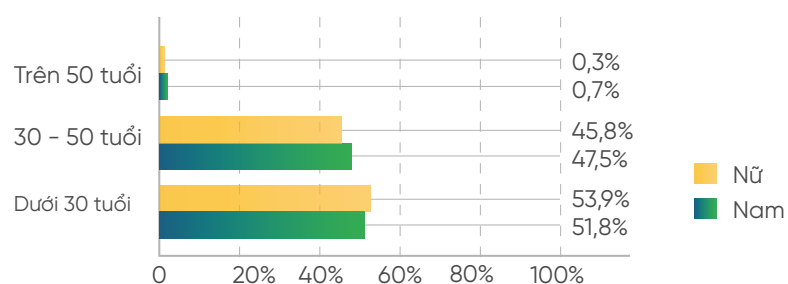
B. TỔNG SỐ NHÂN VIÊN THEO LOẠI HỢP ĐỒNG VÀ THEO GIỚI TÍNH



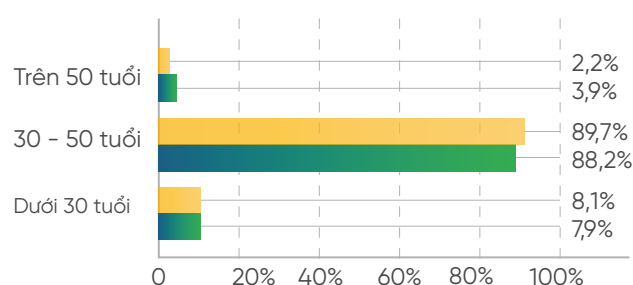
C. THÀNH PHẦN CỦA CẤP QUẢN LÝ CAO NHẤT THEO GIỚI TÍNH (BAN ĐIỀU HÀNH) (%)



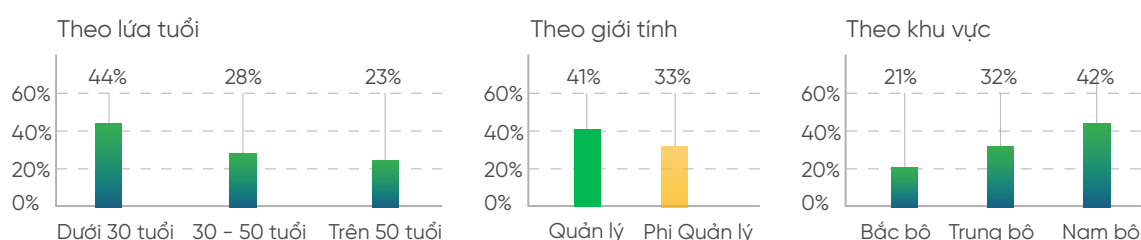
D. TỶ LỆ PHẦN TRĂM NHÂN VIÊN THEO PHÂN LOẠI THEO NHÓM TUỔI



E. TỶ LỆ PHẦN TRĂM CÁC CÁ NHÂN TRONG CẤP QUẢN LÝ PHÂN LOẠI THEO NHÓM TUỔI



F. TỶ LỆ CƠ CẤU TUYỂN DỤNG, THEO NHÓM TUỔI, THEO GIỚI TÍNH VÀ KHU VỰC



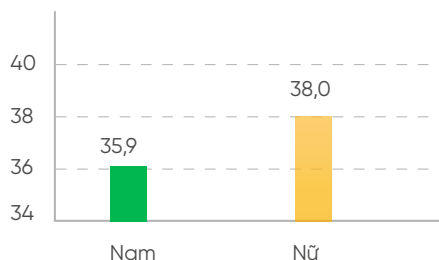
ĐÀO TẠO VÀ NÂNG CAO KỸ NĂNG

Đào tạo kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ

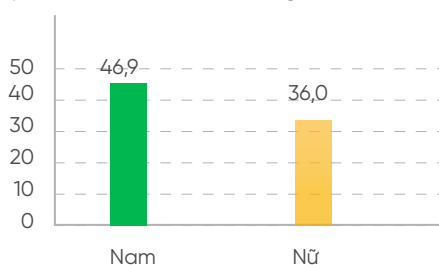
Hoạt động đào tạo và phát triển nghề nghiệp luôn được VPBank đặc biệt chú trọng nhằm hỗ trợ cho CBNV ngày càng hoàn thiện các kiến thức, kỹ năng chuyên môn và nâng cao năng suất làm việc. VPBank xây dựng chương trình đào tạo kỹ năng cho toàn bộ CBNV thông qua các hình thức: Elearning (gồm hệ thống của VPBank và thuê ngoài), Học Tập trung, Học Tập trung Online. Danh mục chủ đề đào tạo hàng năm luôn được Học viện đào tạo VPBank triển khai đa dạng, thiết thực với các nội dung sinh động, đồng thời mang đến sự trải nghiệm nhiều phương thức học tập khác nhau nhằm giúp các CBNV có những trải nghiệm học tập dễ dàng hơn. Mỗi năm VPBank tổ chức Chương trình Đào tạo Bắt buộc vào 2 kỳ chính thức và 1 kỳ bổ sung để đảm bảo toàn bộ CBNV của VPBank được tham gia các khóa đào tạo.

Hình thức học	Số lượng lượt học viên
Elearning Skillsoft	69.961
Elearning VPBank	6.938
Học Tập trung	5.066
Học Tập trung Online	2.146
Tổng cộng	84.111

Số giờ đào tạo bình quân tháng trung bình 2020 phân theo giới tính (giờ/năm)



Số giờ đào tạo bình quân tháng trung bình 2020 phân theo nhóm nhân viên (giờ/năm)



Đào tạo nhân viên các chính sách và quy trình về quyền con người



NỘI DUNG ĐÀO TẠO

Nội dung quyền con người được VPBank triển khai đồng thời trong 2 chương trình sau:

- Chương trình Định hướng dành cho CBNV mới.
- Chương trình đào tạo bắt buộc cho toàn thể CBNV (khóa Tuần thủ).



CÁC CHỦ ĐỀ ĐÀO TẠO

- An toàn, an ninh và sự riêng tư nơi làm việc.
- Rủi ro doanh nghiệp và Đạo luật về sức khỏe và an toàn lao động.
- Bảo vệ Nhân quyền, Ngăn chặn quấy rối và Thúc đẩy sự tôn trọng.

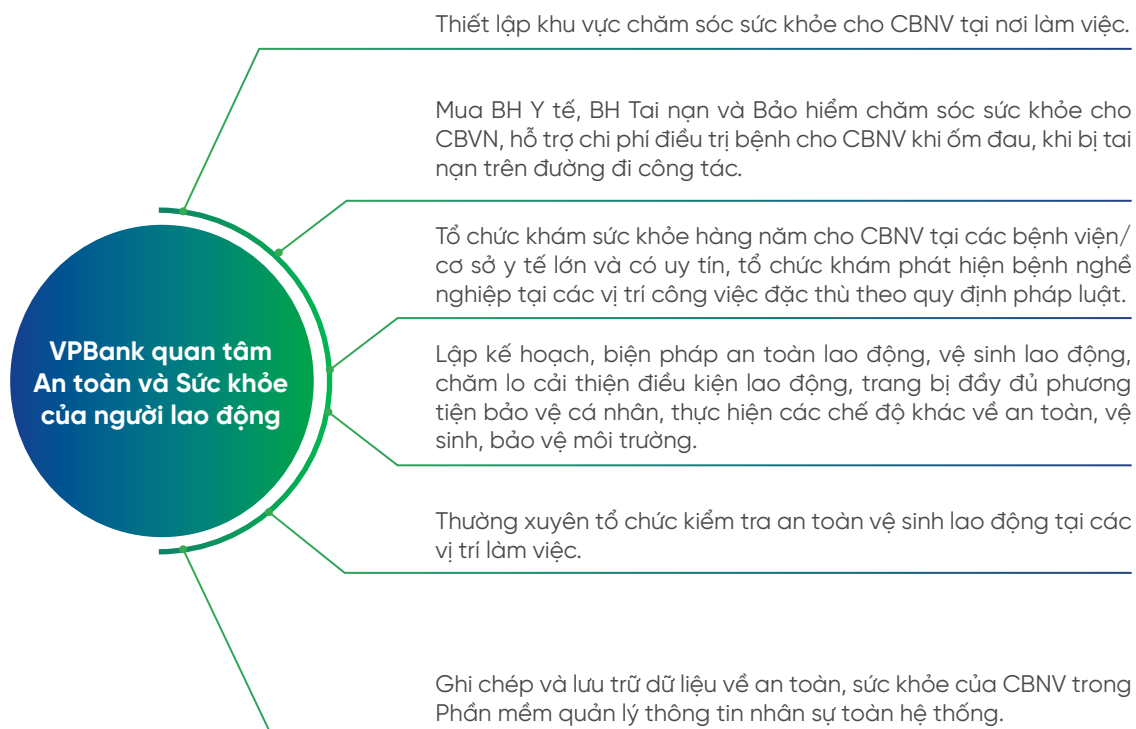


KẾT QUẢ THỰC HIỆN

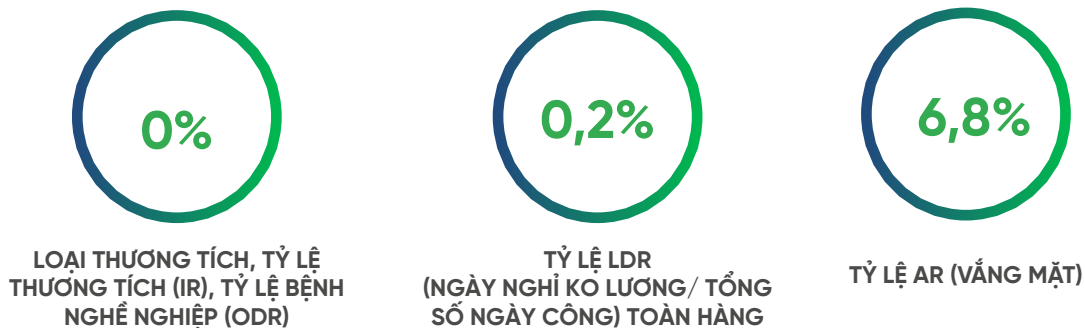
- 100% CBNV của VPBank (bao gồm cả các nhân viên an ninh) được đào tạo nội dung quyền con người thông qua khóa học Quy tắc ứng xử và Đạo đức nghề nghiệp.

Tổng số giờ đã đào tạo: **37.118** giờ

AN TOÀN LAO ĐỘNG



Kết quả đạt được:



PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG

VPBank thiết lập đầy đủ các phòng, ban chuyên môn theo dõi, tổng hợp và thực hiện đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng đối với tất cả các hoạt động của Ngân hàng. Theo đó, VPBank nhận diện các rủi ro trọng yếu liên quan đến tham nhũng thường phát sinh trong các hoạt động xây dựng cơ bản, mua sắm hàng hóa, dịch vụ; hoạt động cấp tín dụng, đầu tư, rủi ro có thể phát sinh khi đối tác, khách hàng trong quá trình giao dịch, thiết lập giao dịch. VPBank đã ban hành chính sách phòng, chống tham nhũng, thực hiện tuyên truyền, phổ biến đầy đủ rõ ràng cho tất cả các cấp quản lý và cán bộ nhân viên, khách hàng và đối tác, ban hành biểu mẫu và yêu cầu tất

cả khách hàng, đối tác ký Cam kết minh bạch, Cam kết tuân thủ quy định về phòng, chống tham nhũng khi thiết lập quan hệ, giao dịch với VPBank. Hoạt động đào tạo, truyền thông nội bộ về phòng chống tham nhũng được VPBank tổ chức thường xuyên cho các cấp quản lý, cán bộ nhân viên đang làm việc và nhân viên tân tuyển. Trong năm 2020, Ban lãnh đạo ngân hàng chỉ đạo quyết liệt nhằm thắt chặt công tác phòng chống tham nhũng trong tất cả các hoạt động của VPBank, toàn thể CBNV VPBank đã nghiêm túc thực hiện các hành động để phòng ngừa và bài trừ các hành vi tham nhũng.

Vì một Việt Nam
thịnh vượng 

QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG BÙI HẢI QUÂN
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

ÔNG NGÔ CHÍ DŨNG
CHỦ TỊCH HĐQT

ÔNG NGUYỄN ĐỨC VINH
THÀNH VIÊN HĐQT

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG NGUYỄN VĂN PHÚC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

ÔNG LÔ BẰNG GIANG

PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



BÀ NGUYỄN THỊ MAI TRINH
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



BÀ TRỊNH THỊ THANH HẰNG
THÀNH VIÊN CHUYÊN TRÁCH



BÀ KIM LY HUYỀN
THÀNH VIÊN KHÔNG CHUYÊN TRÁCH
GIÁM ĐỐC KHỐI KIỂM TOÁN NỘI BỘ



ÔNG VŨ HỒNG CAO
THÀNH VIÊN KHÔNG CHUYÊN TRÁCH

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG NGUYỄN ĐỨC VINH
TỔNG GIÁM ĐỐC



BÀ LƯU THỊ THẢO
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC CAO CẤP



ÔNG PHAN NGỌC HÒA
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG VPĐD PHÍA NAM



ÔNG PHÙNG DUY KHƯƠNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC - GIÁM ĐỐC KHỐI
KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG NGUYỄN THANH BÌNH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC KHỐI TÍN DỤNG



ÔNG NGUYỄN THÀNH LONG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC - GIÁM ĐỐC KHỐI
PHÁP CHẾ VÀ KIỂM SOÁT TUÂN THỦ



BÀ DƯƠNG THỊ THU THỦY

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC - GIÁM ĐỐC KHỐI
KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP LỚN VÀ ĐẦU TƯ



ÔNG ĐINH VĂN NHO

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC - GIÁM ĐỐC KHỐI
KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG PHẠM PHÚ KHÔI
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC - GIÁM ĐỐC KHỐI
THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH



ÔNG NGUYỄN HUY PHÁCH
GIÁM ĐỐC KHỐI
KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ



BÀ NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT
GIÁM ĐỐC KHỐI
VẬN HÀNH



ÔNG DMYTRO KOLECHKO
GIÁM ĐỐC KHỐI
QUẢN TRỊ RỦI RO

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

76

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VPBANK 2020



BÀ LÊ HOÀNG KHÁNH AN
GIÁM ĐỐC KHỐI
TÀI CHÍNH



BÀ TRẦN THỊ DIỆP ANH
GIÁM ĐỐC KHỐI
QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC



ÔNG WONG KOK SENG AUGUSTINE
GIÁM ĐỐC KHỐI
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



BÀ VÕ HẰNG PHƯƠNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH VÀ NGÂN HÀNG GIAO DỊCH

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG LIM ANN KEN
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÂN TÍCH KINH DOANH



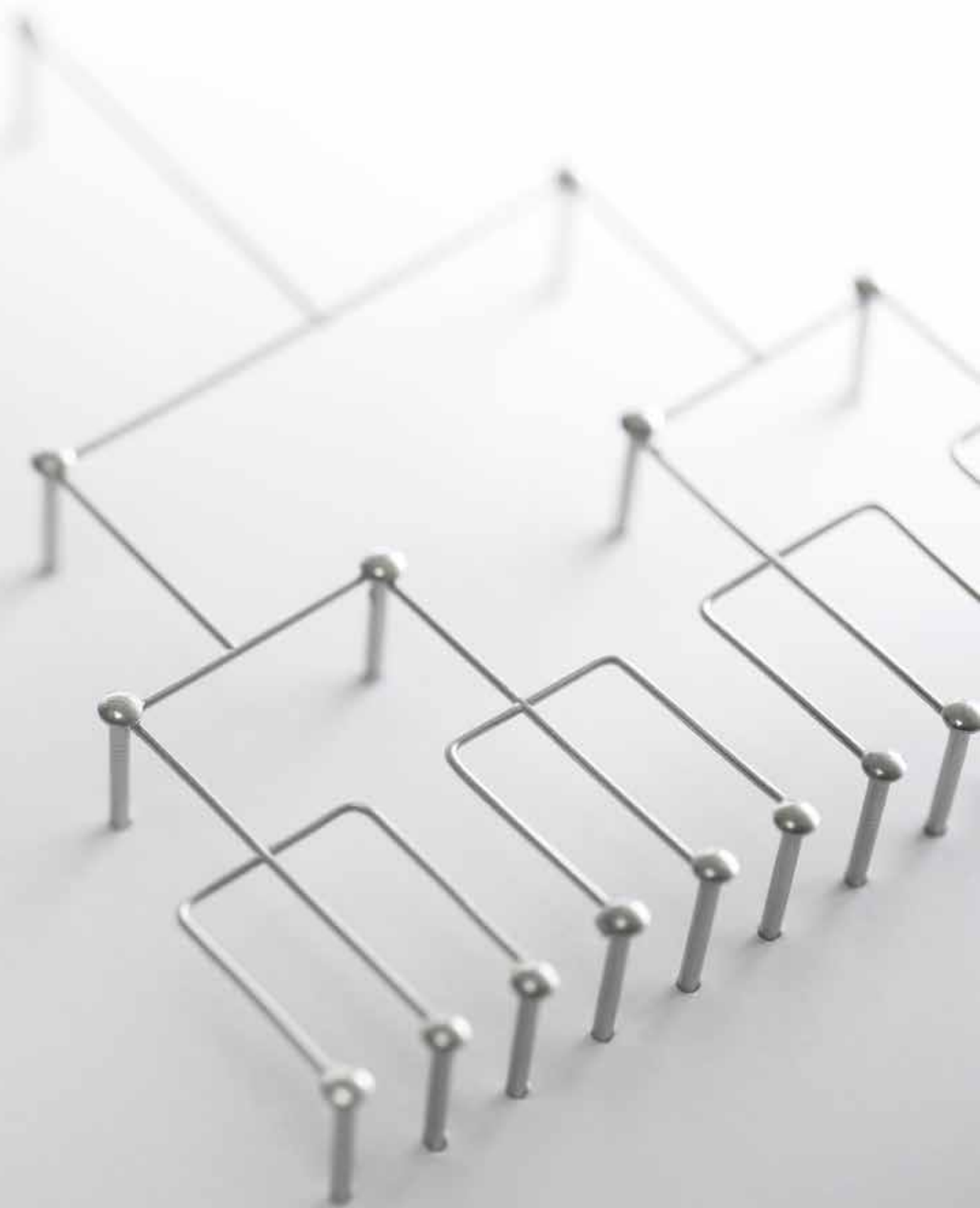
ÔNG HOÀNG ANH TUẤN
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
XỬ LÝ NỢ PHÁP LÝ



BÀ PHẠM THỊ NHUNG
GIÁM ĐỐC ĐỐI NGOẠI
KIỂM GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM QUẢN LÝ ĐỐI TÁC



BÀ NGUYỄN THỊ THU HƯỜNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
TRUYỀN THÔNG VÀ TIẾP THỊ



CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA VPBANK

Cơ cấu tổ chức quản lý của ngân hàng VPBank bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, và Tổng giám đốc theo như quy định tại Điều 32 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của ngân hàng. Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm xây dựng chiến lược, định hướng hoạt động của ngân hàng; triển khai các công tác quản trị, đưa ra quyết định thực hiện quyền và nghĩa vụ của ngân hàng ngoại trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng Quản trị có hai ủy ban trực thuộc giúp việc là Ủy ban Nhân sự và Ủy ban Quản lý Rủi ro.

Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị. Các thành viên còn lại của Ban Điều hành gồm Phó Tổng giám đốc cao cấp, các Phó Tổng giám đốc và Giám đốc các khối, trung tâm... có nhiệm vụ giúp việc và hỗ trợ. Tổng Giám đốc thực thi các định hướng, chính sách do Hội đồng Quản trị phê duyệt trong quá trình tiến hành các hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Ngân hàng thiết lập thành 18 khối và trung tâm chính, triển khai các hoạt động kinh doanh và vận hành - hỗ trợ theo chức năng nhiệm vụ cụ thể, do các thành viên Ban Điều hành được phân công trực tiếp quản lý.

Tổng Giám đốc cũng tổ chức, thành lập các Hội đồng chuyên môn trong các lĩnh vực quản lý rủi ro (Hội đồng Quản lý Rủi ro hoạt động, Hội đồng Quản lý Rủi ro tín dụng và Thu hồi nợ, Hội đồng Quản lý Rủi ro thị trường); quản lý tài sản (Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có, Hội đồng Quản lý vốn), quản lý/phê duyệt tín dụng, phát triển sản phẩm... nhằm tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc quản lý và ra quyết định cho các hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Ngân hàng có hai công ty con do ngân hàng sở hữu 100% vốn bao gồm: Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB FC) hoạt động trong lĩnh vực cho vay tiêu dùng và Công ty TNHH Quản lý tài sản Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB AMC) hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản

Vì một Việt Nam
thịnh vượng 

BÁO CÁO

QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Năm 2020, Đại hội đồng cổ đông VPBank đã cho ý kiến bằng văn bản và thông qua các nghị quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 của VPBank (Nghị quyết số 01,02,03,04/2020 ngày 07/05/2020 và Nghị quyết số 05/2020 ngày 29/05/2020). Theo đó, ĐHĐCĐ VPBank năm 2020 đã thông qua các nội dung cơ bản như sau:

- ▶ Thông qua Báo cáo tài chính, Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị VPBank, Ban kiểm soát, Ban Điều hành VPBank về kết quả 2019 và kế hoạch hoạt động 2020.
- ▶ Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019.
- ▶ Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn dành cho cán bộ nhân viên VPBank năm 2020.
- ▶ Thống nhất Phương án mua lại trái phiếu quốc tế đã phát hành 2019.
- ▶ Thống nhất Phương án mua lại cổ phiếu đã phát hành của VPBank làm cổ phiếu quỹ năm 2020.
- ▶ Thống nhất các nội dung liên quan đến hình thức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, lấy ý kiến bằng văn bản thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử; Bổ sung hình thức gửi thông báo mời họp, tài liệu họp, phiếu lấy ý kiến bằng email, tin nhắn hoặc hình thức điện tử khác...
- ▶ Thống nhất các nội dung liên quan đến tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài.
- ▶ Thống nhất một số chủ trương và việc phân công, giao nhiệm vụ, ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện giữa hai kỳ đại hội liên quan đến thẩm quyền thực hiện vai trò chủ sở hữu tại các công ty con, vai trò quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy điều hành của Ngân hàng và các công việc đầu tư/kinh doanh khác.
- ▶ Thông qua việc xin cấp phép bổ sung một số ngành nghề kinh doanh mới của VPBank.
- ▶ Thông qua bản Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.
- ▶ Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; Quy chế quản trị nội bộ mới.
- ▶ Thống nhất số lượng thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2020-2025 và bầu cử các thành viên,... HĐQT, Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới 2020-2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CƠ CẤU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC CUỘC HỌP

Năm 2020, ĐHĐCĐ VPBank đã bầu lại Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới (2020-2025). Trong đó 04 thành viên là các thành viên đã tham gia quản trị, điều hành ngân hàng trong nhiều năm, được Đại hội đồng cổ đông bầu lại và tiếp tục giữ các chức vụ như nhiệm kỳ trước tại VPBank; 01 thành viên HĐQT độc lập được bầu mới là cán bộ cao cấp, có uy tín trong các cơ quan của quốc hội, chính phủ; có nhiều kinh nghiệm trong việc

xây dựng pháp luật, chính sách liên quan đến kinh tế. Các thành viên đều nắm rõ các trọng trách và nhiệm vụ của mình.

HĐQT VPBank cũng đã tổ chức 4 phiên họp định kỳ hàng quý (T1/2020 và T4/2020, Tháng 8/2020; Tháng 12/2020). Trong đó 02 phiên họp là thuộc HĐQT nhiệm kỳ cũ và 02 phiên họp sau khi HĐQT mới được bầu.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ngô Chí Dũng	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm lại từ 29/05/2020		4	100%
2	Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm lại từ 29/05/2020		4	100%
3	Lô Bằng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm lại từ 29/05/2020		4	100%
4	Nguyễn Đức Vinh	Thành viên – Kiểm Tổng giám đốc	Bổ nhiệm lại từ 29/05/2020		4	100%
5	Nguyễn Văn Hào	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm mới ngày 20/04/2015	29/05/2020	2	100%
6	Nguyễn Văn Phúc	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm mới từ 29/05/2020		2	100%

CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

HDQT nhiệm kỳ cũ (2015–2020) thực hiện các nhiệm vụ đến 29/05/2020 và HDQT nhiệm kỳ mới (2020–2025) thực hiện nhiệm vụ từ 30/5/2020. Các hoạt động chính của HDQT bao gồm việc tổ chức các cuộc họp định kỳ và thực hiện biểu quyết thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; thực hiện vai trò quản trị, giám sát hoạt động của Ban điều hành....

Năm 2020, giai đoạn 6 tháng đầu năm sự bùng phát của đại dịch Covid-19 đã có ảnh hưởng lớn tới tình hình kinh tế – xã hội của Việt Nam cũng như quốc tế và đối với chính hệ thống Ngân hàng. Hội đồng quản trị được sự tư vấn tham mưu của các Ủy ban chuyên môn liên quan, đã đưa ra các định hướng quản trị cho Ngân hàng, phù hợp với định hướng của Chính phủ/ Ngân hàng nhà nước và thực trạng khách hàng, nhằm mục tiêu quản trị tốt nhất hoạt động của Ngân hàng trong bối cảnh môi trường kinh doanh bất ổn; đồng thời có thể đóng góp tốt nhất cho xã hội trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp/cá nhân bị ảnh hưởng. Giai đoạn 06 tháng cuối năm, tình hình kinh tế xã hội đã ổn định hơn, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng cũng tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ, vì vậy Hội đồng quản trị cũng đã điều chỉnh các định hướng trọng tâm theo hướng cởi mở hơn song song với việc tiếp tục kiểm soát chặt quản trị rủi ro tín dụng. Các chính sách hạ lãi suất cho vay, hỗ trợ các cá nhân doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh do bị ảnh hưởng của dịch bệnh.

**Theo đó, năm 2020,
Hội đồng quản trị đã
thông qua các chủ
trương, định hướng cơ
bản như sau**

Giai đoạn 6 tháng đầu năm

- ▶ Thông qua kế hoạch kinh doanh quý và cả năm 2020 theo các kịch bản liên quan đến dịch bệnh.
- ▶ Thống nhất các chủ trương liên quan đến định hướng quản trị,

điều hành của Ngân hàng theo Thông tư 52/2019/TT-NHNN.

- ▶ Thống nhất danh mục các dự án trọng điểm, có ý nghĩa quan trọng trong việc củng cố nền tảng và phát triển kinh doanh.
- ▶ Thống nhất các chủ trương, định hướng quản trị rủi ro, điều hành hoạt động kinh doanh, cũng như các điều chỉnh chính sách rủi ro cho phù hợp với định hướng/chỉ đạo của chính phủ và tình hình thực tế của nền kinh tế và bối cảnh xã hội giai đoạn 6 tháng đầu năm 2020. Theo đó, định hướng chủ yếu của giai đoạn này là việc đưa ra các chính sách siết chặt các lĩnh vực có rủi ro cao hơn, hạn chế tăng trưởng tín dụng mới cho các phân khúc tín chấp hoặc các khách hàng thuộc ngành nghề có khả năng bị tác động lớn; thực hiện rà soát đánh giá lại khách hàng theo danh mục để ban hành các chính sách hỗ trợ kịp thời; Rà soát và cắt giảm các hạng mục chi phí hoạt động chung của Ngân hàng...
- ▶ Thống nhất các đề xuất về mua/bán tài sản, các đề xuất phê duyệt tín dụng, đầu tư, cấp ngân sách hoạt động cho các dự án/đơn vị...vượt hạn mức của các Hội đồng, ủy ban chuyên môn của Ngân hàng.
- ▶ Sửa đổi/ban hành mới các quy định/chính sách về hoạt động kinh doanh, quản lý rủi ro như: Quy định mua bán trái phiếu doanh nghiệp, Quy định xếp hạng tín nhiệm cho nhóm khách hàng doanh nghiệp và định chế tài chính, Quy định về đánh giá chất lượng tài sản và tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu; Chính sách khung đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn, Chính sách quản trị vốn tự có...
- ▶ Thông qua các quyết định về thay đổi cơ cấu tổ chức của các khối.
- ▶ Thực hiện việc phân phối lợi nhuận 2019; Thực hiện việc sửa đổi và Ban hành/đăng ký Điều lệ mới; Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Quy chế quản trị nội bộ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Giai đoạn 6 tháng cuối năm

- ▶ Đánh giá, rà soát lại toàn bộ kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm của từng đơn vị kinh doanh, từ đó thống nhất các định hướng hoạt động của 6 tháng cuối năm.
- ▶ Hội đồng quản trị cũng đã thống nhất điều chỉnh một số chiến lược số hóa trong công nghệ thông tin, chiến lược thu hồi nợ giai đoạn 2020–2022; Rà soát lại cơ cấu tổ chức của các khối và điều chỉnh theo hướng chú trọng chất lượng/hiệu quả, tinh gọn bộ máy và chuyên môn hóa sâu.
- ▶ Hội đồng quản trị cũng đã thống nhất chính sách vốn cho năm 2021, điều chỉnh chính sách áp dụng cho khách hàng doanh nghiệp; Ban hành danh sách các hoạt động trọng yếu và rủi ro trọng yếu của Ngân hàng.
- ▶ Đánh giá và định hướng sớm hoạt động của Ngân hàng trong năm 2021 dựa trên các kịch bản tương ứng với các điều kiện kinh tế xã hội, từ đó Ban điều hành sẽ đưa ra các kế hoạch cụ thể về kinh doanh, nhân sự và các điều chỉnh về cơ cấu tổ chức, nhân sự cho phù hợp. Thống nhất kế hoạch kinh doanh và ngân sách của năm 2021.
- ▶ Thống nhất và tổ chức thực hiện việc phát hành cổ phiếu ưu đãi dành cho cán bộ nhân viên năm 2021.
- ▶ Ban hành khung lương của VPBank, các chính sách đãi ngộ giữ giữ nhân tài; điều chỉnh cơ cấu tổ chức hoạt động của các khối.... theo ý kiến của Ủy ban Nhân sự.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

- ▶ Giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua việc tham gia các cuộc họp định kỳ hàng tháng của Ban điều hành và thông qua các báo cáo cập nhật tình hình hoạt động kinh doanh của Ngân hàng so với các định hướng chiến lược đã được phê duyệt. Giám sát thông qua việc xem xét và xử lý các thông tin từ các báo cáo của Ban Kiểm soát và Kiểm toán Nội bộ đối với các đơn vị của Ngân hàng.
- ▶ Hội đồng Quản trị cũng giám sát Tổng Giám đốc và Ban điều hành thông qua việc tham gia các cuộc họp hoặc xem xét các báo cáo hoạt động hoặc các nghị quyết của các hội đồng, ủy ban chuyên môn của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đối với từng mảng hoạt động chuyên môn (Ủy ban quản lý rủi ro, Nhân sự; các Hội đồng quản lý vốn, rủi ro hoạt động, rủi ro thanh khoản, rủi ro tín dụng, khen thưởng kỷ luật...).

VAI TRÒ CỦA HĐQT ĐỐI VỚI ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC NGÂN HÀNG

HĐQT VPBank đã thông qua định hướng chiến lược của Ngân hàng giai đoạn 2018-2022 với mục tiêu đưa Ngân hàng trở thành Ngân hàng thân thiện nhất với người tiêu dùng nhờ ứng dụng công nghệ và lọt vào TOP 3 Ngân hàng giá trị nhất Việt Nam vào năm 2022. Theo đó là 27 sáng kiến thống nhất với 06 chủ đề trọng tâm được lên kế hoạch triển khai cho các năm.

Hàng năm Hội đồng quản trị đều tổ chức Hội thảo cùng Ban điều hành để rà soát về việc triển khai các kế hoạch hành động của Ban điều hành; cập nhật xu thế mới và các cơ hội phát triển của Ngân hàng và điều chỉnh các sáng kiến cho phù hợp với xu hướng và định hướng điều chỉnh.

CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ỦY BAN NHÂN SỰ

1	Ông NGÔ CHÍ DŨNG	Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch UBNS
2	Ông BÙI HẢI QUÂN	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên UBNS
3	Ông LÔ BẰNG GIANG	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên UBNS

Ủy ban Nhân sự họp định kỳ hàng tháng và thực hiện cho ý kiến bằng văn bản, để thường xuyên rà soát, xem xét và xử lý kịp thời đối với các vấn đề liên quan đến cơ cấu tổ chức, nhân sự, chế độ đãi ngộ. Các hoạt động chính của Ủy ban nhân sự trong năm 2020 như sau

Năm 2020, Ủy ban nhân sự tiếp tục triển khai các hoạt động chuyên môn cụ thể liên quan đến lĩnh vực nhân sự, tư vấn cho Hội đồng quản trị ra các quyết định có liên quan:

- Xem xét và có các chỉ đạo kịp thời hàng tháng về các chỉ số nhân sự và hoạt động hàng tháng của Khối QTNNL và các công ty thành viên.
- Xử lý/tư vấn cho HĐQT quyết định liên quan đến việc tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều chỉnh lương chế độ khen thưởng và xử lý vi phạm cho các vị trí quản lý.

- Tiếp tục rà soát và triển khai phương án tối ưu hóa nguồn lực 2020 ở các khối và tư vấn cho HĐQT về phương án tái cơ cấu mô hình tổ chức & hoạt động của các khối.
- Tư vấn cho HĐQT về việc tập trung các hoạt động lõi tại Ngân hàng, dùng dịch vụ thuê ngoài cho các hoạt động không cốt lõi.
- Đề xuất HĐQT rà soát và điều chỉnh Quy chế Phán quyết các vấn đề nhân sự và Quy chế lương thưởng cũng như các quy định khác về nội quy lao động để phù hợp hơn với tình hình thực tế.
- Tư vấn cho HĐQT việc ban hành mô hình kiểm soát tuân thủ áp dụng tại VPBank.

ỦY BAN QUẢN LÝ RỦI RO (UBQLRR)

Thành phần của UBQLRR bao gồm

1	Ông BUI HẢI QUÂN	Phó Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch Ủy ban
2	Ông NGÔ CHÍ DŨNG	Chủ tịch HĐQT	Thành viên
3	Ông LÔ BẰNG GIANG	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên
4	Ông NGUYỄN VĂN PHÚC	Thành viên độc lập HĐQT	Thành viên
5	Ông NGUYỄN ĐỨC VINH	Tổng giám đốc	Thành viên
6	Bà LƯU THỊ THẢO	Phó Tổng giám đốc cao cấp	Thành viên
7	Ông DMYTRO KOLECHKO	Giám đốc Khối Quản trị rủi ro	Thành viên

Năm 2020 chúng kiến sự bùng phát của đại dịch Covid-19 với ảnh hưởng lớn tới tình hình kinh tế - xã hội nói chung cũng như thị trường tài chính ngân hàng nói riêng của Việt Nam. Đứng trước thách thức này, Ủy ban Quản lý rủi ro (UBQLRR) đã hoạt động linh hoạt và hiệu quả với vai trò là cơ quan tham mưu trực tiếp cho HĐQT về tất cả các vấn đề liên quan đến quản trị rủi ro, nhằm tăng cường công tác quản trị rủi ro ứng phó kịp thời trước những tác động phức tạp của dịch bệnh, đảm bảo duy trì chiến lược kinh doanh liên tục cho Ngân hàng.

UBQLRR đã tổ chức các cuộc họp trực tiếp (2 phiên họp vào Tháng 2/2020 và Tháng 7/2020) và thực hiện việc giám sát công tác quản trị rủi ro thông qua các báo cáo định kỳ hàng tháng từ các đơn vị liên quan, đảm bảo các biện pháp cần thiết được thực hiện ngay lập tức để tăng cường quản trị rủi ro trong thời kỳ dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp. Các hoạt động chính của Ủy ban:

- Căn cứ theo **Tuyên bố Khẩu vị rủi ro 2020** đã được xây dựng và ban hành cuối năm 2019, các chỉ số rủi ro luôn được UBQLRR theo dõi và quản lý sát sao với tần suất hàng tháng nhằm đảm bảo nắm bắt kịp thời hồ sơ rủi ro của Ngân hàng, từ đó có các biện pháp hành động nếu cần thiết. Trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19 cũng như các tác động lớn đến nền kinh tế, VPBank đã đặt vấn

đề quản trị rủi ro lên ưu tiên hàng đầu. Từ đó, vượt qua những thách thức trong năm 2020, VPBank đã thành công trong việc duy trì hồ sơ rủi ro của Ngân hàng riêng lẻ luôn nằm trong ngưỡng an toàn, tuân thủ với Tuyên bố Khẩu vị rủi ro 2020.

- Khẩu vị rủi ro 2021-2023 đã được UBQLRR chỉ đạo xây dựng và ban hành, đặt mục tiêu nâng cao chất lượng quản trị rủi ro tại VPBank trong dài hạn. Với việc lần đầu tiên VPBank đưa ra lộ trình 3 năm cho việc cải thiện các chỉ tiêu trọng yếu cho hồ sơ rủi ro của Ngân hàng, định hướng và kế hoạch quản trị rủi ro đã được Ban lãnh đạo truyền đạt cụ thể và rõ ràng cho các cấp tiếp nhận chỉ đạo và thực hiện sát sao.
- Các bài kiểm tra sức chịu đựng về vốn (ICAAP) và thanh khoản (ILAAP) của Ngân hàng đã được thực hiện với tần suất 2 lần 1 năm nhằm cập nhật sát sao những biến động trên nền kinh tế vĩ mô do tác động từ dịch bệnh COVID-19. Trong các bài kiểm tra sức chịu đựng này, đội ngũ triển khai đã xây dựng các kịch bản phản ánh sát nhất tình hình kinh tế bất ổn trong sáu tháng đầu năm cũng như đưa ra dự báo về nền kinh tế trong giai đoạn 3 năm tiếp theo, từ đó đánh giá tác động tới an toàn vốn và thanh khoản của ngân hàng trong ngắn hạn (1 năm) và dài hạn (3 năm), đảm bảo VPBank tuân thủ quy định của NHNN theo Thông tư 13/2018/TT-

NHNN và xa hơn là làm đầu vào quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch vốn cũng như kế hoạch dự phòng thanh khoản cho VPBank.

- Với định hướng phát triển của VPBank là hướng tới áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về trích lập dự phòng, UBQLRR cũng đóng vai trò tham mưu và giám sát các đề xuất về mô hình xếp hạng tín dụng nội bộ với mục đích nâng cao tính dự báo và ổn định, giảm tỷ lệ gian lận và kiểm soát rủi ro tốt hơn.
- Trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, UBQLRR là cánh tay hỗ trợ đắc lực cho HĐQT trong việc tham mưu và giám sát việc xây dựng, triển khai thành công Chiến lược quản trị kinh doanh liên tục cho toàn hàng nhằm phòng trừ và khắc phục những khó khăn gây ra bởi dịch bệnh Covid-19.
- Dưới sự tham mưu của UBQLRR, chính sách An ninh thông tin đã được ban hành, tạo ra cơ sở pháp lý để VPBank xây dựng các biện pháp đảm bảo an toàn bảo mật hệ thống thông tin của Ngân hàng cũng như phù hợp theo tiêu chuẩn ISO27001.

BAN KIỂM SOÁT

THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (BKS).

Năm 2020 là năm bầu lại nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát, theo đó, thành phần của BKS được bầu từ ngày 29/05/2020 bao gồm:

- ▶ **Bà NGUYỄN THỊ MAI TRINH:** Trưởng Ban – chuyên trách
- ▶ **Bà TRỊNH THỊ THANH HẰNG:** Thành viên – chuyên trách
- ▶ **Bà KIM LY HUYỀN:** Thành viên – không chuyên trách
- ▶ **Ông VŨ HỒNG CAO:** Thành viên – không chuyên trách

HOẠT ĐỘNG CỦA BKS

Trong năm 2020, BKS đã tổ chức 09 cuộc họp định kỳ và đột xuất để triển khai các công việc theo chức năng, nhiệm vụ của BKS. Tại các cuộc họp, BKS cũng đã đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ và có các điều chỉnh kịp thời đối với hoạt động của BKS. Thông qua các cuộc họp định kỳ và đột xuất với KTNB, BKS có các định hướng và chỉ đạo KTNB các công tác liên quan đến chức năng nhiệm vụ của BKS, của Khối KTNB ... Cụ thể:

- Thông qua kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019.
- Thông qua Báo cáo hoạt động BKS năm 2019 và dự thảo quy chế Tổ chức hoạt động của BKS để trình ĐHCĐ.
- Hợp bầu các chức danh BKS nhiệm kỳ 2020-2025 sau khi các nhân sự trúng cử do ĐHCĐ bầu cử, đồng thời thực hiện việc phân công nhiệm vụ của các thành viên BKS.
- Hợp định kỳ hàng quý để đánh giá tổng kết kết quả hoạt động của BKS, Khối kiểm toán nội bộ trong quý và triển khai các nhiệm vụ của quý tiếp theo.
- Thông qua kết quả thẩm định BCTC 6 tháng 2020; Thông qua kế hoạch kiểm toán năm 2021.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

Hoạt động giám sát của BKS đã chú trọng chủ yếu vào: (i) Công tác quản trị điều hành của VPBank, hoạt động quản trị rủi ro đối với các rủi ro và hoạt động trọng yếu; (ii) Việc thực hiện của HĐQT, BDH đối với các định hướng, mục tiêu và chỉ tiêu kinh doanh năm 2020 của VPBank đã được ĐHCĐ thông qua.

Trong năm 2020, dựa trên các nội dung chiến lược, kế hoạch kinh doanh, tình hình tài chính, quản trị rủi ro... của Ngân hàng, BKS đã (i) định hướng hoạt động của Khối KTNB để kịp thời hạn chế các rủi ro, tăng cường tính hiệu quả đối với hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng; (ii) bố trí Khối KTNB tổ chức và tham dự các cuộc họp định kỳ với các đơn vị trong Ngân hàng để nắm bắt thông tin kịp thời. Đối với Ban Điều hành, BKS cũng tổ chức họp định kỳ hàng tháng để cùng trao đổi về các phát hiện, các kiến nghị giải pháp khắc phục mang tính hệ thống, góp phần cải thiện quy trình, nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.

Thông qua kết quả giám sát ở các cấp độ, BKS đã chỉ ra những tồn tại trong quá trình hoạt động của Ngân hàng, kịp thời đưa ra những kiến nghị với HĐQT, BDH các biện pháp tăng cường kiểm soát, sửa đổi/ hoàn thiện quy định nội bộ... nhằm hạn chế và giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động.



SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS/ỦY BAN KIỂM TOÁN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BGĐ ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

HĐQT, BDH, BKS đã có cơ chế phối hợp phù hợp trong các hoạt động giám sát, kiểm tra, kiểm soát đảm bảo BKS triển khai và hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ, và quy chế tổ chức hoạt động của BKS. Các ý kiến, kiến nghị của BKS, KTNB tại các cuộc họp đã được ghi nhận và cơ bản được HĐQT, BDH tiếp thu, bổ sung, chỉnh sửa phù hợp.

HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BKS

Quản lý cấp cao đối với Kiểm toán nội bộ

BKS có các định hướng và chỉ đạo KTNB triển khai kế hoạch kiểm toán hàng năm. Kế hoạch kiểm toán năm 2020 được xây dựng dựa trên nguyên tắc đánh giá rủi ro xem xét nhiều khía cạnh để đảm bảo bao quát được các rủi ro chính trong các hoạt động, bộ phận và quy trình trọng yếu của Ngân hàng. Năm 2020, có tổng số 45 cuộc kiểm toán được phê duyệt thực hiện. Kết quả của các cuộc kiểm toán đã góp phần hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng.

Công tác theo dõi khắc phục các kiến nghị của KTNB luôn được BKS thúc đẩy và có sự phối hợp từ Ban điều hành nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng của công tác theo dõi khắc phục các kiến nghị của Kiểm toán với mục tiêu không ngừng hoàn thiện và nâng cao Hệ thống Kiểm soát nội bộ góp phần hạn chế các rủi ro cho Ngân hàng. Bên cạnh đó, BKS cũng luôn quan tâm và đôn đốc công tác theo dõi khắc phục các kiến nghị của Thanh tra NHNN và các bên hữu quan – nếu có liên quan đến hoạt động của BKS và KTNB.

Trong năm 2020, BKS đã chỉ đạo KTNB tổ chức rà soát để sửa đổi và ban hành mới một số văn bản đáp ứng các yêu cầu thay đổi của Pháp luật như: Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS; Cập nhật Hướng dẫn một số nguyên tắc chính trong Lập kế hoạch kiểm toán năm... Ngoài ra, BKS cũng đã chỉ đạo và giám sát KTNB trong việc cập nhật các thay đổi pháp luật, chiến lược của Ngân hàng để kịp thời cập nhật các rủi ro, điều chỉnh kế hoạch kiểm toán...

Công tác thẩm định báo cáo tài chính

Theo quy định của Luật các TCTD, BKS đã tổ chức triển khai việc thẩm định báo cáo tài chính giữa niên độ và báo cáo tài chính năm của VPBank nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu báo cáo tài chính trình ĐHĐCĐ thường niên theo đúng quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VPBank.

Công tác báo cáo NHNN

Đối với công tác báo cáo NHNN, Ngân hàng luôn tuân thủ và kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà Nước các nội dung theo yêu cầu định kỳ và đột xuất.

Công tác Đào tạo, tuyển dụng, quản trị nhân sự

Không ngừng nâng cao chất lượng nhân sự cũng như giữ chân các nhân sự quan trọng của KTNB thông qua việc phát triển, đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng mềm và thuê ngoài đào tạo chuyên sâu về các kiến thức mới như ICAAP; cập nhật kiến thức chuyên môn về kiểm toán, quản trị rủi ro, các khóa kỹ năng mềm nâng cao

THÙ LAO CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

Nguyên tắc xác định thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS đã được HĐQT xem xét và cùng thông qua đối với từng thành viên, chi trả theo tháng: bao gồm thù lao cố định đối với từng chức danh và thù lao nhiệm vụ khi các thành viên tham gia vào các Hội đồng, Ủy ban trực thuộc HĐQT và mức thù lao/lương thưởng của các thành viên BKS. Các thành viên HĐQT không nhận mức thưởng thành tích hay các mức thưởng, thu nhập khác. Năm 2020, tổng chi phí thực của Ngân hàng cho việc chi thù lao, lương, thưởng và hoạt động của các thành viên HĐQT, BKS là vào khoảng 21 tỷ đồng (thấp hơn hạn mức ĐHĐCĐ phê duyệt và tương đương với mức chi phí của năm 2019). Trong đó, chi phí thù lao, lương là gần 15 tỷ đồng; các chi phí khác phục vụ cho hoạt động của HĐQT, BKS như các chi đi công tác, chi phí tiếp khách, hội thảo hội nghị, đào tạo, cấp phương tiện đi lại, bảo hiểm y tế, chế độ khám sức khỏe định kỳ... được thực hiện theo quy nội bộ của VPBank về chi phí trong từng thời kỳ, tương đương gần 6 tỷ đồng. Các khoản chi này được trình bày tại một mục riêng trong báo cáo tài chính kiểm toán năm của Ngân hàng.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA VPBANK 2020

88

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VPBANK 2020

2020 là một năm đầy khó khăn thử thách với thiên tai và dịch bệnh, đại dịch Covid-19 bùng phát trên toàn cầu đã ảnh hưởng lớn đến mọi mặt của đời sống kinh tế xã hội. Trong bối cảnh chung nhiều thách thức, toàn hệ thống VPBank đã nỗ lực vượt bậc, đoàn kết đồng lòng cùng vượt qua khó khăn để đảm bảo hoạt động liên tục của ngân hàng, hoàn thành xuất sắc các mục tiêu đề ra tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) đầu năm. Hội đồng Quản trị (HĐQT) đánh giá cao sự chủ động, linh hoạt của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên trong việc xây dựng các kịch bản ứng phó để hoạt động của ngân hàng diễn ra an toàn, hiệu quả, cùng với việc tiên phong chung tay với Chính phủ và NHNN hỗ trợ khách hàng và cộng đồng, góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển sau dịch bệnh.

Cụ thể, kết quả thực hiện một số chỉ tiêu ĐHCĐ giao năm 2020 như sau:

- Dư nợ cấp tín dụng tăng trưởng 19%, hoàn thành 106% kế hoạch đề ra.
- Chất lượng tài sản VPBank được quản lý ở mức dưới 3% cho cả quy mô ngân hàng hợp nhất và riêng lẻ, trong đó tỷ lệ nợ xấu của ngân hàng riêng lẻ xuống dưới 2%.
- Huy động khách hàng đạt 99% kế hoạch, tăng trưởng 9,1% so với năm 2019. Linh hoạt trong việc điều tiết bảng cân đối cùng với việc chủ động đa dạng hóa nguồn vốn đã giúp VPBank bước đầu đạt được mục tiêu giảm chi phí vốn và cải thiện tỷ lệ CASA.
- Nhờ việc kiểm soát tối đa chi phí kết hợp với áp dụng số hóa, tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) hợp nhất giảm xuống còn 29,2% thấp nhất trên thị trường.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 13 nghìn tỷ, hoàn thành 127,5% kế hoạch đề ra, góp phần duy trì các tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu và tài sản nằm trong nhóm hiệu quả hàng đầu thị trường, đạt lần lượt đạt 22% và 2,6%. Đây là kết quả có được nhờ nỗ lực không ngừng nghỉ của Ban lãnh đạo và tất cả các khối kinh doanh, khối hỗ trợ trong một năm vừa qua.

Không chỉ đạt được những kết quả đáng tự hào về kinh doanh, thời gian qua, Ngân hàng và CBNV cũng đã thể hiện trách nhiệm xã hội, cộng đồng với nhiều chương trình đồng hành cùng Chính phủ, chính quyền các địa phương bị ảnh hưởng bởi thiên tai và dịch bệnh. Hàng loạt các hành động, chính sách hỗ trợ khách hàng được triển khai kịp thời. Các hoạt động an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng được đẩy mạnh, góp phần chia sẻ khó khăn và lan tỏa tinh thần lạc quan trong cộng đồng.

Với những thành quả đạt được trong 10 năm chuyển đổi vừa qua, đặc biệt là kết quả đạt được trong năm 2020, HĐQT luôn tự hào VPBank là một trong những ngân hàng cổ phần hàng đầu Việt Nam và tin tưởng vào năng lực lãnh đạo, quản lý, khả năng ứng phó, vượt qua thách thức trong các hoàn cảnh khó khăn nhằm hiện thực hóa những mục tiêu thách thức của HĐQT và ĐHCĐ đề ra.

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020 (tỷ đồng)	Kế hoạch năm 2020 (tỷ đồng)	% Hoàn thành so với kế hoạch 2020	% Tăng trưởng với 2019
1	Tổng tài sản	419.027	425.132	99%	11,1%
2	Huy động khách hàng và Phát hành giấy tờ có giá	296.273	299.728	99%	9,1%
3	Dư nợ cấp tín dụng	322.881	304.744	106%	19,0%
4	Tỷ lệ nợ xấu ngân hàng riêng lẻ	1,98%	<3%	Hoàn thành	
5	Lợi nhuận trước thuế	13.019	10.214	127,5%	26,1%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất và riêng lẻ 2020

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP VÀ HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Hoạt động Quản trị công ty luôn là một lĩnh vực mà VPBank chú trọng và liên tục tăng cường, củng cố nhằm nâng cao hơn nữa vai trò, hiệu quả của hoạt động quản trị tại Ngân hàng. Năm 2020 là năm thứ 2 VPBank tiếp tục đồng hành cùng Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam (VIOD) với tư cách là thành viên Doanh nghiệp hạng Bạch Kim. Theo đó, các thành viên Hội đồng quản trị VPBank và các cá nhân, đơn vị có liên quan trực tiếp đến các hoạt động quản trị của Ngân hàng như Thư ký công ty; Bộ phận quan hệ nhà đầu tư, Thành viên Ban kiểm soát/kiểm toán nội bộ của NH liên tục được cập nhật các thông tin mới về các chuẩn mực, quy định và các phân tích thông lệ tốt về quản trị công ty do VIOD cung cấp thông qua việc tham gia các chương trình, sự kiện, các khóa đào tạo, diễn đàn thường niên do đơn vị tổ chức.

Năm 2020, 01 thành viên trực thuộc Ban Tổng giám đốc và 01 Người phụ trách quản trị công ty đã tham gia đào tạo và nhận chứng chỉ chương trình đạo tạo Quản trị tiên tiến (GEP) do VIOD cấp.

Đóng vai trò cầu nối gắn kết giữa ngân hàng với cổ đông và cộng đồng nhà đầu tư, hoạt động quan hệ Nhà đầu tư (IR) là một hoạt động trọng điểm trong công tác quản trị được VPBank chú trọng và đẩy mạnh trong những năm qua.

Năm 2020, VPBank tiếp tục nghiêm túc thực hiện đúng các quy định về công bố thông tin (CBTT) của các cơ quan chức năng, đảm bảo thông tin minh bạch, kịp thời và hiệu quả cho nhà đầu tư. Không chỉ dừng lại ở việc tuân thủ quy định của pháp luật, VPBank còn tích cực tham gia vào các hoạt động đánh giá của HOSE như chấm điểm phát triển bền vững, báo cáo thường niên,... nhằm hướng đến việc đáp ứng các chuẩn mực quốc tế về quản trị doanh nghiệp. Năm 2020, VPBank vinh dự được nằm trong top 20 doanh nghiệp có chỉ số phát triển bền vững (VNSI) cao nhất thị trường.

Các hoạt động tiếp xúc Nhà đầu tư cũng được chú trọng thông qua nhiều hình thức đa dạng như hội thảo định kỳ, tiếp xúc trao đổi với Nhà đầu tư trong các cuộc gặp

mặt trực tiếp hoặc điện đàm và tham gia các hội nghị đầu tư trong và ngoài nước. Đặc biệt trong bối cảnh ảnh hưởng của dịch bệnh với nhiều hạn chế về gặp gỡ trực tiếp, VPBank đã linh hoạt chuyển đổi sang các hình thức trực tuyến, đảm bảo sự tham gia đầy đủ của các nhà đầu tư và duy trì hoạt động tiếp xúc nhà đầu tư được liên tục và xuyên suốt. Các sự kiện được tổ chức chuyên nghiệp, có sự tham gia của Ban lãnh đạo của Ngân hàng nên thường xuyên thu hút nhiều công ty chứng khoán hàng đầu và các nhà đầu tư uy tín tham gia. Qua các cuộc tiếp xúc, cộng đồng nhà đầu tư được cập nhật thêm nhiều thông tin về chiến lược phát triển cũng như kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng, đồng thời đây là cơ hội để VPBank lắng nghe các chia sẻ từ thị trường góp phần giữ vững mối quan hệ với nhà đầu tư và nâng cao chất lượng của hoạt động quan hệ nhà đầu tư.

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

MINH BẠCH CHỦ ĐỘNG TRONG CÔNG BỐ THÔNG TIN

- ▶ Đảm bảo tuân thủ theo quy định về CBTT của UBCK và Sở GDCK.
- ▶ Thông tin được cung cấp bình đẳng giữa Cổ đông và các Nhà đầu tư.
- ▶ Đa dạng hóa kênh cung cấp thông tin Nhà đầu tư: có trang riêng dành cho Nhà đầu tư, thường xuyên đăng tải tài liệu, cập nhật thông tin tới Nhà đầu tư (IR News).
- ▶ Chủ động tiếp cận các thông lệ quốc tế về quản trị doanh nghiệp.

CHUYÊN NGHIỆP TRONG HOẠT ĐỘNG TIẾP XÚC NHÀ ĐẦU TƯ

- ▶ **4** hội thảo định kỳ trao đổi giữa BLĐ và các Nhà đầu tư trong và ngoài nước
- ▶ Tiếp xúc với hàng trăm Nhà đầu tư cá nhân, tổ chức đến từ nhiều quốc gia như Hong Kong, Singapore, Mỹ, Anh, Hàn Quốc, Thái Lan, Dubai... thông qua các cuộc gặp gỡ/ điện đàm
- ▶ Tích cực tham gia các sự kiện, hội nghị đầu tư trong và ngoài nước



ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Bước sang năm 2021, VPBank sẽ tiếp tục đặt trọng tâm vào phát triển chất lượng và bền vững để đạt được các chỉ tiêu về tăng trưởng hiệu quả.

Theo đó, HĐQT VPBank đã đặt ra các định hướng hoạt động năm 2021 cho Ban điều hành với các mục tiêu cơ bản là

- Tiếp tục mục tiêu tăng trưởng chất lượng, song song với việc tăng trưởng quy mô và hiệu quả. Tối ưu hóa hạn mức tín dụng, đặc biệt tập trung đẩy mạnh các phân khúc chiến lược.
- Nâng cao chất lượng tài sản và kiểm soát rủi ro. Quản trị chặt chẽ các rủi ro tiềm ẩn, sẵn sàng các kịch bản nếu dịch bệnh có diễn biến phức tạp hơn trong năm 2021.
- Đa dạng hóa nguồn vốn và tối ưu bảng cân đối tiếp tục là 2 trọng tâm cần được đẩy mạnh trong năm 2021 để giúp VPBank nâng cao tính cạnh tranh trong hoạt động kinh doanh.
- Đẩy mạnh các chương trình số hóa, song song với việc siết chặt các biện pháp đảm bảo an toàn trong giao dịch trên các nền tảng số, nâng cao độ ổn định của các hệ thống công nghệ nền tảng, xây dựng thương hiệu VPBank như một ngân hàng thân thiện nhất với khách hàng nhờ áp dụng công nghệ.

- Kien toan các bien phap toi uu hoa quy trinh vận hành, tự động hóa các bước công việc, để rút ngắn thời gian xử lý giao dịch và giảm thiểu lỗi vận hành, qua đó tăng năng suất lao động và giảm chi phí xử lý giao dịch.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ VÀ QUẢN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Năm 2021, VPBank sẽ tiếp tục nâng cao hiệu quả hệ thống quản trị công ty, hướng tới hội nhập các thông lệ quản trị trong khu vực và quốc tế, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, đảm bảo cho quá trình phát triển bền vững và lâu dài của ngân hàng.

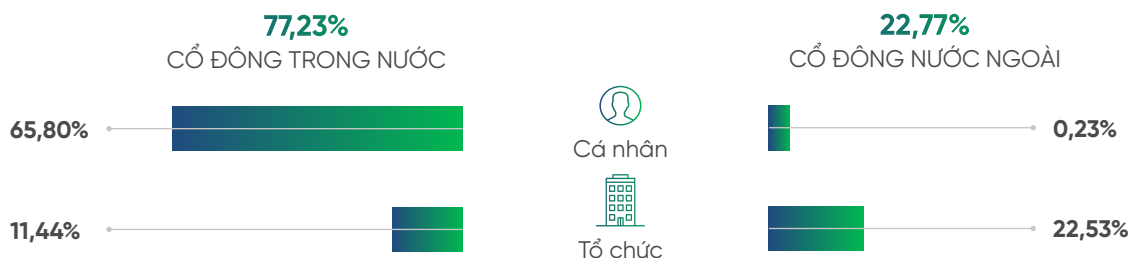
Đối với hoạt động quan hệ nhà đầu tư, với vai trò quan trọng trong việc gắn kết ngân hàng với cổ đông, ngoài các công tác đảm bảo thực hiện công bố thông tin minh bạch đầy đủ theo quy định của pháp luật, VPBank sẽ tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa các kênh thông tin chia sẻ, gặp gỡ các cổ đông và nhà đầu tư, nâng cao tính chuyên nghiệp và tăng mức độ tin nhiệm của VPBank trên thị trường chứng khoán.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ, VỐN CHỦ SỞ HỮU CỔ ĐÔNG, CỔ PHẦN

CƠ CẤU CỔ PHẦN TẠI 31/12/2020



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI 31/12/2020



VPBank không có cổ đông lớn (sở hữu từ 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết). Cổ đông là người nội bộ của Ngân hàng gồm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành của Ngân hàng đang sở hữu tương ứng là 8,69% tổng số cổ phần.

Tại ngày 31/12/2020, tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông nội bộ như sau:

STT	Tên tổ chức/ Cá nhân	Chức vụ công tác tại Công ty (Nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ báo cáo
1	Ngô Chí Dũng	Chủ tịch HĐQT	121.687.982	4,810%
2	Bùi Hải Quân	Phó chủ tịch HĐQT	57.900.348	2,289%
3	Lô Bằng Giang	Phó chủ tịch HĐQT	3.055.337	0,121%
4	Nguyễn Văn Phúc	Thành viên HĐQT độc lập	-	-
5	Nguyễn Đức Vinh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	32.418.442	1,281%
6	Nguyễn Thị Mai Trinh	Trưởng Ban Kiểm soát	2	0,000%
7	Trịnh Thị Thanh Hằng	Thành viên Ban Kiểm soát	53.540	0,002%
8	Kim Ly Huyền	Thành viên Ban Kiểm soát	100.000	0,004%
9	Vũ Hồng Cao	Thành viên Ban Kiểm soát	101.820	0,004%
10	Lưu Thị Thảo	Phó Tổng Giám đốc	2.200.000	0,087%
11	Phan Ngọc Hòa	Phó Tổng Giám đốc	296.900	0,012%
12	Dương Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc	709.200	0,028%
13	Nguyễn Thành Long	Phó Tổng Giám đốc	109.550	0,004%
14	Phạm Phú Khôi	Phó Tổng Giám đốc	136.540	0,005%
15	Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	321.060	0,013%
16	Đinh Văn Nho	Phó Tổng Giám đốc	348.750	0,014%
17	Phùng Duy Khương	Phó Tổng Giám đốc	200.000	0,008%
18	Lê Hoàng Khánh An	Giám đốc Tài chính	106.962	0,004%
19	Nguyễn Thị Thu Hằng	Kế Toán Trưởng	109.680	0,004%

Thay đổi vốn chủ sở hữu:

Vốn chủ sở hữu	Riêng lẻ (triệu đồng)		Hợp nhất (triệu đồng)	
	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2019	31/12/2020
Vốn điều lệ	25.299.680	25.299.680	25.299.680	25.299.680
Thặng dư vốn cổ phần	692.720	365.727	692.720	365.727
Các quỹ dự trữ	3.622.029	4.738.580	7.107.405	11.911.768
Lợi nhuận chưa phân phối	10.267.844	16.596.422	11.805.967	17.415.364
Cổ phiếu Quỹ (*)	(2.696.030)	(2.199.037)	(2.696.030)	(2.199.037)
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	37.186.243	44.801.372	42.209.742	52.793.502

(*) Ngân hàng phát hành 17 triệu cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ nhân viên (ESOP) với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1303/2020/NQ-HĐQT ngày 5 tháng 11 năm 2020 và Công văn số 7548/UBCK-QLCB ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và những người có liên quan:

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Giao dịch	Số lượt	Khối lượng cổ phiếu giao dịch
Mua	12	17.866.301
Bán	8	226.740
Tổng	20	18.093.041

Giao dịch cổ phiếu của người có liên quan của cổ đông nội bộ

Giao dịch	Số lượt	Khối lượng cổ phiếu giao dịch
Mua	7	11.724.168
Bán	6	314.382
Tổng	13	12.038.550

Vì một Việt Nam
thịnh vượng 

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020)

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG SỐ	0042/NH-GP	NGÀY 12 THÁNG 8 NĂM 1993
-------------------------------	-------------------	---------------------------------

Giấy phép Hoạt động được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có giá trị trong 99 năm kể từ ngày cấp.

GIẤY CHỨNG NHẬN		
ĐĂNG KÝ KINH DOANH SỐ	0100233583	NGÀY 8 THÁNG 9 NĂM 1993

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Ngân hàng đã được sửa đổi nhiều lần, và lần sửa đổi gần đây nhất vào ngày 27 tháng 11 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

	Ông Ngô Chí Dũng	Chủ tịch
	Ông Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch
	Ông Lô Bằng Giang	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Văn Phúc	Thành viên độc lập (từ ngày 29 tháng 5 năm 2020)
	Ông Nguyễn Văn Hào	Thành viên độc lập (đến ngày 29 tháng 5 năm 2020)
	Ông Nguyễn Đức Vinh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

	Bà Nguyễn Thị Mai Trinh	Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách (từ ngày 29 tháng 5 năm 2020)
	Ông Ngô Phương Chí	Trưởng Ban Kiểm soát (đến ngày 29 tháng 5 năm 2020)
	Bà Trịnh Thị Thanh Hằng	Thành viên chuyên trách
	Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Thành viên chuyên trách (đến ngày 29 tháng 5 năm 2020)
	Bà Kim Ly Huyền	Thành viên
	Ông Vũ Hồng Cao	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

	Ông Nguyễn Đức Vinh	Tổng Giám đốc
	Bà Lưu Thị Thảo	Phó Tổng Giám đốc cao cấp
	Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phan Ngọc Hòa	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Dương Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thành Long	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Phú Khôi	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đinh Văn Nho	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phùng Duy Khương	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Kosaraju Kiran Babu	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 7 tháng 2 năm 2020)
	Ông Sanjeev Nanavati	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 10 tháng 2 năm 2020)
	Ông Fung Kai Jin	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 13 tháng 8 năm 2020)

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT	
Ông Ngô Chí Dũng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN KÝ BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Ông Nguyễn Đức Vinh	Tổng Giám đốc
(theo Văn bản Ủy quyền số 09/2012/UQ-CT ngày 5 tháng 7 năm 2012)	
TRỤ SỞ ĐĂNG KÝ	
Số 89 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	
CÔNG TY KIỂM TOÁN	
Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VPBANK 2020 96

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng:

- Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổ

Hà Nội,

19 -03- 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng ("Ngân hàng") và các công ty con (gọi chung là "VPB"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 19 - 03 - 2021, được trình bày từ trang 6 đến trang 83.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của VPB liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của VPB. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

VẤN ĐỀ KHÁC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ngân hàng và các công ty con được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 12 tháng 3 năm 2020.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-02-00231-20-4



Đàm Xuân Lâm

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0861-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 19 - 03 - 2021

Trần Đình Vinh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0339-2018-007-1

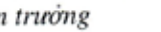
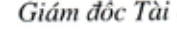
		THUYẾT MINH	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
A	TÀI SẢN			
I	Tiền mặt và vàng	5	3.282.556	2.459.321
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN")	6	5.779.610	3.454.138
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác	7	19.554.808	20.097.553
1	Tiền gửi tại các TCTD khác		13.829.025	15.482.986
2	Cho vay các TCTD khác		5.725.783	4.614.567
IV	Chứng khoán kinh doanh	8	493.214	1.566.592
1	Chứng khoán kinh doanh		493.214	1.571.141
2	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		-	(4.549)
VI	Cho vay khách hàng		286.319.402	253.099.865
1	Cho vay khách hàng	10	290.816.086	257.183.959
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	11	(4.496.684)	(4.084.094)
VII	Hoạt động mua nợ	12	258.280	-
1	Mua nợ		260.232	
2	Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(1.952)	
VIII	Chứng khoán đầu tư		76.485.435	68.729.363
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	13	75.959.904	67.786.907
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	13	854.344	1.094.329
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	14	(328.813)	(151.873)
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn	15	238.581	164.425
4	Đầu tư dài hạn khác		238.602	238.602
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(21)	(74.177)
X	Tài sản cố định		1.862.830	1.922.972
1	Tài sản cố định hữu hình	16	1.212.163	1.342.690
a	Nguyên giá		2.398.141	2.380.108
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.185.978)	(1.037.418)
3	Tài sản cố định vô hình	17	650.667	580.282
a	Nguyên giá		1.351.718	1.102.483
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(701.051)	(522.201)
XII	Tài sản Có khác	18	24.751.811	25.709.897
1	Các khoản phải thu		17.409.351	16.925.460
2	Các khoản lãi, phí phải thu		5.036.836	6.032.377
4	Tài sản Có khác		2.345.902	2.780.703
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(40.278)	(28.643)
TỔNG TÀI SẢN			419.026.527	377.204.126

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

		THUYẾT MINH	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
	NỢ PHẢI TRẢ			
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	19	14.220	19.492
II	Tiền gửi và vay các TCTD, tổ chức tài chính ("TCTC") khác	20	56.511.282	50.867.989
1	Tiền gửi của các TCTD khác		9.371.444	12.144.371
2	Vay các TCTD, TCTC khác		47.139.838	38.723.618
III	Tiền gửi của khách hàng	21	233.427.953	213.949.568
IV	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	9	139.825	45.670
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	22	187.156	291.823
VI	Phát hành giấy tờ có giá	23	62.845.488	57.599.723
VII	Các khoản nợ khác	24	13.107.101	12.220.119
1	Các khoản lãi, phí phải trả		6.452.780	7.911.819
3	Các khoản phải trả và công nợ khác		6.654.321	4.308.300
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		366.233.025	334.994.384
	VỐN CHỦ SỞ HỮU			
VIII	Vốn và các quỹ	27	52.793.502	42.209.742
1	Vốn		23.466.370	23.296.370
a	Vốn điều lệ	28	25.299.680	25.299.680
c	Thặng dư vốn cổ phần		365.727	692.720
d	Cổ phiếu quỹ		(2.199.037)	(2.696.030)
2	Các quỹ của tổ chức tín dụng		11.911.768	7.107.405
5	Lợi nhuận chưa phân phối		17.415.364	11.805.967
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		52.793.502	42.209.742
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		419.026.527	377.204.126

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Tiếp theo)

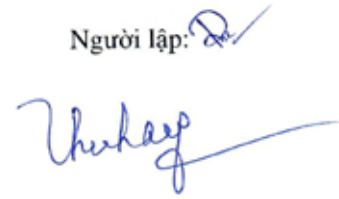
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Người lập:  Người kiểm soát:  Người duyệt: 
 Nguyễn Thị Thu Hằng Lê Hoàng Khánh An Nguyễn Đức Vinh
 Kế toán trưởng Giám đốc Tài chính Tổng Giám đốc
 19-03-2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT CHO NĂM
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B03/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

		THUYẾT MINH	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	29	52.361.767	49.874.784
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	30	(20.015.944)	(19.204.323)
I	Thu nhập lãi thuần		32.345.823	30.670.461
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		6.166.753	5.487.466
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		(2.810.626)	(2.695.846)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	31	3.356.127	2.791.620
III	Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	32	(307.207)	(216.879)
IV	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	33	226.466	284.845
V	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	34	1.170.731	803.159
5	Thu nhập từ hoạt động khác		3.441.951	2.682.220
6	Chi phí hoạt động khác		(1.205.790)	(662.555)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	35	2.236.161	2.019.665
VII	Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	36	5.013	2.634
VIII	Chi phí hoạt động	37	(11.392.021)	(12.343.718)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		27.641.093	24.011.787
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	38	(14.621.638)	(13.687.626)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		13.019.455	10.324.161
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	(2.605.695)	(2.063.898)
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	25	(2.605.695)	(2.063.898)
XIII	Lợi nhuận sau thuế		10.413.760	8.260.263
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	40	4.271	3.376

Người lập: 
Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

19-03-2021

Người kiểm soát: 
Lê Hoàng Khánh An
Giám đốc Tài chính

Người duyệt: 

Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT CHO NĂM
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (phương pháp trực tiếp)

		2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	53.402.880	48.403.838
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(21.506.426)	(16.615.034)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	3.317.656	2.736.292
04	Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và chứng khoán	1.286.723	705.161
05	Thu nhập khác	90.068	141.417
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý, bù đắp bằng nguồn rủi ro	2.128.240	1.864.821
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(10.862.595)	(11.806.924)
08	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	(1.923.141)	(2.265.251)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ hoạt động	25.933.405	23.164.320
	Những thay đổi về tài sản hoạt động		
09	Tăng các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác	(1.111.216)	(3.380.704)
10	Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán	(6.855.085)	(16.390.678)
12	Tăng các khoản cho vay khách hàng	(33.892.359)	(31.652.443)
13	Sử dụng dự phòng để bù đắp tổn thất	(14.206.788)	(14.369.777)
14	Tăng khác về tài sản hoạt động	(351.707)	(7.036.989)
	Những thay đổi về nợ hoạt động		
15	Giảm các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	(5.272)	(3.761.851)
16	Tăng/(giảm) tiền gửi, tiền vay các TCTD, TCTC khác	5.643.293	(3.363.462)
17	Tăng tiền gửi của khách hàng	19.478.385	43.098.697
18	Tăng phát hành giấy tờ có giá	5.245.765	11.556.687
19	Giảm vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro	(104.667)	(37.826)
20	Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	94.155	27.100
21	Tăng/(giảm) khác về nợ hoạt động	1.451.644	(1.020.439)
I	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	1.319.553	(3.167.365)

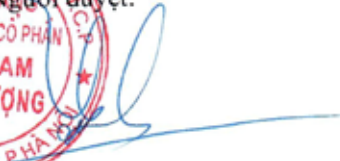
		2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	Mua sắm tài sản cố định	(25.534)	(48.222)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	25.714	14.316
07	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	-	(11.000)
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	5.013	2.634
II	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	5.193	(42.272)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
03	Tiền chi cho thanh toán giấy tờ có giá dài hạn và có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	-	(2.615.000)
05	Tiền chi do mua cổ phiếu quỹ	-	(1.110.590)
06	Tiền thu do bán cổ phiếu quỹ	170.000	310.000
III	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	170.000	(3.415.590)
IV	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	1.494.746	(6.625.227)
V	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	21.396.445	28.021.672
VII	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (THUYẾT MINH 39)	22.891.191	21.396.445

103

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VPBANK 2020

Người lập: 
Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng
19-03-2021

Người kiểm soát: 
Lê Hoàng Khánh An
Giám đốc Tài chính

Người duyệt: 
Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc



1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(A) THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng ("Ngân hàng") là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động số 0042/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") cấp ngày 12 tháng 8 năm 1993 và có thời hạn 99 năm kể từ ngày cấp giấy phép.

Hiện nay, Ngân hàng đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100233583 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 8 tháng 9 năm 1993, được sửa đổi lần gần đây nhất vào ngày 27 tháng 11 năm 2018.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cung cấp tín dụng ngắn, trung và dài hạn dựa trên tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; đầu tư chứng khoán, trái phiếu; cung cấp dịch vụ thanh toán, ví điện tử; đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ; dịch vụ quản lý tài sản; cấp tín dụng dưới hình thức tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép.

(B) VỐN ĐIỀU LỆ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 25.299.680 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 25.299.680 triệu đồng).

(C) ĐỊA ĐIỂM VÀ MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, sáu mươi hai (62) chi nhánh, một trăm sáu mươi bảy (167) phòng giao dịch trên cả nước và hai (2) công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 1 Hội sở chính, 61 chi nhánh, 166 phòng giao dịch và 2 công ty con). Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại Số 89 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

(D) CÔNG TY CON

Tại 31 tháng 12 năm 2020, Ngân hàng có hai (2) công ty con (31 tháng 12 năm 2020: hai (2) công ty con) như sau:

TÊN CÔNG TY	GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG	VỐN ĐIỀU LỆ	TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA NGÂN HÀNG
Công ty TNHH Quản lý tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (" VPB AMC ")	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0105837483 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp, lần thay đổi lần gần nhất là ngày 28 tháng 12 năm 2016	Quản lý nợ và khai thác tài sản	115 tỷ VND	100%
Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (" VPB FC ")	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102180545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp, lần thay đổi gần nhất là ngày 17 tháng 10 năm 2018	Hoạt động dịch vụ tài chính khác	7.328 tỷ VND	100%

(E) TỔNG SỐ NHÂN VIÊN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Ngân hàng và các công ty con (gọi chung là "**VPB**") có **20.991 nhân viên** (31 tháng 12 năm 2019: 27.082 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(A) TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do NHNNVN ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chuẩn mực và quy định pháp lý này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và các chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của VPB theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng.

(B) CƠ SỞ ĐO LƯỜNG

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

(C) KỲ KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của VPB là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(D) ĐƠN VỊ TIỀN TỆ KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ kế toán của VPB là Đồng Việt Nam ("VND"). Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), và được làm tròn đến hàng triệu đồng gần nhất ("triệu VND").

3. THAY ĐỔI CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

VPB đã thay đổi chính sách kế toán đối với việc phân loại nợ, trích lập dự phòng đối với các khoản nợ được cơ cấu giữ nguyên nhóm nợ (Thuyết minh 4(j)).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được VPB áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(A) CƠ SỞ HỢP NHẤT

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của VPB. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ VPB và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được điều chỉnh khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được VPB áp dụng.

(B) NGOẠI TỆ

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán. Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch.

Các giao dịch liên quan đến thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ được quy đổi sang VND trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay tại ngày giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(C) TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, vàng, tiền gửi tại NHNNVN, tiền gửi thanh toán, tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi hoặc cho vay, các khoản đầu tư chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền nhất định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị, và được nắm giữ với mục đích đáp ứng các cam kết thanh toán ngắn hạn hơn là để đầu tư hay cho các mục đích khác.

(D) TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác, trừ tiền gửi thanh toán, là tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có kỳ hạn gốc không quá ba tháng. Cho vay các tổ chức tín dụng khác có kỳ hạn gốc không quá mười hai tháng.

Tiền gửi thanh toán tại tổ chức tín dụng khác được ghi nhận theo số dư nợ gốc.

Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác được phản ánh theo số dư gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 21 tháng 1 năm 2013 quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 02") và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 18 tháng 3 năm 2014 về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02 ("Thông tư 09") có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 6 năm 2014. Theo đó, VPB trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp nêu tại Thuyết minh 4(j).

Theo Thông tư 02, VPB không phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

(E) CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

(i) Phân loại và ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn hoặc có bằng chứng về việc kinh doanh các chứng khoán đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn.

VPB ghi nhận chứng khoán kinh doanh vào ngày VPB trở thành một bên đối tác của hợp đồng cung cấp các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

(ii) Đo lường

Đối với chứng khoán nợ là chứng khoán kinh doanh, VPB ghi nhận theo giá gốc trừ đi chi phí dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh, bao gồm dự phòng giảm giá chứng khoán và dự phòng rủi ro tín dụng trái phiếu chưa niêm yết (nếu có).

Dự phòng giảm giá chứng khoán được xác định dựa trên giá chứng khoán thực tế trên thị trường. Đối với trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính thì VPB không thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này.

Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh sẽ được hoàn nhập khi giá chứng khoán hoặc giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

(iii) Dừng ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc VPB đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

(F) CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

(i) Phân loại và ghi nhận

Chứng khoán đầu tư bao gồm các chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Chứng khoán sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, mà VPB có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

VPB phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, VPB được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

VPB ghi nhận chứng khoán đầu tư vào ngày VPB trở thành một bên đối tác của hợp đồng cung cấp các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

(ii) Đo lường

Chứng khoán vốn

Đối với chứng khoán đầu tư là chứng khoán vốn, VPB ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, phí ngân hàng (nếu có). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá đang ghi nhận trên sổ sách và giá chứng khoán thực tế trên thị trường với số lỗ giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đối với các loại chứng khoán vốn đã niêm yết, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chứng khoán nợ

Đối với chứng khoán nợ là chứng khoán đầu tư, VPB ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí giao dịch và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Sau đó, chứng khoán nợ được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội) trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng giảm giá chứng khoán. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được xác định dựa trên giá chứng khoán thực tế trên thị trường. Đối với trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương chứng khoán nợ do tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính thì VPB không thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết thì VPB tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như được trình bày tại Thuyết minh 4(j).

Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẽ được hoàn nhập khi giá chứng khoán hoặc giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

Thu nhập từ lãi của chứng khoán nợ và chứng khoán vốn sau ngày mua được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi nhận được. Khoản tiền lãi dồn tích trước khi VPB mua chứng khoán nợ sẽ được ghi giảm giá gốc khi nhận được.

(iii) Dừng ghi nhận

Chứng khoán đầu tư được dừng ghi nhận khi các quyền nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc VPB đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

(G) CÁC HỢP ĐỒNG MUA LẠI VÀ BÁN LẠI

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh hợp nhất theo lãi suất hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản cho vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh hợp nhất theo lãi suất hợp đồng.

(H) GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

(i) Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản góp vốn dài hạn vào các công ty khác và VPB không nắm quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại thời điểm đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

(ii) Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, nếu các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư, VPB thực hiện trích lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính riêng của tổ chức kinh tế nhận vốn góp lập cùng thời điểm báo cáo tài chính của VPB. Dự phòng cho từng khoản đầu tư được tính theo công thức sau:

$$\text{Mức trích dự phòng cho mỗi khoản đầu tư} = \text{Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (\%) của VPB tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng} \times \left\{ \begin{array}{l} \text{Vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng} \\ - \text{Vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng} \end{array} \right\}$$

Trong trường hợp tổ chức kinh tế nhận vốn góp không lập báo cáo tài chính cùng thời điểm VPB trích lập dự phòng thì VPB không thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này.

Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư đó tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định trong trường hợp không phải lập dự phòng.

(I) CHO VAY KHÁCH HÀNG

Cho vay khách hàng được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo số dư nợ gốc tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng rủi ro tín dụng cho vay khách hàng được hạch toán và trình bày một dòng riêng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể và dự phòng rủi ro tín dụng chung.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay đến 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ trên 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Các khoản vay được dừng ghi nhận khi quyền lợi theo theo hợp đồng của VPB đối với các dòng tiền phát sinh từ các khoản vay này chấm dứt, hay khi VPB chuyển giao các khoản vay này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với khoản vay được chuyển giao cho bên khác.

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như trình bày tại Thuyết minh 4(j).

(J) PHÂN LOẠI NỢ VÀ MỨC TRÍCH, PHƯƠNG PHÁP TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

(i) Phân loại nợ và dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác (trừ tiền gửi thanh toán), mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng (gọi chung là "các khoản nợ"), các khoản nợ đã bán nhưng chưa thu được tiền được thực hiện theo phương pháp định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 02.

Theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09, VPB thực hiện trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể dựa trên tỷ lệ dự phòng tương ứng với kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm. Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 được tính dựa trên kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 11. Tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

NHÓM		TÌNH TRẠNG QUÁ HẠN	TỶ LỆ DỰ PHÒNG
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	(a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.	0%
2	Nợ cần chú ý	(a) Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc (b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	(a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc (b) Nợ gia hạn nợ lần đầu; hoặc (c) Nợ được miễn, giảm lãi do khách hàng không có khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; hoặc (d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: ▶ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc ▶ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc ▶ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng. (e) Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra.	20%
4	Nợ nghi ngờ	(a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai; hoặc (d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được.	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	(a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc (d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc (e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (g) Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNNVN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản.	100%

Đối với các khoản trả thay cam kết ngoại bảng, VPB phân loại nợ dựa trên số ngày quá hạn tính từ ngày VPB thực hiện nghĩa vụ theo cam kết:

- ▶ Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn: nếu quá hạn dưới 30 ngày;
- ▶ Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ: nếu quá hạn từ 30 ngày đến dưới 90 ngày;
- ▶ Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn: nếu quá hạn 90 ngày trở lên.

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với VPB mà có bất kỳ khoản nợ bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì VPB buộc phải phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Khi VPB tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, VPB thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và của VPB.

VPB cũng thu thập kết quả phân loại nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng thuộc NHNNVN ("CIC") cung cấp tại thời điểm phân loại nợ để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ. Trường hợp nợ và cam kết ngoại bảng của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, VPB điều chỉnh kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Từ ngày 13 tháng 3 năm 2020, VPB đã áp dụng Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ("Thông tư 01") do NHNNVN ban hành quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19. Theo đó, đối với các khách hàng có các khoản nợ phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày 23 tháng 1 năm 2020 đến ngày liên kế sau 3 tháng kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ công bố hết dịch Covid-19, và các khách hàng này không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch Covid-19, thì VPB được phép cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí cho các khoản nợ này mà vẫn giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày 23 tháng 1 năm 2020.

Từ ngày 26 tháng 10 năm 2020, VPB đã áp dụng Công văn số 7751/NHNN-TD ("Công văn 7751") do NHNNVN ban hành về việc hỗ trợ khách hàng khắc phục hậu quả do mưa lũ tại khu vực Miền Trung và Tây Nguyên thông qua việc thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, cho vay mới và các biện pháp hỗ trợ khác. VPB đã thực hiện cơ cấu và xử lý nợ theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 9 tháng 6 năm 2015 ("Nghị định 55"), Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 7 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp và nông thôn, Thông tư số 10/2015/TT-NHNN ngày 22 tháng 7 năm 2015, Thông tư số 25/2018/TT-NHNN ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định 55. Theo đó, đối với các khách hàng bị thiệt hại và ảnh hưởng bởi mưa lũ ở miền Trung và Tây Nguyên thì VPB được phép cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ của khách hàng.

(ii) Dự phòng rủi ro tín dụng chung

Theo Thông tư 02, một khoản dự phòng chung cũng được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư của các khoản nợ trừ các khoản tiền gửi và cho vay của các tổ chức tín dụng khác và các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn. Đối với báo cáo tài chính hợp nhất này, dự phòng chung được tính dựa trên kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 11.

(iii) Xử lý nợ xấu

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, VPB sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro trong các trường hợp sau:

- ▶ Khách hàng là tổ chức bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật; cá nhân bị chết, mất tích;
- ▶ Các khoản nợ được phân loại vào Nhóm 5.

(iv) Dự phòng đối với các cam kết ngoại bảng

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, việc phân loại các khoản cam kết tín dụng ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng. Không có dự phòng nào được lập cho các khoản cam kết tín dụng ngoại bảng, trừ khi VPB được yêu cầu phải thực hiện nghĩa vụ trả thay theo hợp đồng bảo lãnh, trong trường hợp đó, khoản trả thay được phân loại và trích lập dự phòng theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 4(j).

(K) HOẠT ĐỘNG MUA NỢ

Hoạt động mua nợ được ghi nhận theo Thông tư số 09/2015/TT-NHNN của NHNN quy định về hoạt động mua, bán nợ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Khoản mua nợ được ghi nhận ban đầu theo giá mua, sau đó được ghi nhận bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng rủi ro tín dụng. Giá mua nợ, bán nợ là số tiền bên mua nợ phải thanh toán cho bên bán nợ theo hợp đồng mua nợ.

Ngân hàng phân loại nợ được mua vào nhóm có mức độ rủi ro không thấp hơn nhóm mà khoản nợ đó đã được phân loại trước khi mua. Sau đó, việc phân loại nợ và trích lập dự phòng cho các khoản mua nợ được thực hiện tương tự như các khoản cho vay khách hàng khác theo Thông tư 02 và Thông tư 09.

(L) CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH

(i) Các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi tiền tệ

VPB ký kết các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi tiền tệ nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro tỷ giá và các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của VPB.

Các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ là các cam kết mua hoặc bán một lượng ngoại tệ theo một mức tỷ giá xác định tại thời điểm giao dịch cụ thể được xác định và việc thanh toán sẽ được thực hiện vào thời điểm xác định đó trong tương lai. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được đánh giá lại cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất theo tỷ giá tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán và được trình bày theo giá trị thuần trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch giữa giá trị VND của số lượng ngoại tệ cam kết mua hoặc bán theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hiệu lực của các hợp đồng này.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết mua và bán cùng một lượng ngoại tệ (chỉ có hai đồng tiền được sử dụng trong giao dịch) với cùng một đối tác, trong đó một giao dịch có thời hạn thanh toán giao ngay và một giao dịch có thời hạn thanh toán xác định trong tương lai và tỷ giá của hai giao dịch được xác định đồng thời tại thời điểm xác nhận giao dịch giao ngay. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng hoán đổi.

(ii) Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Các hợp đồng hoán đổi lãi suất là các cam kết thanh toán khoản tiền lãi tính theo lãi suất thả nổi hay lãi suất cố định được tính trên một hoặc nhiều khoản tiền gốc danh nghĩa. Các khoản thu nhập và chi phí phát sinh lãi phát sinh trên giá trị khoản vốn danh nghĩa được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(M) TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▶ Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 40 năm
▶ Máy móc thiết bị	3 – 7 năm
▶ Phương tiện vận tải	6 năm
▶ Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5 năm
▶ Tài sản cố định hữu hình khác	3 – 5 năm

(N) TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 – 14 năm.

(ii) Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- ▶ Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn và quyền sử dụng đất không thời hạn).
- ▶ Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là năm năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được phản ánh theo nguyên giá và không trích khấu hao.

Nguyên giá tài sản cố định là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng (+) các chi phí cho đến bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

(O) CÁC TÀI SẢN CÓ KHÁC

Các tài sản Có khác được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc. VPB thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tương tự các khoản cho vay khách hàng được trình bày tại Thuyết minh 4(j). Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng" trong năm.

Đối với các tài sản Có khác không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng, VPB xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí hoạt động" trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng được xác định như sau:

THỜI GIAN QUÁ HẠN	MỨC TRÍCH DỰ PHÒNG
▶ Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
▶ Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
▶ Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
▶ Từ ba (03) năm trở lên	100%

(P) TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

Tiền gửi khách hàng được ghi nhận theo giá gốc.

(Q) TIỀN GỬI VÀ VAY TCTD, TCTC KHÁC

Tiền gửi và vay TCTD, TCTC khác được ghi nhận theo giá gốc.

(R) GIẤY TỜ CÓ GIÁ ĐÃ PHÁT HÀNH

Giấy tờ có giá đã phát hành được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản phân bổ phụ trội và chiết khấu. Giá gốc của giấy tờ có giá đã phát hành bao gồm số tiền thu được từ việc phát hành trừ đi các chi phí trực tiếp có liên quan đến việc phát hành.

(S) CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

Các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc.

(T) VỐN CỔ PHẦN

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn góp từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, nếu có, được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(iii) Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

116

(U) CÁC QUỸ DỰ TRỮ

(i) Các quỹ dự trữ của Ngân hàng và VPB FC

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP do Chính phủ Việt Nam ban hành ngày 7 tháng 8 năm 2017 về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng, Ngân hàng và VPB FC phải trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	TỶ LỆ TRÍCH LẬP HÀNG NĂM	SỐ DƯ TỐI ĐA
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù khoản lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh. Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

(ii) VPB AMC

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 3 năm 2002, việc trích lập các quỹ trước khi phân phối lợi nhuận còn lại được VPB AMC thực hiện tương tự như Ngân hàng mẹ. Các quỹ dự trữ và các quỹ vốn chủ sở hữu sẽ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế vào cuối năm.

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, kể từ năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015, VPB AMC không tiếp tục trích Quỹ dự phòng tài chính.

(V) DOANH THU

(i) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được trình bày tại Thuyết minh 4(j) và các khoản nợ được cơ cấu giữ nguyên Nhóm 1 do áp dụng Thông tư 01. Số lãi dự thu của các khoản nợ này được xuất toán và được ghi nhận ngoại bảng. Thu nhập lãi của các khoản nợ này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thu được.

(ii) Thu nhập từ hoạt động dịch vụ

Thu nhập từ phí và hoa hồng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp.

(iii) Thu nhập từ đầu tư

Thu nhập từ bán chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi nhận được thông báo khớp lệnh từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (chứng khoán niêm yết) và hoàn tất thỏa thuận chuyển giao tài sản (chứng khoán chưa niêm yết) và được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá đích danh của chứng khoán được bán.

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức của VPB được xác lập. Cổ tức được nhận dưới dạng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông hiện tại, cổ phiếu được chia từ lợi nhuận chưa phân phối không được ghi nhận là một khoản tăng giá trị khoản đầu tư và thu nhập không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi nhận được cổ tức bằng cổ phiếu, VPB chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(W) CHI PHÍ LÃI

Chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(X) CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

Chi phí hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

(Y) CÁC KHOẢN THANH TOÁN CHO THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(Z) THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của năm báo cáo bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(AA) CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan của VPB bao gồm các trường hợp sau đây:

- ▶ Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của VPB;
- ▶ Tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại VPB;
- ▶ Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VPB;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp. Trường hợp này bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của VPB và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với VPB;
- ▶ Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần cho VPB.

(BB) CÁC CAM KẾT VÀ NỢ TIỀM ẨN

Tại bất cứ thời điểm nào VPB cũng có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. VPB cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không nhất thiết phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

(CC) LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

VPB trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu ("EPS") cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của VPB chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm kết thúc cùng ngày, VPB không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng nên việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(DD) BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của VPB tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của VPB là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(EE) SỐ DƯ BẰNG KHÔNG

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 ("Quyết định 16") của Thống đốc NHNNVN về chế độ báo cáo tài chính đối với các Tổ chức tín dụng và Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 49") của Thống đốc NHNNVN sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định 16, Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 và hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo mà không được thể hiện trong báo cáo tài chính hợp nhất này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(FF) LỢI ÍCH CỦA NHÂN VIÊN

(i) Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên VPB khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. VPB sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% mức lương tháng theo quy định. Ngoài ra, VPB không phải có một nghĩa vụ nào khác. Chi phí bảo hiểm xã hội phải đóng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi nghĩa vụ đóng góp phát sinh.

(ii) Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 48 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 có hiệu lực ngày 1 tháng 5 năm 2013, VPB có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của mười hai tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Ngân hàng và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được VPB chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(iii) Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, VPB có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp. Chi phí bảo hiểm thất nghiệp phải đóng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi nghĩa vụ đóng góp phát sinh.

(GG) CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của VPB và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, VPB phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- ▶ Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - Tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- ▶ Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, VPB xếp tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà VPB có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- ▶ Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được VPB xếp vào nhóm tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- ▶ Các tài sản tài chính đã được VPB xếp vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán; hoặc
- ▶ Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- ▶ Các khoản mà VPB có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được VPB xếp vào nhóm tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- ▶ Các khoản được VPB xếp vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- ▶ Các khoản mà VPB có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- ▶ Các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- ▶ Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- ▶ Các khoản cho vay và phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- ▶ Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- ▶ Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, VPB xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày tại các thuyết minh liên quan khác.

5. TIỀN MẶT VÀ VÀNG

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Tiền mặt bằng VND	2.145.363	1.631.328
Tiền mặt bằng ngoại tệ	1.110.882	658.473
Vàng tiền tệ	26.311	169.520
	3.282.556	2.459.321

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Tiền gửi tại NHNNVN bao gồm quỹ dự trữ bắt buộc và tài khoản tiền gửi thanh toán.

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Tiền gửi tại NHNNVN		
▶ Tiền gửi thanh toán và quỹ dự trữ bắt buộc bằng VND	5.553.676	3.222.431
▶ Tiền gửi thanh toán và quỹ dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ	225.934	231.707
	5.779.610	3.454.138

Theo quy định của NHNNVN về dự trữ bắt buộc, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc. Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng phải không được thấp hơn tỷ lệ dự trữ bắt buộc nhân với bình quân số dư tiền gửi của tháng trước tại VPB.

Tỷ lệ DTBB tại thời điểm cuối năm như sau:

LOẠI TIỀN GỬI	TỶ LỆ DỰ TRỮ BẮT BUỘC	
	31/12/2020	31/12/2019
Số dư bình quân tháng trước của:		
▶ Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn dưới 12 tháng	8,00%	8,00%
▶ Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn từ 12 tháng trở lên	6,00%	6,00%
▶ Tiền gửi bằng VND có thời hạn dưới 12 tháng	3,00%	3,00%
▶ Tiền gửi bằng VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	1,00%	1,00%

7. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	1.548.010	1.245.782
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	892.215	597.329
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	3.350.000	11.670.000
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	8.038.800	1.969.875
	13.829.025	15.482.986
Cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác		
Cho vay bằng VND	5.725.783	4.151.067
Cho vay bằng ngoại tệ	-	463.500
	5.725.783	4.614.567
	19.554.808	20.097.553

Phân tích chất lượng dư nợ tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	17.114.583	18.254.442

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2020 %/Năm	31/12/2019 %/Năm
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	0,10% - 3,85%	1,30% - 6,45%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,15% - 0,70%	1,90% - 2,00%
Cho vay bằng VND	0,60% - 5,50%	3,54% - 5,50%
Cho vay bằng ngoại tệ	Không áp dụng	2,10% - 3,60%

8. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Chứng khoán nợ do Chính phủ, chính quyền địa phương phát hành	493.214	1.571.141
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh (i)	-	(4.549)
	493.214	1.566.592

(i) Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Số dư đầu năm	4.549	38.329
Hoàn nhập dự phòng trong năm (<i>Thuyết minh 33</i>)	(4.549)	(33.780)
Số dư cuối năm	-	4.549

Trạng thái niêm yết tại thời điểm cuối năm như sau:

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Đã niêm yết	493.214	1.571.141

9. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH KHÁC

Chi tiết giá trị các công cụ tài chính phái sinh tại ngày cuối năm như sau:

	TỔNG GIÁ TRỊ CỦA HỢP ĐỒNG (THEO TỶ GIÁ NGÀY HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG)	TỔNG GIÁ TRỊ GHI SỔ KẾ TOÁN (THEO TỶ GIÁ TẠI NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN)		
		DÒNG TIỀN VÀO	DÒNG TIỀN RA	GIÁ TRỊ THUẦN
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020				
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	62.330.973	61.820.905	(62.106.078)	(285.173)
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	5.660.822	5.657.466	(5.602.537)	54.929
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	56.670.151	56.163.439	(56.503.541)	(340.102)
Công cụ tài chính phái sinh khác	70.770.746	30.611.636	(30.466.288)	145.348
	133.101.719	92.432.541	(92.572.366)	(139.825)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019				
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	53.821.526	53.597.926	(53.646.984)	(49.058)
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	8.653.712	8.650.955	(8.542.072)	108.883
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	45.167.814	44.946.971	(45.104.912)	(157.941)
Công cụ tài chính phái sinh khác	5.442.266	2.851.038	(2.847.650)	3.388
	59.263.792	56.448.964	(56.494.634)	(45.670)

10. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	270.633.257	237.902.129
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	246.532	137.060
Các khoản trả thay khách hàng	30.083	131
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	268.439	362.045
Cấp tín dụng khác	19.637.775	18.782.594
	290.816.086	257.183.959

Phân tích chất lượng dư nợ cho vay:

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	265.902.470	236.147.780
Nợ cần chú ý	14.989.428	12.238.635
Nợ dưới tiêu chuẩn	6.024.814	5.447.770
Nợ nghi ngờ	1.823.719	1.311.426
Nợ có khả năng mất vốn	2.075.655	2.038.348
	290.816.086	257.183.959

Phân tích dư nợ theo thời hạn cho vay:

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Nợ ngắn hạn	102.019.331	89.235.058
Nợ trung hạn	126.492.662	110.887.144
Nợ dài hạn	62.304.093	57.061.757
	290.816.086	257.183.959

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2020 %/NĂM	31/12/2019 %/NĂM
Cho vay bằng VND	3,20% - 16,30%	3,00% - 14,50%
Cho vay bằng ngoại tệ	3,00% - 6,50%	4,00% - 6,50%
Cho vay tiêu dùng bằng VND	41,46%	43,83%

Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp:

	31/12/2020		31/12/2019	
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
Công ty Nhà nước	1.684.444	0,58	1.922.461	0,75
Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	301.867	0,10	412.867	0,16
Công ty TNHH hai thành viên trở lên có phần vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối	152.910	0,05	27.830	0,01
Công ty TNHH khác	53.620.556	18,44	41.273.951	16,05
Công ty cổ phần có vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối	154.507	0,05	269.930	0,10
Công ty cổ phần khác	71.371.808	24,54	61.696.189	24,00
Doanh nghiệp tư nhân	529.038	0,18	440.954	0,17
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	316.962	0,11	114.211	0,04
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	82.984	0,03	60.566	0,02
Hộ kinh doanh, cá nhân	162.599.837	55,91	150.954.341	58,70
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	-	0,00	9.808	0,00
Khác	1.173	0,01	851	0,00
	290.816.086	100	257.183.959	100

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành nghề kinh doanh:

	31/12/2020		31/12/2019	
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	3.786.880	1,30	1.224.901	0,48
Khai khoáng	927.374	0,32	872.775	0,34
Công nghiệp chế biến, chế tạo	14.266.805	4,91	12.299.785	4,78
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	2.803.150	0,96	2.500.209	0,97
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	181.272	0,06	204.229	0,08
Xây dựng	24.703.820	8,49	21.607.181	8,40
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	31.836.141	10,95	29.559.991	11,50
Vận tải kho bãi	5.899.292	2,03	7.286.253	2,83
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	10.017.665	3,44	9.809.042	3,81
Thông tin và truyền thông	234.725	0,08	345.026	0,13
Hoạt động tài chính và bảo hiểm	7.430.985	2,56	5.749.920	2,24
Hoạt động kinh doanh bất động sản	36.924.235	12,70	24.361.962	9,48
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	456.384	0,16	565.941	0,22
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	1.087.771	0,37	1.476.380	0,57
Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý Nhà nước, an ninh quốc phòng; đảm bảo xã hội bắt buộc	3.970	0,00	6.433	0,00
Giáo dục và đào tạo	141.609	0,05	237.645	0,09
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	94.361	0,03	61.958	0,02
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	106.138	0,04	293.082	0,11
Hoạt động dịch vụ khác	535.206	0,18	423.702	0,16
Hoạt động làm thuê các công việc trong hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tư tiêu dùng của hộ gia đình	113.042.970	38,88	110.975.275	43,16
Cho vay cá nhân để mua nhà ở, nhận quyền sử dụng đất để xây nhà ở	36.334.720	12,49	27.319.010	10,63
Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	613	0,00	3.259	0,00
	290.816.086	100	257.183.959	100

11. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng bao gồm:

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Dự phòng chung (i)	2.068.040	1.920.435
Dự phòng cụ thể (ii)	2.428.644	2.163.659
	4.496.684	4.084.094

(i) Biến động dự phòng chung cho các khoản cho vay khách hàng như sau:

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Số dư đầu năm	1.920.435	1.525.190
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh 38)	147.605	395.245
Số dư cuối năm	2.068.040	1.920.435

(ii) Biến động dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay khách hàng như sau:

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Số dư đầu năm	2.163.659	2.041.583
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh 38)	14.471.773	12.292.807
Trích lập dự phòng cho nợ mua lại từ VAMC	-	408.387
Sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng	(14.206.788)	(12.579.118)
Số dư cuối năm	2.428.644	2.163.659

12. HOẠT ĐỘNG MUA NỢ

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Mua nợ bằng VND	260.232	-
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ	(1.952)	-
	258.280	-

Chi tiết giá trị nợ gốc, lãi của các khoản mua nợ như sau:

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Mua nợ gốc	260.232	-

Phân tích chất lượng hoạt động mua nợ tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	260.232	-

Biến động dự phòng mua nợ trong năm như sau:

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Số dư đầu năm	-	-
Dự phòng trích lập trong năm (<i>Thuyết minh 38</i>)	1.952	-
Số dư cuối năm	1.952	-

13. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (i)	75.959.904	67.786.907
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (ii)	854.344	1.094.329
	76.814.248	68.881.236

(i) Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm:

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Chứng khoán nợ		
▶ Trái phiếu Chính phủ, chính quyền địa phương	33.571.272	28.659.332
▶ Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	10.568.514	24.889.488
<i>Trong đó: Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh</i>	2.431.485	4.284.703
▶ Chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế ("TCKT") trong nước phát hành	31.804.761	14.222.730
Chứng khoán vốn		
▶ Chứng khoán vốn do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	15.357	15.357
	75.959.904	67.786.907

Trạng thái niêm yết tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Trái phiếu niêm yết	36.002.757	32.944.035
Trái phiếu chưa niêm yết	34.454.762	23.043.344
Chứng khoán nợ chưa niêm yết khác	5.487.028	11.784.171
Chứng khoán vốn niêm yết	15.357	15.357
	75.959.904	67.786.907

Phân tích chất lượng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là trái phiếu doanh nghiệp được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	34.454.762	23.043.344

Thời hạn và lãi suất năm của các chứng khoán nợ sẵn sàng để bán tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2020		31/12/2019	
	Kỳ hạn	Lãi suất năm	Kỳ hạn	Lãi suất năm
Trái phiếu Chính phủ	6 tháng - 15 năm	1,50% - 12,00%	6 tháng - 15 năm	2,60% - 7,48%
Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	3 tháng - 3 năm	2,80% - 9,00%	2 tháng - 3 năm	4,70% - 8,70%
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	4 tháng - 10 năm	6,00% - 12,00%	1 năm - 11 năm	6,00% - 12,00%

(ii) Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn bao gồm:

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Trái phiếu Chính phủ	854.344	1.094.329

Thời hạn và lãi suất năm của các chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2020		31/12/2019	
	Kỳ hạn	Lãi suất năm	Kỳ hạn	Lãi suất năm
Trái phiếu Chính phủ	5 năm - 12 năm	2,90% - 9,10%	9 tháng - 4 năm	2,90% - 10,80%

14. DỰ PHÒNG RỦI RO CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán	328.813	151.873

Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán trong năm như sau:

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Số dư đầu năm	151.873	265.319
Dự phòng trích lập/(hoàn nhập) trong năm (Thuyết minh 34)	176.940	(113.446)
Số dư cuối năm	328.813	151.873

Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn trong năm như sau:

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Số dư đầu năm	-	790.355
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh 38)	-	999.326
Mua lại trái phiếu VAMC và xử lý rủi ro	-	(1.789.681)
Số dư cuối năm	-	-

132

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VPBANK 2020

15. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Đầu tư góp vốn dài hạn khác - giá gốc (i)	238.602	238.602
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (ii)	(21)	(74.177)
	238.581	164.425

(i) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2020		31/12/2019	
	Giá gốc	Lãi suất năm	Tỷ lệ năm giữ	Lãi suất năm
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Công ty Cổ phần Vận tải ITRACO	21	0,64	21	0,64
Công ty Cổ phần Đồng Xuân	5.000	10,00	5.000	10,00
Công ty cổ phần Đào tạo và Tư vấn Ngân hàng	371	5,29	371	5,29
Công ty Cổ phần Thông tin tin dụng	3.934	3,28	3.934	3,28
Công ty Cổ phần Bảo hiểm OPES	44.000	11,00	44.000	11,00
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	185.276	7,44	185.276	7,44
	238.602		238.602	

(ii) Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Số dư đầu năm	74.177	36.948
Dự phòng (hoàn nhập)/trích lập trong năm (Thuyết minh 37)	(74.156)	37.229
Số dư cuối năm	21	74.177



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
Số 89 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

16. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH
Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	NHÀ CỬA VÀ VẬT KIẾN TRÚC	MÁY MÓC THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI	THIẾT BỊ DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH KHÁC	TỔNG CỘNG
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	1.017.311	998.508	162.428	127.342	74.519	2.380.108
Tăng trong năm	-	10.698	12.282	341	-	23.321
Thanh lý, nhượng bán	(681)	(25.165)	(18.040)	(6.947)	(6.030)	(56.863)
Biến động khác	-	44.665	-	6.085	825	51.575
Số dư cuối năm	1.016.630	1.028.706	156.670	126.821	69.314	2.398.141
Hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	67.409	710.027	112.969	88.246	58.767	1.037.418
Khấu hao trong năm	26.340	127.333	15.861	22.799	9.249	201.582
Thanh lý, nhượng bán	(479)	(25.132)	(14.457)	(6.924)	(6.030)	(53.022)
Số dư cuối năm	93.270	812.228	114.373	104.121	61.986	1.185.978
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	949.902	288.481	49.459	39.096	15.752	1.342.690
Số dư cuối năm	923.360	216.478	42.297	22.700	7.328	1.212.163

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 694.034 triệu VND (31 tháng 12 năm 2019: 611.069 triệu VND).

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	NHÀ CỦA VÀ VẬT KIẾN TRÚC	MÁY MÓC THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI	THIẾT BỊ DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH KHÁC	TỔNG CỘNG
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	1.032.460	848.380	151.225	104.009	75.151	2.211.225
Tăng trong năm	-	9.578	8.047	3.597	-	21.222
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.645)	(2.510)	(10.047)	(5.287)	(22.489)
Biến động khác	(15.149)	145.195	5.666	29.783	4.655	170.150
Số dư cuối năm	1.017.311	998.508	162.428	127.342	74.519	2.380.108
Hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	39961	560.641	95.574	77.150	52.327	825.653
Khấu hao trong năm	27.448	154.013	19.127	21.122	11.636	233.346
Biến động khác	-	-	-	19	-	19
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.627)	(1.732)	(10.045)	(5.196)	(21.600)
Số dư cuối năm	67.409	710.027	112.969	88.246	58.767	1.037.418
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	992.499	287.739	55.651	26.859	22.824	1.385.572
Số dư cuối năm	949.902	288.481	49.459	39.096	15.752	1.342.690

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 611.069 triệu VND (31 tháng 12 năm 2018: 361.759 triệu VND).

17. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH	TỔNG CỘNG
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	69.147	1.033.336	1.102.483
Mua trong năm	-	2.213	2.213
Thanh lý, nhượng bán	(4.020)	-	(4.020)
Tăng khác	-	251.042	251.042
Số dư cuối năm	65.127	1.286.591	1.351.718
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	868	521.333	522.201
Khấu hao trong năm	-	178.850	178.850
Số dư cuối năm	868	700.183	701.051
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	68.279	512.003	580.282
Số dư cuối năm	64.259	586.408	650.667

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 257.826 triệu VND (31 tháng 12 năm 2019: 194.190 triệu VND).

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH	TỔNG CỘNG
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	69.147	890.142	959.289
Mua trong năm	-	27.000	27.000
Tăng khác	-	116.194	116.194
Số dư cuối năm	69.147	1.033.336	1.102.483
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	868	380.897	381.765
Khấu hao trong năm	-	140.436	140.436
Số dư cuối năm	868	521.333	522.201
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	68.279	509.245	577.524
Số dư cuối năm	68.279	512.003	580.282

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 194.190 triệu VND (31 tháng 12 năm 2018: 165.400 triệu VND).

18. TÀI SẢN CÓ KHÁC

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Các khoản phải thu nội bộ	138.461	201.443
Các khoản phải thu bên ngoài	17.195.533	16.550.647
Trong đó:		
▶ Phải thu liên quan thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán ngay (*)	13.990.996	13.260.870
▶ Đặt cọc theo các hợp đồng kinh tế	731.258	741.912
▶ Tài sản có rủi ro tín dụng	113.676	33.000
▶ Phải thu về hoạt động thanh toán	178.424	326.812
▶ Tạm ứng nhà cung cấp	115.979	141.023
▶ Phải thu bên ngoài khác	2.065.200	2.047.030
Mua sắm tài sản cố định	74.288	171.842
Xây dựng cơ bản dở dang	1.069	1.528
Các khoản lãi, phí phải thu	5.036.836	6.032.377
Tài sản Có khác (i)	2.345.902	2.780.703
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác (ii)	(40.278)	(28.643)
	24.751.811	25.709.897

(*) Đây là các khoản phải thu từ các nhà nhập khẩu là khách hàng của VPB liên quan đến bộ chứng từ trả chậm có thể thanh toán ngay theo thư tín dụng nhập khẩu do VPB phát hành. Theo đó, ngân hàng đối ứng thanh toán cho người hưởng (nhà xuất khẩu) trước ngày đáo hạn bộ chứng từ trả chậm.

Phân tích chất lượng tài sản có khác được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	113.676	33.000

(i) Tài sản Có khác

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Vật liệu	12.242	8.863
Chi phí trả trước chờ phân bổ	1.893.821	2.238.162
Tài sản bảo đảm nhận thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm đã chuyển quyền sở hữu cho tổ chức tín dụng chờ xử lý	439.839	533.678
▶ Trong đó: Bất động sản	439.839	533.678
	2.345.902	2.780.703

(ii) Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác

Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác bao gồm:

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Dự phòng rủi ro tín dụng	556	248
▶ <i>Dự phòng chung</i>	556	248
Dự phòng rủi ro nợ phải thu khó đòi	39.722	28.395
	40.278	28.643

Biến động dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác trong năm như sau:

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Số dư đầu năm	28.643	25.484
Dự phòng trích lập trong năm	11.635	4.137
Trong đó:		
▶ <i>Trích lập dự phòng tài sản có rủi ro tín dụng (Thuyết minh 38)</i>	308	248
▶ <i>Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh 37)</i>	11.327	3.889
Sử dụng dự phòng xử lý rủi ro	-	(978)
Số dư cuối năm	40.278	28.643

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, VPB không có nợ phải thu không có khả năng thu hồi đã xử lý tài chính (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019: 978 triệu đồng).

19. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Vay NHNNVN	13.780	19.492
Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước	440	-
	14.220	19.492

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tiền vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có kỳ hạn 1 năm và lãi suất 3,50%/năm (31 tháng 12 năm 2019: kỳ hạn 1 năm và lãi suất 3,50%/năm).

20. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG, TỔ CHỨC TÀI CHÍNH KHÁC

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn của các TCTD khác		
Bằng VND	7.674	118.973
Bằng ngoại tệ	20	23
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác		
Bằng VND	8.324.250	11.909.500
Bằng ngoại tệ	1.039.500	115.875
	9.371.444	12.144.371
Vay các TCTD, TCTC khác		
Vay các TCTD, TCTC khác bằng VND	9.259.665	6.552.872
Vay các TCTD, TCTC khác bằng ngoại tệ (*)	23.782.622	18.778.178
Phải trả trong nghiệp vụ thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán ngay	14.097.551	13.392.568
	47.139.838	38.723.618
	56.511.282	50.867.989

(*) Bao gồm 318 triệu USD tương đương 7.347.290 triệu VND vốn vay từ Công ty Tài chính Quốc tế IFC (31 tháng 12 năm 2019: 51 triệu USD tương đương 1.184.648 triệu VND).

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2020 % năm	31/12/2019 % năm
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	0,10% - 3,85%	1,20% - 6,00%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,12%	1,70%
Tiền vay bằng VND	0,75% - 6,50%	3,50% - 7,90%
Tiền vay bằng ngoại tệ	0,70% - 8,20%	0,75% - 9,00%

21. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	34.143.854	25.884.855
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	1.345.738	1.790.255
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	194.804.424	183.069.112
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	2.223.938	2.510.339
Tiền ký quỹ		
Tiền ký quỹ bằng VND	783.043	617.204
Tiền ký quỹ bằng ngoại tệ	87.666	56.397
Tiền gửi vốn chuyên dùng		
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VND	11.598	16.932
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ	27.692	4.474
	233.427.953	213.949.568

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp như sau:

	31/12/2020		31/12/2019	
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
Công ty Nhà nước	2.915.349	1,25	2.663.269	1,24
Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	1.641.028	0,70	1.219.309	0,57
Công ty TNHH hai thành viên trở lên có phần vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối	119.481	0,05	586.735	0,27
Công ty TNHH khác	26.591.293	11,39	30.285.397	14,16
Công ty cổ phần có vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối	4.292.174	1,84	3.485.615	1,63
Công ty cổ phần khác	71.222.321	30,51	36.824.109	17,21
Công ty hợp danh	7.499	0,00	3.567	0,00
Doanh nghiệp tư nhân	33.154	0,01	49.893	0,02
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.261.113	0,54	674.667	0,32
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	514.857	0,22	15.492	0,01
Hộ kinh doanh, cá nhân	121.299.803	51,96	134.882.868	63,05
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	3.364.262	1,44	3.167.201	1,48
Khách hàng khác	165.619	0,09	91.446	0,04
	233.427.953	100	213.949.568	100

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2020 %/năm	31/12/2019 %/năm
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,20%	0,50%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00%	0,00%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	0,20% - 10,00%	0,80% - 10,00%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00% - 2,40%	0,00% - 2,10%

142

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VPBANK 2020

22. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TỔ CHỨC TÍN DỤNG CHỊU RỦI RO

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng VND từ Dự án hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) (i)	187.156	291.823

- (i) Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro có kỳ hạn từ 2 năm đến 10 năm và lãi suất 4,176%/năm (31 tháng 12 năm 2019: kỳ hạn từ 3 năm đến 10 năm và lãi suất từ 5,16%/năm đến 5,18%/năm).

23. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Giấy tờ có giá đã phát hành được phân loại theo kỳ hạn gốc như sau:

	31/12/2020 %/năm	31/12/2019 %/năm
Dưới 12 tháng	6.283.399	4.594.094
Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	54.893.029	51.911.198
Từ 5 năm trở lên	1.669.060	1.094.431
	62.845.488	57.599.723

Giấy tờ có giá đã phát hành được phân loại theo loại hình như sau:

	31/12/2020 %/năm	31/12/2019 %/năm
Chứng chỉ tiền gửi phát hành cho khách hàng cá nhân	520.237	1.331.089
Chứng chỉ tiền gửi phát hành cho khách hàng tổ chức	30.134.841	31.033.077
Trái phiếu (*)	32.190.410	25.235.557
	62.845.488	57.599.723

- (*) Bao gồm 300 triệu USD tương đương 6.930.000 triệu VND (31 tháng 12 năm 2019: 300 triệu USD tương đương 6.952.900 triệu VND) trái phiếu quốc tế với mệnh giá 1.000 USD/trái phiếu, kỳ hạn 36 tháng, lãi suất 6,25%, phát hành ngày 17 tháng 7 năm 2019. Tiền lãi phải trả 6 tháng/lần.

24. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Các khoản lãi, phí phải trả	6.452.780	7.911.819
Các khoản phải trả và công nợ khác	6.654.321	4.308.300
Các khoản phải trả nội bộ	757.681	545.858
▶ Các khoản phải trả công nhân viên	757.681	545.858
Các khoản phải trả bên ngoài	5.896.640	3.762.442
▶ Các khoản khách hàng trả trước	984.922	400.767
▶ Doanh thu chờ phân bổ	343.963	203.647
▶ Các khoản treo chờ chuyển tiền	269.657	178.979
▶ Thuế và các khoản phải trả Ngân sách Nhà nước (Thuyết minh 26)	1.345.951	623.482
▶ Phải trả về hoạt động thanh toán	783.746	751.548
▶ Phải trả nhà cung cấp	7.942	98.070
▶ Các khoản phải trả khác	2.160.459	1.505.949
	13.107.101	12.220.119

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(A) GHI NHẬN TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	2.592.480	2.063.715
Điều chỉnh số thuế phải nộp các năm trước	13.215	183
	2.605.695	2.063.898

(B) ĐỐI CHIẾU THUẾ SUẤT THỰC TẾ

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Lợi nhuận trước thuế	13.019.455	10.324.161
Cộng/(trừ):		
▶ Thu nhập không chịu thuế	(5.013)	(2.634)
▶ Giảm trừ khác	(65.068)	-
▶ Chi phí không được khấu trừ	12.748	5.765
▶ Chi phí liên quan đến hợp nhất báo cáo tài chính	277	(8.714)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm	12.962.399	10.318.578
Thuế tính theo thuế suất của VPB	2.592.480	2.063.715
Điều chỉnh số thuế phải nộp các năm trước	13.215	183
Chi phí thuế TNDN trong năm	2.605.695	2.063.898

(C) THUẾ SUẤT ÁP DỤNG

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho VPB là 20%.

26. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	1/1/2020	SỐ PHÁT SINH TRONG NĂM		31/12/2020
	PHẢI TRẢ	PHÁT SINH TĂNG	PHÁT SINH GIẢM	PHẢI TRẢ
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	47.186	365.248	(363.416)	49.018
Thuế thu nhập doanh nghiệp	486.647	2.605.695	(1.923.141)	1.169.201
Các loại thuế khác	89.649	681.440	(643.357)	127.732
	623.482	3.652.383	(2.929.914)	1.345.951

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	1/1/2019	SỐ PHÁT SINH TRONG NĂM		31/12/2019
	PHẢI TRẢ	PHÁT SINH TĂNG	PHÁT SINH GIẢM	PHẢI TRẢ
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	29.901	341.448	(324.163)	47.186
Thuế thu nhập doanh nghiệp	688.000	2.063.898	(2.265.251)	486.647
Các loại thuế khác	71.694	642.555	(624.600)	89.649
	789.595	3.047.901	(3.214.014)	623.482

27. VỐN VÀ CÁC QUỸ

Tình hình thay đổi vốn và các quỹ của VPB cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

	VỐN ĐIỀU LỆ	THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN	QUỸ DỰ BỔ SUNG VỐN ĐIỀU LỆ	QUỸ DỰ TRỮ PHÒNG TÀI CHÍNH	QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI	CỔ PHIẾU QUỸ	TỔNG CỘNG
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư tại ngày 1/1/2019	25.299.680	1.289.001	703.949	2.465.423	2.296.507	5.187.230	(2.491.721)	34.750.069
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	8.260.263	-	8.260.263
Chuyển từ quỹ đầu tư phát triển về lợi nhuận chưa phân phối để tăng vốn	-	-	-	-	(2.800.184)	2.800.184	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	412.577	825.001	3.204.132	(4.441.710)	-	-
Mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	(1.109.703)	(1.109.703)
Phí mua lại cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	(887)	(887)
Phát hành cổ phiếu cho nhân viên từ cổ phiếu quỹ theo ESOP	-	(596.281)	-	-	-	-	906.281	310.000
Số dư tại ngày 31/12/2019	25.299.680	692.720	1.116.526	3.290.424	2.700.455	11.805.967	(2.696.030)	42.209.742
Số dư tại ngày 1/1/2020	25.299.680	692.720	1.116.526	3.290.424	2.700.455	11.805.967	(2.696.030)	42.209.742
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	10.413.760	-	10.413.760
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	520.702	1.041.350	3.242.311	(4.804.363)	-	-
-Phát hành cổ phiếu cho nhân viên từ cổ phiếu quỹ theo ESOP (*)	-	(326.993)	-	-	-	-	496.993	170.000
Số dư tại ngày 31/12/2020	25.299.680	365.727	1.637.228	4.331.774	5.942.766	17.415.364	(2.199.037)	52.793.502

(*) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1223/2020/NQ-HĐQT ngày 5 tháng 11 năm 2020, Ngân hàng đã phát hành 17.000.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ nhân viên Ngân hàng từ nguồn cổ phiếu quỹ với giá phát hành bằng mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Ngày 25 tháng 12 năm 2020, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã phát hành Công văn số 7548/UBCK-QLCB về việc nhận được tài liệu báo cáo kết quả sử dụng cổ phiếu quỹ bán cho người lao động. Theo đó, Ngân hàng đã phát hành thành công toàn bộ số 17.000.000 cổ phiếu này.

28. VỐN CỔ PHẦN

	31/12/2020		31/12/2019	
	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	MỆNH GIÁ Triệu VND	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	MỆNH GIÁ Triệu VND
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.529.967.966	25.299.680	2.529.967.966	25.299.680
Cổ phiếu phổ thông	2.529.967.966	25.299.680	2.529.967.966	25.299.680
Số cổ phiếu được mua lại để làm cổ phiếu quỹ	(75.219.600)	(752.196)	(92.219.600)	(922.196)
Cổ phiếu phổ thông	(75.219.600)	(752.196)	(92.219.600)	(922.196)
Số cổ phiếu đang lưu hành	2.454.748.366	24.547.484	2.437.748.366	24.377.484
Cổ phiếu phổ thông	2.454.748.366	24.547.484	2.437.748.366	24.377.484

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Ngân hàng. Cổ phiếu quỹ không được thực hiện quyền. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Ngân hàng.

29. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Thu nhập lãi tiền gửi	129.584	278.402
Thu nhập lãi cho vay	44.937.133	43.794.531
Thu nhập lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán	5.615.740	3.818.441
▶ từ chứng khoán kinh doanh	9.200	156.087
▶ từ chứng khoán đầu tư	5.606.540	3.662.354
Thu phí từ nghiệp vụ bảo lãnh	219.382	207.538
Thu nhập lãi từ nghiệp vụ mua nợ	5.309	-
Thu khác từ hoạt động tín dụng	1.454.619	1.775.872
	52.361.767	49.874.784

30. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Trả lãi tiền gửi	13.206.994	12.393.078
Trả lãi tiền vay	1.630.137	1.667.526
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	4.471.532	4.412.326
Chi phí hoạt động tín dụng khác	707.281	731.393
	20.015.944	19.204.323

31. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ từ		
Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	1.016.825	742.934
Kinh doanh và dịch vụ đại lý bảo hiểm	2.574.493	2.909.136
Dịch vụ tư vấn	312.479	276.088
Thu khác	2.262.956	1.559.308
	6.166.753	5.487.466
Chi phí hoạt động dịch vụ cho		
Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	(248.285)	(202.742)
Dịch vụ tư vấn	(16.766)	(22.327)
Hoa hồng môi giới	(1.363.950)	(1.660.649)
Chi khác	(1.181.625)	(810.128)
	(2.810.626)	(2.695.846)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	3.356.127	2.791.620

32. LỖ THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Doanh thu từ kinh doanh ngoại hối		
Hợp đồng tiền tệ giao ngay	1.333.948	256.167
Thu nhập kinh doanh vàng	89.245	40.363
Các công cụ phái sinh tiền tệ	1.086.981	453.568
	2.510.174	750.098
Chi phí từ kinh doanh ngoại hối		
Hợp đồng tiền tệ giao ngay	(710.323)	(168.219)
Chi phí kinh doanh vàng	(110.336)	(45.313)
Các công cụ phái sinh tiền tệ	(1.996.722)	(753.445)
	(2.817.381)	(966.977)
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(307.207)	(216.879)

33. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	254.201	409.574
Chi phí từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(32.284)	(158.509)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm (Thuyết minh 8)	4.549	33.780
	226.466	284.845

34. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán sẵn sàng để bán	1.566.158	793.712
Chi phí từ mua bán chứng khoán sẵn sàng để bán	(218.487)	(103.999)
(Trích lập)/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán trong năm (Thuyết minh 14)	(176.940)	113.446
	1.170.731	803.159

35. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Thu nhập hoạt động kinh doanh khác		
Thu nhập từ các công cụ tài chính phái sinh khác	911.497	298.450
Thu hồi nợ đã xử lý rủi ro	2.128.240	1.864.821
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	17.853	13.533
Thu nhập từ thanh lý tài sản khác	93.608	62.704
Thu nhập từ hoạt động mua bán nợ	37.579	215.905
Thu từ phạt vi phạm hợp đồng	280	26.727
Thu nhận hỗ trợ và thu nhập khác	252.894	200.080
	3.441.951	2.682.220
Chi phí hoạt động kinh doanh khác		
Chi về các công cụ tài chính phái sinh khác	(816.609)	(345.770)
Chi phí thanh lý tài sản khác	(78.881)	(47.379)
Chi phí hoạt động kinh doanh khác	(310.300)	(269.406)
	(1.205.790)	(662.555)
Lãi thuần từ hoạt động khác	2.236.161	2.019.665

36. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN MUA CỔ PHẦN

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Thu từ cổ tức	5.013	2.634

37. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	4.170	3.105
Chi phí cho nhân viên	6.699.495	7.327.257
Trong đó:		
Chi lương và phụ cấp	6.068.496	6.475.561
Các khoản chi đóng góp theo lương	367.073	503.654
Chi trợ cấp	116.172	174.463
Chi khác	147.754	173.579
Chi về tài sản	1.549.971	1.583.073
Trong đó:		
Khấu hao tài sản cố định	380.432	373.782
Chi thuê tài sản khác	738.018	795.468
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	1.306.159	1.628.565
Trong đó:		
Chi công tác phí	28.058	62.882
Chi phí dự phòng rủi ro khác	(62.829)	41.118
Chi phí dự phòng đầu tư dài hạn (Thuyết minh 15)	(74.156)	37.229
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh 18)	11.327	3.889
Chi phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	205.015	182.383
Chi phí hoạt động khác	1.690.040	1.578.217
	11.392.021	12.343.718

38. CHI PHÍ RỦI RO TÍN DỤNG

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Chi phí dự phòng rủi ro cụ thể cho vay khách hàng (Thuyết minh 11)	14.471.773	12.292.807
Chi phí dự phòng rủi ro chung cho vay khách hàng (Thuyết minh 11)	147.605	395.245
Chi phí dự phòng mua nợ (Thuyết minh 12)	1.952	-
Chi phí dự phòng trái phiếu VAMC (Thuyết minh 14)	-	999.326
Chi phí dự phòng rủi ro các tài sản Có khác (Thuyết minh 18)	308	248
	14.621.638	13.687.626

39. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Tiền mặt và vàng	3.282.556	2.459.321
Tiền gửi tại NHNNVN	5.779.610	3.454.138
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác	2.440.225	1.843.111
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi	11.388.800	13.639.875
	22.891.191	21.396.445

40. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2020	2019
Lợi nhuận thuần trong năm thuộc về cổ đông phổ thông (Triệu VND)	10.413.760	8.260.263
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm (Cổ phiếu) (*)	2.438.073.503	2.446.583.790
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	4.271	3.376

(*) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm:

	2020 Cổ phiếu	2019 Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	2.437.748.366	2.456.748.366
Ảnh hưởng của mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ	-	(10.928.960)
Ảnh hưởng của phát hành cổ phiếu cho nhân viên từ cổ phiếu quỹ theo ESOP	325.137	764.384
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	2.438.073.503	2.446.583.790

41. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN

	2020	2019
Số lượng cán bộ, công nhân viên bình quân (người)	24.037	27.256
Thu nhập của cán bộ, công nhân viên (triệu VND)	6.083.368	6.645.959
▸ Tổng quỹ lương (triệu VND)	5.799.883	6.192.146
▸ Thu nhập khác (triệu VND)	283.485	453.813
Tiền lương bình quân/tháng (triệu VND/người/tháng)	20,11	18,93
Thu nhập bình quân/tháng (triệu VND/người/tháng)	21,09	20,32

42. NGHĨA VỤ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

	31/12/2020 Triệu VND			31/12/2019 Triệu VND		
	Giá trị theo hợp đồng - gộp	Tiền gửi ký quỹ	Giá trị theo hợp đồng - thuần	Giá trị theo hợp đồng - gộp	Tiền gửi ký quỹ	Giá trị theo hợp đồng - thuần
Bảo lãnh vay vốn	33.721	-	33.721	25.262	-	25.262
Cam kết giao dịch hối đoái	122.301.777	-	122.301.777	101.257.412	-	101.257.412
▶ Cam kết mua ngoại tệ	2.243.568	-	2.243.568	1.577.709	-	1.577.709
▶ Cam kết bán ngoại tệ	6.932.263	-	6.932.263	1.716.899	-	1.716.899
▶ Cam kết giao dịch hoán đổi tiền tệ	113.125.946	-	113.125.946	97.962.804	-	97.962.804
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	22.194.102	(298.876)	21.895.226	22.201.501	(84.788)	22.116.713
Bảo lãnh khác	17.456.794	(571.833)	16.884.961	16.745.678	(588.813)	16.156.865
Cam kết khác	263.281.970	-	263.281.970	140.437.112	-	140.437.112
Trong đó: Hạn mức tín dụng chưa sử dụng có thể hủy ngang	141.928.441	-	141.928.441	125.616.310	-	125.616.310

**43. TÀI SẢN, GIẤY TỜ CÓ GIÁ ("GTCG") THỂ CHẤP, CẦM CỐ VÀ CHIẾT KHẤU,
TÁI CHIẾT KHẤU**

TÀI SẢN, GTCG NHẬN THỂ CHẤP, CẦM CỐ VÀ CHIẾT KHẤU, TÁI CHIẾT KHẤU

	GIÁ TRỊ GHI SỔ	
	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Của khách hàng		
Bất động sản	361.660.948	257.378.298
Động sản	47.726.263	46.072.338
Giấy tờ có giá	197.136.412	136.670.840
Các tài sản đảm bảo khác	245.421.625	213.704.886
	851.945.248	653.826.362
Của các TCTD khác		
Giấy tờ có giá	1.997.296	979.728
	853.942.544	654.806.090

TÀI SẢN, GTCG ĐƯA ĐI THỂ CHẤP, CẦM CỐ VÀ CHIẾT KHẤU, TÁI CHIẾT KHẤU

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Giấy tờ có giá đưa đi thể chấp cầm cố	3.075.000	9.710.000
Giấy tờ có giá bán và cam kết mua lại	-	800.000
Tài sản khác đưa đi thể chấp cầm cố	21.680.226	29.821.105
	24.755.226	40.331.105

44. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, VPB có thực hiện các giao dịch với các bên liên quan.

Số dư với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm như sau:

SỐ DƯ		
	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
	Tài sản/ (Nợ phải trả)	Tài sản/ (Nợ phải trả)
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc		
▶ Tiền gửi ngân hàng	(31.851)	(82.306)

Chi tiết giao dịch với các bên liên quan trong năm như sau:

SỐ DƯ		
	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
	Doanh thu/ (chi phí)	Doanh thu/ (chi phí)
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc		
▶ Chi phí lãi tiền gửi	(1.898)	(2.024)
▶ Thù lao của Thành viên Hội đồng Quản trị	(8.656)	(5.640)
▶ Thù lao, chi phí lương và phụ cấp khác của Thành viên Ban Kiểm soát	(6.776)	(7.648)
▶ Chi phí lương và phụ cấp khác của Thành viên Ban Tổng Giám đốc	(78.680)	(108.209)

45. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các đối tác của VPB tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	TỔNG DƯ NỢ CHO VAY	TỔNG TIỀN GỬI, TIỀN VAY	CÁC CAM KẾT TÍN DỤNG	CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH	KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Trong nước	296.802.101	318.236.219	38.813.908	127.895	77.307.462
Nước ngoài	-	34.749.880	-	11.930	-
	296.802.101	352.986.099	38.813.908	139.825	77.307.462

Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các đối tác của VPB tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

	TỔNG DƯ NỢ CHO VAY	TỔNG TIỀN GỬI, TIỀN VAY	CÁC CAM KẾT TÍN DỤNG	CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH	KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Trong nước	261.798.526	298.256.900	38.972.441	44.930	70.452.377
Nước ngoài	-	24.471.695	-	740	-
	261.798.526	322.728.595	38.972.441	45.670	70.452.377

46. RỦI RO TÀI CHÍNH

Thuyết minh này cung cấp thông tin về các rủi ro mà VPB có thể gặp phải và mô tả chi tiết các phương pháp mà Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng sử dụng để kiểm soát rủi ro. Các loại rủi ro tài chính quan trọng nhất mà VPB thường gặp phải là rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

Khung quản lý rủi ro

Hội đồng Quản trị ("HĐQT") Ngân hàng có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát tình hình thực hiện một khuôn khổ quản lý rủi ro thống nhất, đồng thời chịu trách nhiệm cuối cùng và cao nhất về chất lượng, hiệu quả quản lý rủi ro của VPB. Để hỗ trợ vai trò giám sát này, HĐQT Ngân hàng đã thành lập Hội đồng Quản lý Tài sản có/tài sản nợ ("ALCO") và Ủy ban Quản lý Rủi ro ("RCO"), các hội đồng/ủy ban này có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro quan trọng theo từng lĩnh vực được HĐQT ủy quyền và định kỳ báo cáo lên HĐQT về các hoạt động của mình. Thành viên của các hội đồng bao gồm các thành viên có quyền biểu quyết và các thành viên không có quyền biểu quyết.

Khung quản lý rủi ro của VPB được thiết lập nhằm xác lập các nguyên tắc chủ chốt trong hoạt động quản lý và kiểm soát những rủi ro trọng yếu phát sinh từ các hoạt động VPB. Trên cơ sở này, chính sách quản lý rủi ro của VPB được thiết lập nhằm xác định và phân tích những rủi ro mà VPB gặp phải, nhằm lập ra các hạn mức rủi ro phù hợp và các biện pháp kiểm soát, và nhằm giám sát rủi ro và tuân thủ các hạn mức.

Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được thường xuyên soát xét để cập nhật những thay đổi về điều kiện thị trường, các sản phẩm và dịch vụ VPB cung cấp. Thông qua các hoạt động đào tạo; các tiêu chuẩn và hệ thống quản lý, VPB hướng đến việc phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính tích cực, trong đó toàn bộ các nhân viên của VPB hiểu rõ được vai trò và nghĩa vụ của mình.

47. RỦI RO TÍN DỤNG

VPB chịu rủi ro tín dụng trong hoạt động cấp tín dụng cho khách hàng, gửi tiền tại và cho vay các TCTD khác và đầu tư trái phiếu doanh nghiệp cũng như khi VPB đóng vai trò trung gian thay mặt khách hàng hay các bên thứ ba khác hay khi VPB cấp bảo lãnh. Rủi ro tín dụng phát sinh khi khách hàng, bên có nghĩa vụ hoặc đối tác không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo các cam kết và thỏa thuận đã ký với VPB. Rủi ro tín dụng chính mà VPB gặp phải phát sinh từ hoạt động cho vay và ứng trước khách hàng doanh nghiệp, cho vay và ứng trước khách hàng bán lẻ và đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp. Mức độ rủi ro tín dụng này được phản ánh theo giá trị ghi sổ của các tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Ngoài ra, VPB còn gặp phải rủi ro tín dụng ngoại bảng dưới dạng các cam kết bảo lãnh, thư tín dụng chứng từ và các công cụ tài chính phái sinh.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro có tác động lớn nhất đến thu nhập và vốn của VPB. VPB xây dựng khẩu vị rủi ro tín dụng theo tôn chỉ quản lý các hoạt động tín dụng một cách thận trọng và các giới hạn cấp tín dụng bao gồm giới hạn rủi ro tập trung tín dụng và nằm trong khả năng chịu đựng rủi ro của VPB. Về nguyên tắc, VPB nhận dạng và quản lý các rủi ro tín dụng tại tất cả các hoạt động và sản phẩm tiềm ẩn rủi ro và đảm bảo rằng VPB chỉ cung cấp các sản phẩm mới khi có đầy đủ các quy định, quy trình liên quan đến sản phẩm mới, hoạt động trên thị trường mới nhằm nhận dạng, đo lường, đánh giá, theo dõi và kiểm soát các rủi ro phát sinh trọng yếu. Để quản lý rủi ro tín dụng, VPB chủ trương giao dịch với các đối tác đáng tin cậy, và yêu cầu đối tác phải có các biện pháp bảo đảm khi cần thiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Tiếp theo)

Hệ thống quản lý rủi ro tín dụng được vận hành theo nguyên tắc độc lập và tập trung hóa. Theo đó, công tác xây dựng chính sách rủi ro, xác định giới hạn rủi ro và công tác theo dõi, báo cáo và kiểm soát rủi ro được thực hiện độc lập và tập trung tại Khối Quản trị Rủi ro. Các báo cáo của Khối Quản trị Rủi ro là cơ sở để Ủy ban Quản lý Rủi ro ban hành các quyết định tín dụng quan trọng.

VPB thực hiện đo lường rủi ro tín dụng, thực hiện trích lập dự phòng và tuân thủ các tỷ lệ an toàn cho các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng và cho các tổ chức tín dụng khác trên cơ sở áp dụng các quy định của NHNNVN.

Cách tiếp cận tổng thể của VPB đối với rủi ro tín dụng là cách tiếp cận theo mức độ rủi ro. Theo đó, các quyết định phê duyệt, định giá tín dụng cũng như các biện pháp ứng xử về giám sát, phân luồng tín dụng và kiểm soát rủi ro tín dụng đang được thiết kế phù hợp theo mức độ rủi ro của khách hàng. Để đạt được mục tiêu này, các hoạt động quan trọng mà VPB đang thực hiện bao gồm những nội dung sau:

- ▶ Tập trung hoàn thiện cơ sở hạ tầng dữ liệu phục vụ công tác xây dựng các hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại rủi ro theo chuẩn mực quốc tế;
- ▶ Xây dựng và hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng và hệ thống chấm điểm;
- ▶ Tập hợp và rà soát các chính sách/văn bản tín dụng toàn hệ thống để đánh giá lại tính đồng bộ và mức độ đáp ứng các yêu cầu được đặt ra trong Chính sách khung quản trị rủi ro;
- ▶ Hoàn thiện cơ chế giám sát chất lượng tín dụng cho toàn bộ vòng đời của khoản vay;
- ▶ Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm rủi ro tín dụng; và
- ▶ Xây dựng hệ thống thu hồi nợ và tái cấu trúc nợ.

Số liệu thể hiện mức độ rủi ro tín dụng nội bảng tối đa của VPB, không tính đến tài sản đảm bảo hay các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng, bao gồm:

Tại 31 tháng 12 năm 2020

(Triệu VND)	CHƯA QUÁ HẠN VÀ CHƯA BỊ GIẢM GIÁ	ĐÃ QUÁ HẠN NHƯNG CHƯA BỊ GIẢM GIÁ	ĐÃ TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG	ĐÃ QUÁ HẠN VÀ ĐÃ TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG	TỔNG CỘNG
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	19.554.808	-	-	-	19.554.808
Chứng khoán kinh doanh - gộp	493.214	-	-	-	493.214
Cho vay khách hàng - gộp	266.162.702	3.799.839	21.113.777	21.113.777	291.076.318
Chứng khoán đầu tư - gộp	76.814.248	-	-	-	76.814.248
Tài sản Có khác - gộp	24.734.415	-	57.674	57.674	24.792.089
	387.759.387	3.799.839	21.171.451	21.171.451	412.730.677

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Triệu VND)	CHƯA QUÁ HẠN VÀ CHƯA BỊ GIẢM GIÁ	ĐÃ QUÁ HẠN NHƯNG CHƯA BỊ GIẢM GIÁ	ĐÃ TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG	ĐÃ QUÁ HẠN VÀ ĐÃ TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG	TỔNG CỘNG
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	20.097.553	-	-	-	20.097.553
Chứng khoán kinh doanh - gộp	1.571.141	-	-	-	1.571.141
Cho vay khách hàng - gộp	236.147.780	4.930.805	16.105.374	16.105.374	257.183.959
Chứng khoán đầu tư - gộp	68.881.236	-	-	-	68.881.236
Tài sản Có khác - gộp	25.688.251	634	49.655	49.655	25.738.540
	352.385.961	4.931.439	16.155.029	16.155.029	371.185.366

Bảng trên thể hiện trường hợp xấu nhất với mức độ mất vốn tối đa của VPB tại ngày kết thúc kỳ kế toán, chưa tính đến bất kỳ các tài sản thế chấp được nắm giữ hay các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng nào.

Các tài sản tài chính quá hạn của VPB được phân loại theo từng đối tác có rủi ro tín dụng theo phương pháp định lượng được hướng dẫn theo Thông tư 02, Thông tư 09, Thông tư 01 và Công văn 7751.

Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá là do VPB đang nắm giữ các tài sản đảm bảo đủ bù đắp các tổn thất tín dụng theo quy định hiện hành hoặc tài sản tài chính quá hạn nhưng chưa cần trích lập dự phòng theo quy định của pháp luật.

VPB hiện đang nắm giữ các tài sản đảm bảo là bất động sản, động sản, các giấy tờ có giá và các loại tài sản đảm bảo khác cho các tài sản này. VPB chưa xác định được đầy đủ giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo này do chưa có các hướng dẫn cụ thể cũng như chưa có các thông tin thị trường cần thiết.

158

48. RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản có thể xảy ra khi VPB không cân đối đủ tiền để có thể đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán đến hạn; hoặc có thể đáp ứng các nghĩa vụ thanh toán đến hạn nhưng phải chịu tổn thất lớn để thực hiện các nghĩa vụ đó. Rủi ro này có thể gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận, vốn, danh tiếng của VPB; thậm chí có thể làm cho VPB bị phá sản.

Quản lý rủi ro thanh khoản

VPB thực hiện quản lý thanh khoản của toàn VPB và theo từng loại tiền chính (VND, USD) theo cơ chế, quy trình điều tiết, giám sát và quản lý thanh khoản được quy định cụ thể trong chính sách và các quy định, quy trình về quản lý thanh khoản. Theo đó, quản trị rủi ro thanh khoản của VPB được thực hiện thông qua sự phối hợp chặt chẽ giữa 3 Khối là: Khối Tài chính, Khối Quản trị Rủi ro và Khối Thị trường Tài chính. Trong đó, Khối Thị trường Tài chính có vai trò chủ đạo trong việc quản lý thanh khoản ngắn hạn và Khối Tài chính có vai trò chủ đạo trong việc quản lý thanh khoản dài hạn trên cơ sở phù hợp và tuân thủ với khẩu vị rủi ro, chỉ tiêu rủi ro, chiến lược và chính sách quản trị rủi ro thanh khoản do Khối Quản trị Rủi ro chịu trách nhiệm xây dựng.

VPB luôn duy trì một danh mục và khối lượng cụ thể của các tài sản có tính thanh khoản cao, có thể bao gồm nhưng không hạn chế: tiền mặt, vàng, tiền gửi liên ngân hàng, trái phiếu Chính phủ và các tài sản khác có tính thanh khoản cao khác để đảm bảo luôn đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán đến hạn trong điều kiện bình thường cũng như trong hoàn cảnh căng thẳng mà không phát sinh các tổn thất không chấp nhận được hoặc gây ra tác động tiêu cực đến hình ảnh của VPB. Trong từng thời kỳ, dựa trên cấu trúc về Tài sản Nợ - Tài sản Có của VPB mà VPB sẽ xây dựng các hạn mức chênh lệch thanh khoản cụ thể và tuân thủ nghiêm túc.

VPB hiểu rõ mối quan hệ qua lại của các rủi ro tín dụng, thị trường tác động đến khả năng thanh khoản của VPB. VPB nhận thức rõ rằng rủi ro thanh khoản đến từ hai phía của bảng cân đối tài sản VPB. Vì vậy, cách tiếp cận quản lý rủi ro thanh khoản của VPB luôn chú trọng việc đa dạng hóa hoạt động đầu tư, tín dụng và tăng cường khả năng tiếp cận thị trường vốn bằng nhiều công cụ và sản phẩm huy động vốn khác nhau.

VPB áp dụng cả hai cách tiếp cận phổ biến về quản lý rủi ro thanh khoản là cách tiếp cận theo thời điểm và cách tiếp cận theo thời kỳ. Theo đó, VPB theo dõi hàng ngày tình hình tuân thủ các tỷ lệ an toàn về thanh khoản và đồng thời dự báo biến động của các dòng tiền tác động đến khả năng thanh khoản của VPB trong tương lai đảm bảo tại mọi thời điểm luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của NHNNVN và các quy định nội bộ của VPB.

Các giới hạn rủi ro thanh khoản được thiết lập dựa trên kết quả dự báo thanh khoản của VPB trong hoàn cảnh bình thường cũng như trong các điều kiện căng thẳng trên thị trường. VPB định kỳ thực hiện các kịch bản căng thẳng thanh khoản khác nhau để kiểm tra khả năng đáp ứng thanh khoản của VPB trong các tình huống bất lợi. Đồng thời cũng ban hành quy định cụ thể về kế hoạch dự phòng thanh khoản (LCP), theo đó quy định rõ vai trò, trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân và quy trình phối hợp thực hiện ngay khi có dấu hiệu của một sự kiện căng thẳng thanh khoản có thể xảy ra.

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và nợ phải trả của VPB theo các nhóm kỳ đáo hạn tương ứng tính theo thời hạn còn lại từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phải thanh toán.

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 (Triệu VND)		QUÁ HẠN					TRONG HẠN			
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng			
Tài sản										
Tiền mặt và vàng	-	-	3.282.556	-	-	-	3.282.556			
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	5.779.610	-	-	-	5.779.610			
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	-	-	13.428.287	4.093.081	1.986.821	46.619	19.554.808			
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	493.214	-	-	-	493.214			
Cho vay khách hàng - gộp	8.839.008	3.870.626	38.630.128	30.511.727	86.934.971	91.185.527	291.076.318			
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	-	265.074	814.128	8.695.894	41.859.708	76.814.248			
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	-	-	-	-	-	238.602			
Tài sản cố định	-	-	-	-	-	455.959	1.862.830			
Tài sản Có khác - gộp	50.291	7.383	13.016.818	4.921.853	6.795.744	-	24.792.089			
	8.889.299	3.878.009	74.895.687	40.340.789	104.413.430	133.547.813	423.894.275			
Nợ phải trả										
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	482	2.181	11.557	-	14.220			
Tiền gửi và vay các TCTD, TCTC khác	-	-	9.772.419	16.616.258	24.811.544	5.303.320	56.511.282			
Tiền gửi của khách hàng	-	-	85.097.886	67.255.736	76.002.013	5.071.019	233.427.953			
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	3.691	91.376	200.211	(67.837)	139.825			
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	22.741	21.755	120.615	22.045	187.156			
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	2.703.759	4.227.688	21.749.949	33.177.510	62.845.488			
Các khoản nợ khác	-	-	12.332.700	224.828	466.531	83.042	13.107.101			
	8.889.299	3.878.009	109.933.678	88.439.822	123.362.420	43.589.099	366.233.025			
Mức chênh lệch thanh khoản thuận			(35.037.991)	(48.099.033)	(18.948.990)	89.958.714	57.021.242			



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
Số 89 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa Thành phố Hà Nội, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Tiếp theo)

Mẫu B05/TC-TD-HN
(Ban hành theo Thống tư số
49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

TẠI 31 THÁNG 12 NĂM 2019 (Triệu VND)		QUÁ HẠN		TRONG HẠN			
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Tài sản							
Tiền mặt và vàng	-	-	2.459.321	-	-	-	2.459.321
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	3.454.138	-	-	-	3.454.138
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	-	-	13.211.393	4.043.768	2.813.935	-	20.097.553
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	1.571.141	-	-	-	1.571.141
Cho vay khách hàng - gộp	4.852.390	5.652.025	29.603.196	27900.214	73.017.395	28.912.104	257.183.959
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	-	432.208	1.671.482	14.775.693	17.241.609	68.881.236
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	-	-	-	-	238.602	238.602
Tài sản cố định	-	-	-	-	-	1.922.972	1.922.972
Tài sản Có khác - gộp	50.289	-	13.872.250	2.810.371	8.943.654	58.112	25.738.540
	4.902.679	5.652.025	64.603.647	36.425.835	99.550.677	48.373.399	381.547.462
Nợ phải trả							
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	42	2.181	17.269	-	19.492
Tiền gửi và vay các TCTD, TCTC khác	-	-	12.688.215	8.570.212	26.893.447	8.475	50.867.989
Tiền gửi của khách hàng	-	-	72.194.564	45.823.631	86.335.987	1.360	213.949.568
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	16.296	(9.097)	44.171	-	45.670
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	180	29.737	78.369	10.200	291.823
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	1.856.656	4.183.039	21.145.041	1.000.000	57.599.723
Các khoản nợ khác	-	-	11.094.243	322.570	750.269	-	12.220.119
	-	-	97.850.196	58.922.273	135.264.553	1.020.035	334.994.384
Mức chênh lệch thanh khoản thuần	4.902.679	5.652.025	(33.246.549)	(22.496.438)	(35.713.876)	47.353.364	46.553.078

49. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro do những biến động bất lợi và thay đổi của các nhân tố rủi ro thị trường (bao gồm lãi suất, tỷ giá, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường...) gây ra tác động tiêu cực đối với thu nhập và vốn của VPB.

Quản lý rủi ro thị trường

Công tác quản lý rủi ro thị trường được thực hiện tại Phòng Rủi ro Thị trường và Đối tác thuộc Khối Quản trị Rủi ro. Phòng Rủi ro Thị trường và Đối tác chịu trách nhiệm xây dựng chi tiết các chính sách, quy trình; xây dựng các công cụ đo lường; đề xuất hạn mức rủi ro thị trường độc lập trình cấp thẩm quyền phê duyệt và thực hiện giám sát hạn mức rủi ro thị trường hàng ngày/hàng tháng theo quy định của VPB.

Chính sách quản lý rủi ro thị trường đưa ra mô hình quản lý rủi ro phân tách rõ chức năng về quản lý rủi ro thị trường giữa các đơn vị, ủy ban theo mô hình 3 lớp phòng vệ, thành lập Hội đồng Quản lý Rủi ro Thị trường (MACO) trực thuộc Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ đề xuất, phân tích chuyên sâu các vấn đề rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản và rủi ro đối tác. Quy định về phân tách Sở Kinh doanh và Sở Ngân hàng cũng được ban hành theo quy định của VPB Nhà nước Việt Nam và tuân thủ tiêu chuẩn Basel II, đảm bảo quản lý từng công cụ theo bản chất rủi ro gắn liền với công cụ đó. Chiến lược các sổ của Khối Thị trường Tài chính cũng đã được ban hành. Theo đó từng danh mục đều phải quy định rõ chiến lược kinh doanh, công cụ hợp lệ, phân tích các rủi ro tiềm ẩn và chiến lược phòng vệ. Phương pháp định giá cũng đã được ban hành theo tiêu chuẩn IFRS, giúp cho Ngân hàng tính toán được giá trị hợp lý của các sản phẩm tài chính một cách chính xác.

Văn bản về quy định xác định và phê duyệt hạn mức giao dịch của VPB đối với khách hàng là định chế tài chính đã được sửa đổi và ban hành bởi Hội đồng quản trị, trong đó đưa ra quy định để xác định hạn mức cho các giao dịch có yếu tố rủi ro thị trường và rủi ro đối tác, đảm bảo tất cả mọi yếu tố rủi ro đều được cân nhắc trong quá trình cấp hạn mức cho đối tác.

Các loại rủi ro thị trường của VPB (bao gồm rủi ro tiền tệ, lãi suất, giá hàng hóa, quyền chọn, chênh lệch lợi suất và thanh khoản thị trường) đều được phân tích chuyên sâu, nhận diện, đo lường và quản lý bằng hệ thống các hạn mức nội bộ. Việc quản lý và kiểm soát rủi ro bao gồm các báo cáo rủi ro định kỳ (chủ yếu là hàng ngày) và báo cáo các trường hợp vi phạm hạn mức.

Hệ thống hạn mức rủi ro thị trường được thiết lập dựa trên 2 phương pháp: từ trên xuống (top-down) dựa trên khẩu vị rủi ro của VPB, quy định của NHNNVN và các quy định của đối tác chiến lược và phương pháp từ dưới lên (bottom-up) dựa trên nhu cầu từ đơn vị kinh doanh và phân tích rủi ro-lợi nhuận.

VPB đã thực hiện tính toán vốn bù đắp cho rủi ro thị trường dựa trên tiêu chuẩn Basel II định kỳ hàng tháng.

(A) RỦI RO LÃI SUẤT

Lãi suất cho các khoản cho vay khách hàng và tiền gửi khách hàng theo loại tiền tệ được trình bày lần lượt tại Thuyết minh 10 và Thuyết minh 21.

Bảng dưới đây trình bày thời hạn định lại lãi suất của tài sản và nợ phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán.



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
Số 89 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa Thành phố Hà Nội, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Tại 31 tháng 12 năm 2020 (Triệu VND)	Quá hạn	Không hưởng lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản									
Tiền mặt và vàng	-	3.282.556	-	-	-	-	-	-	3.282.556
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	5.779.610	-	-	-	-	-	5.779.610
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	-	-	15.308.286	3.533.081	249.017	417.805	46.619	-	19.554.808
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	493.214	-	-	-	-	-	493.214
Cho vay khách hàng - gộp	12.709.634	-	177.714.267	28.106.701	18.688.678	23.168.807	29.820.656	867.575	291.076.318
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	15.357	13.577.890	13.888.949	4.535.499	1.861.143	18.242.966	24.692.444	76.814.248
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	238.602	-	-	-	-	-	-	238.602
Tài sản cố định	-	1.862.830	-	-	-	-	-	-	1.862.830
Tài sản Có khác - gộp	57.674	24.734.415	-	-	-	-	-	-	24.792.089
	12.767.308	30.133.760	212.873.267	45.528.731	23.473.194	25.447.755	48.110.241	25.560.019	423.894.275
Nợ phải trả									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	440	42	2.181	9.505	2.052	-	-	14.220
Tiền gửi và vay các TCTD, TCTC khác	-	-	21.507.462	16.282.191	4.185.517	13.573.612	962.500	-	56.511.282
Tiền gửi của khách hàng	-	-	85.115.886	67.327.936	49.778.500	26.133.313	5.071.019	1.299	233.427.953
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	271.241	1.118.001	(240.880)	291	(921.212)	(87.616)	139.825
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	154	187.002	-	-	-	-	187.156
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	2.703.759	4.227.688	8.272.919	13.477.030	33.177.510	986.582	62.845.488
Các khoản nợ khác	-	13.107.101	-	-	-	-	-	-	13.107.101
	-	13.107.541	109.598.544	89.144.999	62.005.561	53.186.298	38.289.817	900.265	366.233.025
Mức chênh lệch cam với lãi suất nội bảng	12.767.308	17.026.219	103.274.723	(43.616.268)	(38.532.367)	(27.738.543)	9.820.424	24.659.754	57.661.250
Mức chênh lệch cam với lãi suất ngoại bảng	-	-	64.167	23.084.985	38.582	2.658.691	(25.846.425)	-	-
Mức chênh lệch cam với lãi suất nội, ngoại bảng	12.767.308	17.026.219	103.338.890	(20.531.283)	(38.493.785)	(25.079.852)	(16.026.001)	24.659.754	57.661.250

Tại 31 tháng 12 năm 2019 (Triệu VND)	Quá hạn	Không hưởng lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản									
Tiền mặt và vàng	-	2.459.321	-	-	-	-	-	-	2.459.321
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	3.454.138	-	-	-	-	-	3.454.138
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	-	-	13.211.393	4.048.768	2.186.595	622.340	28.457	-	20.097.553
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	1.571.141	-	-	-	-	-	1.571.141
Cho vay khách hàng - gộp	10.504.415	-	154.819.939	35.081.302	14.112.294	15.872.288	25.799.339	994.382	257.183.959
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	15.357	3.172.853	13.103.239	6.605.024	7.425.158	21.919.146	16.640.459	68.881.236
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	238.602	-	-	-	-	-	-	238.602
Tài sản cố định	-	1.922.972	-	-	-	-	-	-	1.922.972
Tài sản Có khác - gộp	50.289	25.688.251	-	-	-	-	-	-	25.738.540
	10.554.704	30.324.503	176.229.464	52.233.309	22.903.913	23.919.786	47.746.942	17.634.841	381.547.462
Nợ phải trả									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	42	2.181	15.217	2.052	-	-	19.492
Tiền gửi và vay các TCTD, TCTC khác	-	-	24.233.622	12.879.038	10.208.830	3.160.249	386.250	-	50.867.989
Tiền gửi của khách hàng	-	-	72.183.103	45.840.092	53.411.410	32.919.577	9.594.026	1.360	213.949.568
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	(553.275)	1.135.841	189.903	25.652	(752.451)	-	45.670
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	145.912	145.911	-	-	-	-	291.823
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	1.844.656	4.195.039	14.394.702	10.960.339	25.204.987	1.000.000	57.599.723
Các khoản nợ khác	-	12.173.716	-	46.403	-	-	-	-	12.220.119
	-	12.173.716	97.854.060	64.244.505	78.220.062	47.067.869	34.432.812	1.001.360	334.994.384
Mức chênh lệch cam với lãi suất nội bảng	10.554.704	18.150.787	78.375.404	(12.011.196)	(55.316.149)	(23.148.083)	13.314.130	16.633.481	46.553.078
Mức chênh lệch cam với lãi suất ngoại bảng	-	-	-	387.022	309.062	(231.611)	(464.473)	-	-
Mức chênh lệch cam với lãi suất nội, ngoại bảng	10.554.704	18.150.787	78.375.404	(11.624.174)	(55.007.087)	(23.379.694)	12.849.657	16.633.481	46.553.078

Độ nhạy đối với lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các tài sản và nợ phải trả chịu lãi suất (kể cả các tài sản và nợ phải trả có lãi suất cố định) có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của VPB như sau:

Chi tiết giao dịch với các bên liên quan trong năm như sau:

Ảnh hưởng đến			
	Mức tăng lãi suất	Lợi nhuận trước thuế Tăng/(giảm) Triệu đồng	Lợi nhuận sau thuế và Vốn chủ sở hữu Tăng/(giảm) Triệu đồng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020			
USD	1,50%	(77.266)	(61.812)
VND	3,00%	1.025.496	820.397
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019			
USD	1,50%	(150.813)	(120.650)
VND	3,00%	853.290	682.632

(b) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ (hay thường gọi là rủi ro tỷ giá) là rủi ro gây ra tổn thất cho VPB do các thay đổi bất lợi của giá trị hợp lý của các trạng thái khi tỷ giá biến động. Trạng thái ngoại hối cũng như các trạng thái vàng và kim loại quý khác có tiềm ẩn rủi ro tỷ giá. Rủi ro tỷ giá xuất hiện khi danh mục bao gồm các dòng tiền giao ngay hoặc dòng tiền tương lai bằng ngoại tệ. Rủi ro tỷ giá tiềm ẩn trên cả Sổ Kinh doanh và Sổ Ngân hàng. Rủi ro tỷ giá tác động trực tiếp tới bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các loại tài sản, nợ phải trả và thu nhập bằng ngoại tệ cần được chuyển đổi sang nội tệ.

Quản lý rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ được quản lý bằng các công cụ hạn mức cho trạng thái mở ngoại tệ cho từng loại ngoại tệ cũng như tổng trạng thái mở ngoại tệ. VPB sẽ quản lý bằng cách thiết lập các hạn mức trạng thái mở của từng ngoại tệ phù hợp với chiến lược kinh doanh của VPB và quy định của VPB Nhà nước Việt Nam. Đồng Việt Nam là đồng tiền chính trong giao dịch của VPB; đồng Đô la Mỹ được giao dịch chủ yếu trên các khoản cho vay, tiền gửi và phái sinh; các loại ngoại tệ khác chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong tổng tài sản và nợ phải trả của VPB. Các trạng thái mở ngoại tệ được giám sát hàng ngày và các chiến lược phòng vệ được sử dụng để đảm bảo các trạng thái luôn trong hạn mức cho phép.

Tỷ giá của các loại ngoại tệ quan trọng tại thời điểm lập báo cáo được trình bày tại Thuyết minh 54.

Phân loại tài sản và nợ phải trả theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VND tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Tại 31 tháng 12 năm 2020 (Triệu VND)	EUR	USD	Vàng được quy đổi	Các ngoại tệ khác được quy đổi	Tổng cộng
Tài sản					
Tiền mặt và vàng	389.308	118.784	26.311	602.790	1.137.193
Tiền gửi tại NHNNVN	-	225.934	-	-	225.934
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	38.854	8.464.053	-	428.108	8.931.015
Cho vay khách hàng - góp	2.260	4.473.272	-	-	4.475.532
Tài sản Có khác - góp	22.076	6.973.994	-	8.082	7.004.152
	452.498	20.256.037	26.311	1.038.980	21.773.826
Nợ phải trả					
Các khoản nợ Chính phủ, NHNNVN và tiền gửi và vay các TCTD, TCTC khác	21.864	31.210.428	-	8.022	31.240.314
Tiền gửi của khách hàng	183.225	3.163.957	-	337.852	3.685.034
Công cụ phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	385.054	(22.976.731)	-	697.646	(21.894.031)
Phát hành giấy tờ có giá	-	6.906.025	-	-	6.906.025
Các khoản nợ khác	5.979	644.033	-	2.460	652.472
	596.122	18.947.712	-	1.045.980	20.589.814
Trạng thái tiến tệ nội bảng	(143.624)	1.308.325	26.311	(7.000)	1.184.012
Trạng thái tiến tệ ngoại bảng	118.368	(4.807.062)	-	-	(4.688.694)
Trạng thái tiến tệ nội, ngoại bảng	(25.256)	(3.498.737)	26.311	(7.000)	(3.504.682)



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
Số 89 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa Thành phố Hà Nội, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Tại 31 tháng 12 năm 2019 (Triệu VND)	EUR	USD	Vàng được quy đổi	Các ngoại tệ khác được quy đổi	Tổng cộng
Tài sản					
Tiền mặt và vàng	207.336	155.356	169.520	295.781	827.993
Tiền gửi tại NHNNVN	-	231.707	-	-	231.707
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	68.899	2.869.165	-	92.640	3.030.704
Cho vay khách hàng - gộp	5.220	4.425.006	-	-	4.430.226
Tài sản Có khác - gộp	7.176	8.205.685	-	32.336	8.245.197
	288.631	15.886.919	169.520	420.757	16.765.827
Nợ phải trả					
Các khoản nợ Chính phủ, NHNNVN và tiền gửi và vay các TCTD, TCTC khác	7.140	26.715.667	-	32.309	26.755.116
Tiền gửi của khách hàng	225.847	3.814.321	-	321.297	4.361.465
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	51.609	(19.876.381)	-	69.782	(19.754.990)
Phát hành giấy tờ có giá	-	6.912.874	-	-	6.912.874
Các khoản nợ khác	912	718.969	-	1.971	721.852
	285.508	18.285.450	-	425.359	18.996.317
Trạng thái tiền tệ nội bảng					
	3.123	(2.398.531)	169.520	(4.602)	(2.230.490)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng					
	10.632	(133.635)	-	(16.187)	(139.190)
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng					
	13.755	(2.532.166)	169.520	(20.789)	(2.369.680)

Độ nhạy đối với tỷ giá

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của VPB do các thay đổi có thể xảy ra của tỷ giá. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của VPB là không đáng kể. Mức tăng tỷ giá thể hiện đồng USD mạnh lên so với đồng Việt Nam.

	Mức tăng tỷ giá	Ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu Tăng/(giảm) Triệu đồng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020		
USD	2,00%	20.933
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019		
USD	2,00%	(39.160)



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
Số 89 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

50. THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

TẠI 31 THÁNG 12 NĂM 2020		GIÁ TRỊ GHI SỔ				
(Triệu VND)	Giá trị hợp lý thông qua BCKQHĐKD	Giữ đến ngày đáo hạn	Cho vay và phải thu	Sẵn sàng để bán	Tài sản và nợ khác hạch toán theo giá trị phân bổ	Tổng cộng giá trị ghi sổ
Tài sản tài chính						
Tiền mặt và vàng	-	-	3.282.556	-	-	3.282.556
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	5.779.610	-	-	5.779.610 (*)
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	-	-	19.554.808	-	-	19.554.808 (*)
Chứng khoán kinh doanh - gộp	493.214	-	-	-	-	493.214 (*)
Cho vay khách hàng - gộp	-	-	291.076.318	-	-	291.076.318 (*)
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán - gộp	-	-	-	75.959.904	-	75.959.904 (*)
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn - gộp	-	854.344	-	-	-	854.344 (*)
Đầu tư dài hạn khác - gộp	-	-	-	238.602	-	238.602 (*)
Tài sản tài chính khác	210.656	40.626	199.54.737	1.828.062	-	22.034.081 (*)
	703.870	894.970	339.648.029	78.026.568	-	419.273.437
Nợ phải trả tài chính						
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	-	-	14.220	14.220 (*)
Tiền gửi và vay các TCTD, TCTC khác	-	-	-	-	56.511.282	56.511.282 (*)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	233.427.953	233.427.953 (*)
Các công cụ tài chính phải sinh các khoản nợ tài chính khác	139.825	-	-	-	-	139.825 (*)
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	187.156	187.156 (*)
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	62.845.488	62.845.488 (*)
Các khoản nợ tài chính khác	196.499	-	-	-	10.436.574	10.633.073 (*)
	336.324	-	-	-	363.422.673	363.758.997

(*) VPB chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản mục này bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán áp dụng cho các Tổ chức tín dụng hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

TẠI 31 THÁNG 12 NĂM 2019		GIÁ TRỊ GHI SỐ					
(Triệu VND)	Giá trị hợp lý thông qua BCKQHĐKD	Giữ đến ngày đáo hạn	Cho vay và phải thu	Sẵn sàng để bán	Tài sản và nợ khác hạch toán theo giá trị phân bổ	Tổng cộng giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính							
Tiền mặt và vàng	-	-	2.459.321	-	-	2.459.321	2.459.321
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	3.454.138	-	-	3.454.138	(*)
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	-	-	20.097.553	-	-	20.097.553	(*)
Chứng khoán kinh doanh - gộp	1.571.141	-	-	-	-	1.571.141	(*)
Cho vay khách hàng - gộp	-	-	257.183.959	-	-	257.183.959	(*)
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán - gộp	-	-	-	67786.907	-	67786.907	(*)
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn - gộp	-	1.094.329	-	-	-	1.094.329	(*)
Đầu tư dài hạn khác - gộp	-	-	-	238.602	-	238.602	(*)
Tài sản tài chính khác	203.526	47.172	20.212.660	1.982.170	-	22.445.528	(*)
	1.774.667	1.141.501	303.407.631	70.007.679	-	376.331.478	
Nợ phải trả tài chính							
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	-	-	19.492	19.492	(*)
Tiền gửi và vay các TCTD, TCTC khác	-	-	-	-	50.867.989	50.867.989	(*)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	213.949.568	213.949.568	(*)
Các công cụ tài chính phải sinh và các khoản nợ tài chính khác	45.670	-	-	-	-	45.670	(*)
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	291.823	291.823	(*)
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	57.599.723	57.599.723	(*)
Các khoản nợ tài chính khác	165.027	-	-	-	10.644,967	10.809,994	(*)
	210.697	-	-	-	333.373.562	333.584.259	

(*) VPB chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản mục này bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán áp dụng cho các Tổ chức tín dụng hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

51. THUYẾT MINH VỀ BIẾN ĐỘNG LỢI NHUẬN

Lợi nhuận hợp nhất trước thuế của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 tăng 2.695.294 triệu VND so với lợi nhuận hợp nhất trước thuế cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, tương đương 26,11% do các nguyên nhân sau:

	Triệu VND
Tăng thu nhập lãi thuần	1.675.362
Tăng lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	564.507
Tăng lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(90.328)
Giảm lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(58.379)
Tăng lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	367.572
Tăng lãi thuần từ hoạt động khác	216.496
Tăng thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	2.379
Giảm chi phí hoạt động	951.697
Tăng chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(934.012)
	2.695.294

52. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của VPB tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

(i) Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh

Cho mục đích quản lý, Ngân hàng và các công ty con được tổ chức thành các bộ phận dựa trên các lĩnh vực sau:

Hoạt động ngân hàng:	Các sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng bao gồm: ▶ Nhận tiền gửi; ▶ Cấp tín dụng; ▶ Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản; và ▶ Các hoạt động ngân hàng khác.
Hoạt động công ty tài chính:	Cho vay tiêu dùng và các hoạt động tài chính khác
Hoạt động quản lý nợ và khai thác tài sản:	Hoạt động quản lý nợ và khai thác tài sản

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và năm kết thúc cùng ngày được trình bày trong bảng sau:

(Triệu VND)	Hoạt động ngân hàng	Hoạt động công ty tài chính	Hoạt động quản lý nợ và khai thác tài sản	Điều chỉnh nội bộ	Tổng cộng
Doanh thu					
Doanh thu lãi	31.120.578	21.390.310	1.865	(150.986)	52.361.767
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	3.071.456	354.461	191.678	(261.468)	3.356.127
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh khác	2.754.535	673.561	(1.672)	(95.260)	3.331.164
	36.946.569	22.418.332	191.871	(507.714)	59.049.058
Chi phí					
Chi phí lãi	(16.147.074)	(4.187.451)	-	318.581	(20.015.944)
Chi phí khấu hao tài sản cố định	(269.113)	(111.118)	(201)	-	(380.432)
Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(6.082.114)	(4.926.644)	(190.996)	188.165	(11.011.589)
	(22.498.301)	(9.225.213)	(191.197)	506.746	(31.407.965)
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	14.448.268	13.193.119	674	(968)	27.641.093
Chi phí dự phòng rủi ro	(5.140.581)	(9.480.287)	-	(770)	(14.621.638)
Kết quả kinh doanh bộ phận	9.307.687	3.712.832	674	(1.738)	13.019.455
Tài sản					
Tiền mặt	3.282.556	-	-	-	3.282.556
Tài sản cố định	1.406.733	455.959	-	138	1.862.830
Tài sản khác	355.368.495	72.934.432	189.384	(14.611.170)	413.881.141
	360.057.784	73.390.391	189.384	(14.611.032)	419.026.527
Nợ phải trả					
Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	311.100.428	55.293.297	-	(6.815.021)	359.578.704
Nợ phải trả nội bộ	721.921	35.260	500	-	757.681
Nợ phải trả khác	3.434.063	2.572.360	27.629	(137.412)	5.896.640
	315.256.412	57.900.917	28.129	(6.952.433)	366.233.025

(ii) Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Ngân hàng và các công ty con chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của VPB không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt do VPB hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng nhận định rằng VPB chỉ có một bộ phận theo khu vực địa lý. Theo đó, VPB không cần phải trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

53. CÁC KHOẢN MỤC BẤT THƯỜNG

Trong năm 2020, nền kinh tế và xã hội Việt Nam chịu ảnh hưởng lớn của đại dịch Covid-19.

Đại dịch Covid-19 được xác nhận lần đầu tiên tại Việt Nam tại ngày 23 tháng 1 năm 2020. Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp ngăn chặn, trong đó có việc thực hiện cách ly xã hội từ ngày 1 tháng 4 năm 2020. Từ ngày 23 tháng 4 năm 2020, Việt Nam cơ bản đã dừng cách ly xã hội và các hoạt động kinh tế, xã hội trong nước đã dần quay lại trạng thái bình thường. Tuy nhiên, số ca lây nhiễm trên toàn thế giới vẫn tiếp tục gia tăng. Ngày 28 tháng 1 năm 2021, Covid-19 đã bùng phát trở lại tại Quảng Ninh và Hải Dương, và đang có chiều hướng lan sang các tỉnh thành khác. Đại dịch Covid-19 ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp ở nhiều ngành nghề khác nhau.

Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, VPB đã thực hiện cơ cấu lại thời gian trả nợ và miễn, giảm lãi, phí giữ nguyên nhóm nợ cho các khách hàng chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 theo hướng dẫn của Thông tư 01. Đồng thời, VPB cũng đã áp dụng Công văn 7751, thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ của khách hàng bị ảnh hưởng của mưa lũ tại khu vực Miền Trung và Tây Nguyên diễn ra vào tháng 10 năm 2020.

Tỷ giá ngày		
	31/12/2020	31/12/2019
	VND	VND
AUD	17.660	16.232
CAD	18.165	17.749
CHF	26.186	23.908
CNY	3.539	3.312
DKK	3.160	3.160
EUR	28.523	25.804
GBP	31.160	30.396
JPY	224	213
NZD	17.249	17.249
SEK	3.078	3.078
SGD	17.504	17.192
THB	640	640
USD	23.100	23.175
XAU (*)	558.250	418.950

(*) Đây là tỷ giá cho 0,01 lượng vàng

55. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu so sánh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được trình bày lại cho phù hợp với báo cáo tài chính của năm hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được trình bày lại như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	31/12/2019	31/12/2019	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
	(Như đã báo cáo trước đây)	(Trừ tiền gửi ký quỹ)	(Sau khi trình bày lại)
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	22.201.501	(84.788)	22.116.713
Bảo lãnh khác	16.745.678	(588.813)	16.156.865

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

19-03-2021

Người kiểm soát:



Lê Hoàng Khánh An
Giám đốc Tài chính



Người duyệt:

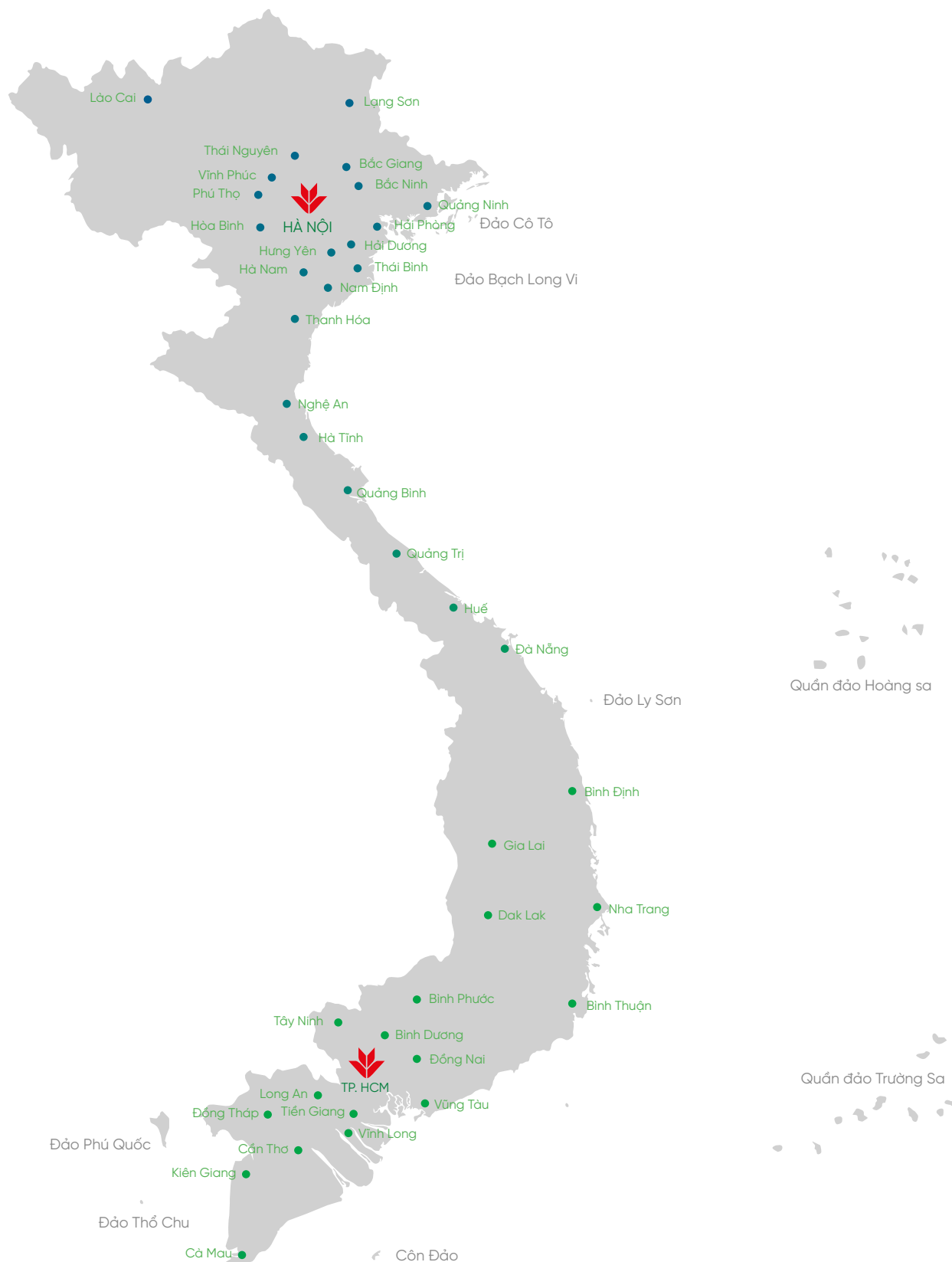


Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

MẠNG LƯỚI VPBANK

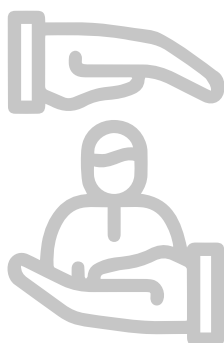
174

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VPBANK 2020



KÊNH GIAO DỊCH	2019	2020
Chi nhánh bán lẻ	228	233
Trung tâm SME/MSME	87	68
Tín dụng tiêu dùng (FE Credit)	~ 12.000 POS ~ 34.000 POC	~ 22.000 POS ~ 34.000 POP
ATM/CDM	449/186	419/182

Số Khách hàng cá nhân hoạt động:



Năm 2019



Năm 2020

175

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VPBANK 2020

Danh sách chi nhánh

Hà Nội	66	Thái Nguyên	2	Hồ Chí Minh	49	Cần Thơ	3
Hà Nam	1	Vĩnh Phúc	3	Đồng Nai	3	Lâm Đồng	1
Hải Phòng	9	Ninh Bình	1	Bình Dương	3	Cà Mau	1
Hải Dương	3	Nam Định	5	Bình Định	2	Kiên Giang	2
Quảng Ninh	4	Thanh Hóa	6	Khánh Hòa	2	Tiền Giang	1
Thái Bình	4	Nghệ An	6	Vũng Tàu	2	Vĩnh Long	1
Bắc Giang	4	Hà Tĩnh	4	Gia Lai	1	Tây Ninh	1
Lạng Sơn	1	Đà Nẵng	7	Đắk Lắk	1	Lào Cai	1
Hưng Yên	1	Huế	6	Bình Thuận	2	Bình Phước	1
Bắc Ninh	3	Quảng Bình	4	Long An	2	Bến Tre	1
Hòa Bình	2	Quảng Trị	2	Đồng Tháp	2	Phú Yên	1
Phú Thọ	2	Quảng Nam	2	An Giang	2		



TỔNG SỐ CHI NHÁNH/ PHÒNG GIAO DỊCH

PHỤ LỤC

MỤC LỤC. DANH MỤC CÁC CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU VÀ MỤC LỤC TIÊU CHUẨN GRI

DANH MỤC	TIÊU CHUẨN GRI	CÔNG BỐ THÔNG TIN (THEO GRI)	TRÍCH DẪN TRANG TRONG BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
GRI 102-1. HỒ SƠ TỔ CHỨC			
1.1	102-1	Tên tổ chức	Trang 94
1.2	102-2	Các hoạt động, thương hiệu, sản phẩm và dịch vụ	Trang 104
1.3	102-3	Địa điểm của trụ sở chính	Trang 95
1.4	102-4	Các địa điểm hoạt động	Trang 104, 174
1.5	102-5	Quyền sở hữu và hình thức pháp lý	Trang 94
1.6	102-6	Các thị trường phục vụ	Trang 104
1.7	102-7	Quy mô của tổ chức	
1.8	102-8	Thông tin về nhân viên và người lao động khác	Trang 40, 61
1.9	102-11	Phương pháp hoặc nguyên tắc phòng ngừa	Trang 24
1.10	102-12	Các sáng kiến bên ngoài	Trang 31,50
GRI 102-2. CHIẾN LƯỢC			
1.11	102-14	Tuyên bố của người ra quyết định cấp cao	Trang 6-7
1.12	102-15	Các tác động, rủi ro và cơ hội chính	Trang 13, 50
GRI 102-3. ĐẠO ĐỨC VÀ TÍNH CHÍNH TRỰC			
1.13	102-16	Các giá trị, nguyên tắc, tiêu chuẩn và chuẩn mực của hành vi	Trang 6-7
GRI 102-4. QUẢN TRỊ			
1.14	102-18	Cơ cấu quản trị	Trang 51, 53, 70-87
1.15	102-19	Phân cấp thẩm quyền	
1.16	102-20	Trách nhiệm của cấp điều hành đối với các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội	
1.17	102-21	Tham vấn các bên liên quan về các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội	
1.18	102-22	Thành phần của cấp quản lý cao nhất và các ủy ban	
1.19	102-23	Chủ tịch của cấp quản lý cao nhất	Chủ tịch của cấp quản lý cao nhất không đồng thời là giám đốc điều hành.
1.20	102-24	Bổ nhiệm và lựa chọn cấp quản lý cao nhất	Trang 60
1.21	102-25	Xung đột lợi ích	Trang 91
1.22	102-26	Vai trò của cấp quản lý cao nhất trong việc thiết lập các mục đích, giá trị và chiến lược	Trang 82-83
1.23	102-28	Đánh giá hiệu quả hoạt động của cấp quản lý cao nhất	Trang 60
1.24	102-29	Nhận diện và quản lý các tác động kinh tế, môi trường và xã hội	Trang 50
1.25	102-30	Hiệu quả của quy trình quản lý rủi ro	Trang 24
1.26	102-31	Rà soát các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội	Trang 50-51
1.27	102-32	Vai trò của cấp quản lý cao nhất trong lập báo cáo phát triển bền vững	

1.28	102-35	Chính sách về thù lao	Trang 60, 87
1.29	102-36	Quy trình xác định mức thù lao	
GRI 102-5. SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN			
1.30	102-40	Danh sách các nhóm bên liên quan	Trang 51
1.31	102-41	Các thỏa ước thương lượng tập thể	Trang 60
1.32	102-42	Nhận diện và lựa chọn các bên liên quan	Trang 51
1.33	102-43	Phương pháp tiếp cận đối với sự tham gia của bên liên quan	
1.34	102-44	Các mối quan ngại và chủ đề chính	Trang 51-52
GRI 102-6. THÔNG LỆ BÁO CÁO			
1.35	102-45	Các đơn vị được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất	Trang 105
1.36	102-46	Xác định nội dung báo cáo và phạm vi chủ đề	Trang 51-52
1.37	102-47	Danh mục các chủ đề trọng yếu	
1.38	102-48	Trình bày lại thông tin	
1.39	102-49	Các thay đổi trong báo cáo	
1.40	102-50	Kỳ báo cáo	
1.41	102-51	Ngày của báo cáo gần nhất	
1.42	102-52	Chu kỳ báo cáo	
1.43	102-54	Tuyên bố lập báo cáo tuân theo Tiêu chuẩn GRI	
1.44	102-55	Mục lục GRI	Phụ lục Báo cáo
1.45	102-56	Bảo đảm độc lập của bên thứ ba	Trang 97
GRI 201. HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ			
2.1	201-1	Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ	Trang 10-12
2.2	201-2	Ảnh hưởng đến kết quả hoạt động tài chính, các rủi ro và cơ hội khác do biến đổi khí hậu	Trang 50
2.3	201-3	Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi đã quy định và các chế độ hưu trí khác	Trang 60, 119
GRI 202. SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG			
2.4	202-1	Tỷ lệ của mức lương khởi điểm theo giới tính so với mức lương tối thiểu của vùng	Trang 60
GRI 203. TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP			
2.5	203-1	Đầu tư cơ sở hạ tầng và các dịch vụ được hỗ trợ	Trang 18, 31, 56-57
2.6	203-2	Tác động kinh tế gián tiếp trọng yếu	
GRI 204. CHỐNG- THAM NHŨNG			
2.7	205-1	Các hoạt động đã được đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng	Trang 63
2.8	205-2	Truyền thông và đào tạo về các chính sách và quy trình chống tham nhũng	
GRI 302. NĂNG LƯỢNG			
3.1	302-1	Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức	Trang 55
3.2	302-4	Giảm tiêu hao năng lượng	
GRI 306. NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI			
3.3	306-2	Tổng lượng chất thải theo loại và phương pháp xử lý	Trang 55
GRI 307. TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG			
3.4	307-1	Không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường	Không phát sinh tại VPBank trong năm 2020.

GRI 308. ĐÁNH GIÁ NHÀ CUNG CẤP VỀ MÔI TRƯỜNG			
3.5	308-1	Các nhà cung cấp đã được đánh giá sơ bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí về môi trường	Trang 53
3.6	308-2	Các tác động môi trường tiêu cực trong chuỗi cung ứng và các hành động đã thực hiện	
GRI 401. VIỆC LÀM			
4.1	401-1	Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc	Trang 61
4.2	401-2	Phúc lợi cung cấp cho nhân viên	Trang 60, 119, 154
4.3	401-3	Nghỉ thai sản	Trang 60
GRI 402. MỐI QUAN HỆ LAO ĐỘNG/QUẢN LÝ			
4.4	402-1	Thời hạn thông báo tối thiểu về những thay đổi trong hoạt động	VPBank căn cứ vào tính chất & tác động của sự thay đổi để quyết định thời gian thông báo phù hợp cho CBNV để hạn chế thấp nhất ảnh hưởng tới CBNV và đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật.
GRI 403. AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP			
4.5	403-1	Đại diện của người lao động trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động	Công đoàn là đại diện.
4.6	403-2	Loại thương tích và tỷ lệ thương tích, bệnh nghề nghiệp, ngày công bị mất, tình trạng vắng mặt và số vụ tử vong liên quan đến công việc	Trang 63
4.7	403-3	Người lao động có tỷ lệ cao hoặc có nguy cơ cao mắc các bệnh liên quan đến nghề nghiệp	Không phát sinh tại VPBank trong năm 2020.
4.8	403-4	Các chủ đề về sức khỏe và an toàn được đề cập trong thỏa thuận chính thức với công đoàn	Chế độ lao động, an toàn vệ sinh lao động, sức khỏe nghề nghiệp, chăm sóc sức khỏe người lao động.
GRI 404. GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO			
4.9	404-1	Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên	Trang 62
4.10	404-2	Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp	Trang 62
4.11	404-3	Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp	100%
GRI 405. SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG			
4.12	405-1	Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên	Trang 60-61
4.13	405-2	Tỷ lệ lương cơ bản và thù lao của phụ nữ so với nam giới	
GRI 406. KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ			
4.14	406-1	Các vụ việc phân biệt đối xử và các hành động khắc phục đã thực hiện	Không phát sinh tại VPBank trong năm 2020.
GRI 408. LAO ĐỘNG TRẺ EM			
4.15	408-1	Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động trẻ em	Không phát sinh tại VPBank trong năm 2020.
GRI 409. LAO ĐỘNG CƯỖNG BỨC HOẶC BẮT BUỘC			
4.16	409-1	Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc	Không phát sinh tại VPBank trong năm 2020.

GRI 410. THÔNG LỆ VỀ AN NINH			
4.17	410-1	Nhân viên an ninh được đào tạo về các quy trình hoặc chính sách liên quan đến quyền con người	Trang 62
GRI 411. QUYỀN CỦA NGƯỜI BẢN ĐỊA			
4.18	411-1	Các vụ vi phạm liên quan đến quyền của người bản địa	Không phát sinh tại VPBank trong năm 2020.
GRI 412. ĐÁNH GIÁ QUYỀN CON NGƯỜI			
4.19	412-2	Đào tạo nhân viên các quy trình hoặc chính sách về quyền con người	Trang 62
GRI 413. CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG			
4.20	413-1	Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển	Hoạt động cấp tín dụng có tham gia của cộng đồng địa phương thông qua quy trình tiếp nhận và giải quyết khiếu nại.
GRI 414. ĐÁNH GIÁ NHÀ CUNG CẤP VỀ MẶT XÃ HỘI			
4.21	414-1	Các nhà cung cấp mới đã được đánh giá sơ bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí về mặt xã hội	Trang 53
4.22	414-2	Các tác động xã hội tiêu cực trong chuỗi cung ứng và các hành động đã thực hiện	Không phát sinh tại VPBank trong năm 2020.
GRI 416. SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA KHÁCH HÀNG			
4.23	416-1	Đánh giá tác động về sức khỏe và an toàn của các loại sản phẩm và dịch vụ	Trang 53
4.24	416-2	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến tác động sức khỏe và an toàn của các sản phẩm và dịch vụ	Không phát sinh tại VPBank trong năm 2020.
GRI 418. QUYỀN BẢO MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG			
4.25	418-1	Khiếu nại có căn cứ về việc vi phạm Quyền bảo mật thông tin khách hàng và mất dữ liệu khách hàng	VPBank kiên quyết xử lý các vi phạm Quyền bảo mật thông tin khách hàng và mất dữ liệu khách hàng. VPBank thường xuyên khuyến nghị Khách hàng nâng cao tính bảo mật.
GRI 419. TUÂN THỦ VỀ KINH TẾ-XÃ HỘI			
4.26	419-1	Không tuân thủ luật pháp và các quy định trong lĩnh vực kinh tế và xã hội	Không phát sinh tại VPBank trong năm 2020.

